

TÂM TƯ SAO BIỂN 2026

tâm tư sao biển 2026

Tâm tư Sao Biển 2026
Hình bìa: Đức Mẹ sầu bi lấy từ reddit.com

TÂM TƯ SAO BIỂN 2026

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Midway Press 2026

MỤC LỤC

Lời ngỏ mở ngõ tâm tư	9
Âm vang tình khúc tri ân	13
Âm vang tình khúc tri ân (hình)	22
Cha Láng, lớp 67 và… tôi	26
Lan man "tiếng chuông chiều"	45
Phế tích nhà thờ Nhà Đá và cái chuông luân lạc	50
Chữ quốc ngữ ở cuối sông Thu Bồn	62
Chuyện trước khi Đức Lêô XIV đắc cử	71
Phan Bội Châu viết gì sau khi thăm DCCT Huế và nhà L'Acceuil?	83
Giải khăn xô cho L'Acceuil Huế	87
Cỡi ngựa sắt tập thể dục	91
Bị "quay" để đi Mỹ	95
Nhật ký truyền giáo Những ngày đầu tại Pleiku	122
Bão lụt	138
Giáo dục nhà trường Công giáo TCV Thánh Giuse, Sài Gòn	145
Sửa lưng Vương Hồng Sển	173
Các -Ism triết học (phiên bản tối giản)	193
Vọng 60 năm SB67	196

Đất Thánh
(Loạt phóng sự xưa nay về Osaka) 200
Màu đen trong ẩm thực 213
Sự thật không thể bị giết
- lời ai điếu dành cho Charlie Kirk 240
“Hạnh đầu-đà” là giống ôn gì? 247
Nuối tiếc doanh trại 288
Về tác giả “Cái nhà là nhà của ta” 294

LỜI NGỎ MỞ NGÕ TÂM TƯ

Thân thương cùng các huynh đệ,

Cứ nấn ná chờ bài, nên TTSB 2026 trễ tràng. Cuối cùng rồi cũng có một số bài của các anh em có ngòi viết còn khỏe. Có tâm tình cần gởi gắm. Đặc biệt, năm nay có một sự kiện đáng nhớ: Đêm nhạc Cha Láng. Cách đây nhiều năm, Phạm Bá Lân có nói với tại hạ: Cha Láng kêu làm cho ngài một CD nhạc của ngài mà cứ hẹn lần hẹn lựa. Năm 2025, nhân một chuyến "đại hành" (không phải là chuyến đi mà các sải sử gia đặt cho vua Lê Đại Hành) lần lượt ghé thăm các anh em Sao Biển 67, chuyện nhạc Cha Láng được tại hạ nhắc lại.

Số là anh em 67 tổ chức đi từ Nha Trang vào đến Ma Lâm. Lần lượt dừng chân để hẹn hò tâm tình với nhau ở những điểm như Phan Rang, Phan Thiết, Ma Lâm và Bà Rịa. Chuyến quay về dừng chân ở nhà Phạm Bá

Lân 67, sẵn đó mới bàn bạc chuyện nhạc Cha Láng, cục nợ của anh ta. Thế là hình thành một dự án để thực hiện trong năm 2026. Et factum est ita – Và như thế sự việc đã diễn ra hôm 12 tháng tư, 2026.

Ỉ ôi lắm, mới có được hai bài viết về sự kiện này của Lê Hồng Bảo và Trần An Tịch. Chỉ tiếc là những chi tiết của dự án không được thuật lại như một tự sự lớn từ chọn bài đến tập hát mà chỉ là những đại thể. Chỉ tiếc là thiếu bình luận về nhạc chất.

Ngoài ra, TTSB 2026 có sự đóng góp thơ văn của Lê Hồng Bảo SB72. Nghiên cứu lịch sử của Nguyễn Văn Nghệ SB74 về phế tích thánh đường Nhà Đá và Lược tiểu sử tác giả bài hát *Cái nhà là nhà của ta*. Tự sự du hí Mỹ và "hồ than thở" về bão lụt của Nguyễn Lục Khoa SB67. Còn có mấy chục tấm hình không caption của Nguyễn Trọng Hương SB67 dành cho dự án 60 năm lớp 67 vào năm 2027 – y như phim thời Charlot. Một bài lượm trên mail của Nguyễn Đình Nghi SB67 – người mà Lân SB67 phong cho biệt danh là "nhà dăn". Một bài khác cũng lượm trên mail mà quên mất địa chỉ nói về Đức Leo XIV trước ngày đắc cử. Lượm trên mail nữa là Lan man "tiếng chuông chiều" của Võ Hạnh SB69. Một bài của Alphonse

Daudet, nhà văn mà anh em từng quen biết qua sách giáo khoa Au Jardin des Lettres thời còn ở Tiểu chủng viện, do anh Nguyễn Kim Ngân SB 59 chuyển ngữ. Và bài *Sự thật không thể bị giết* nói về Charlie Kirk cũng do anh Ngân chuyển ngữ.

Đặc biệt, đóng góp những tác phẩm điêu khác trình làng theo folklore phồn thực và một số chủ đề tôn giáo rất Đoàn Xuân Hùng SB74 - xù xì, thô mộc.

Một bài rất quý tự sự về Nhật ký truyền giáo ở Pleiku của Tađêo Phạm Văn Hiền SB74.

Đọc rồi cũng đói, gần cuối sách đăng lại bài *Màu đen trong ẩm thực* của Ngữ Yên Trần Công Khanh SB67, giúp anh em "hẩu xực" cách hàm thụ…

Những bài lượm lặt khác không ngoài mục đích giúp mở rộng kiến văn của anh em.

Có vẻ như anh em bây giờ mạnh hình hơn là chữ, nên TTSB 2026 cũng ngả theo trend đó.



ÂM VANG TÌNH KHÚC TRI ÂN

TRẦN AN TỊCH SB68

Bài viết này không chỉ mang ý nghĩa của một bản tin sinh hoạt, mà còn là một trang ký ức của tình thầy trò, tình huynh đệ Sao Biển và lòng tri ân dành cho một người cha, người thầy đã dùng cả cuộc đời mình để phụng sự Thiên Chúa qua âm nhạc.

Đêm Thánh Nhạc dành cho Cha Giuse Trần Văn Láng – nhạc sĩ Văn Lang

Trong tâm tình yêu mến và tri ân, Đêm Thánh Nhạc với chủ đề **"Âm Vang Tình Khúc Tri Ân"** đã được tổ chức vào lúc 19g30 ngày 12 tháng 4 năm 2026 tại Giáo xứ Hộ Diêm, quê hương của cha nhạc sĩ Giuse Trần Văn Láng, ngài thường được biết đến với bút danh Văn Lang. Đây là dịp đặc biệt để cộng đoàn cùng nhìn lại hành trình sáng tác và phục vụ lâu

dài của một người linh mục đã dành phần lớn cuộc đời mình cho Thiên Chúa và Giáo hội qua âm nhạc thánh ca.

Đêm Thánh Nhạc không chỉ là một chương trình biểu diễn nghệ thuật, nhưng còn là cuộc hội ngộ của những tâm hồn cùng chung niềm yêu mến thánh nhạc, là dịp để các thế hệ học trò, những người từng được đón nhận sự hướng dẫn và tình thương của cha, cùng nhau bày tỏ lòng quý mến và biết ơn đối với người thầy đáng kính.

Hiện diện trong đêm nhạc có cha Gioan Phan Tiến Dũng, đại diện Đức Giám mục Giáo phận; quý cha cao niên đang nghỉ dưỡng; cha Gioan Baotixita Nguyễn Kim Đệ, Hạt trưởng Giáo hạt Ninh Hải, quản xứ Hộ Diêm; cha Phêrô Mai Tích, Trưởng ban Thánh nhạc Giáo phận Nha Trang; quý cha, quý tu sĩ nam nữ, quý ân nhân, thân nhân, quan khách, các anh em Cựu Chủng sinh Sao Biển cùng đông đảo cộng đoàn dân Chúa.

Đặc biệt, chương trình có sự cộng tác nhiệt tình của các ca đoàn đến từ Giáo xứ Hộ Diêm, Phan Rang, Hòn Thiên và ca đoàn Phanxicô Assisi, cùng các ca sĩ, nhạc sĩ và nhạc công. Tất cả đã góp phần làm nên một đêm thánh nhạc phong phú, trang trọng và đầy ý nghĩa.

Một hành trình hơn 60 năm dâng hiến cho thánh nhạc

Cha Giuse Trần Văn Láng đã có hơn 60 năm miệt mài sáng tác và phục vụ trong lãnh vực thánh nhạc. Ngay từ khi còn là thầy tu học tại Đại Chủng viện Xuân Bích Huế, cha đã sớm bộc lộ niềm say mê âm nhạc và sáng tác. Cha gia nhập Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh từ những tác phẩm đầu tiên về Thánh Thể như *Con Tin Yêu*, *Thờ Lạy Chúa*, và có những sáng tác được tuyển đăng trong tuyển tập *Cung Thánh Tổng Hợp*.

Trải qua nhiều năm tháng, gia tài âm nhạc của cha ngày càng phong phú với hơn 250 ca khúc thánh ca phụng vụ được tập hợp và xuất bản trong tuyển tập *Ân Tình Ca*. Bên cạnh đó, cha còn dành nhiều tâm huyết sáng tác các bài hát giáo lý, trong đó có trọn bộ nhạc giáo lý Tân Định và bốn tập nhạc theo các chủ đề: Tuyên xưng đức tin, Ơn Chúa, Luân lý và Hành trang lên đường – Cầu nguyện.

Điều đáng quý nơi cha là ước mong đưa chân lý đức tin đến với mọi người, nhất là các em thiếu nhi, bằng những giai điệu ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thuộc và dễ hiểu. Qua đó, âm nhạc không chỉ giúp việc học giáo lý

thêm sinh động, mà còn trở thành phương thế nuôi dưỡng đức tin ngay từ những năm tháng tuổi thơ.

Những giai điệu nối kết tâm tình tri ân

Với chủ đề *Âm Vang Tình Khúc Tri Ân*, các tiết mục trong đêm nhạc được chọn lựa và sắp xếp như một hành trình đức tin, đưa cộng đoàn đi từ niềm vui đón mừng Ngôi Lời Nhập Thể đến tâm tình cầu nguyện, ca tụng và tạ ơn Thiên Chúa.

Mười hai tác phẩm của cha nhạc sĩ lần lượt được giới thiệu qua các hình thức hợp ca, tốp ca, song ca và đơn ca. Có thể kể đến những ca khúc như: *Mùa Hồng Ân Đã Đến*, *Đường Chúa Đi*, *Từ Khi Chưa Có Sao Trời*, *Ta Hãy Ca Khen*, *Lạy Các Thánh Tử Đạo Việt Nam*, *Thơm Ngát Hương Kinh*, *Chúa Đến*, *Tiếng Người Tôi Yêu*, *Tình Khúc Tri Ân*, *Ai Dẫn Đưa Con*, *Ngôi Lời Giáng Sinh* và *Muôn Vì Tinh Tú*.

Mỗi ca khúc là một sắc thái riêng, một lời kinh được diễn tả bằng âm nhạc. Những giai điệu ấy không chỉ phản ánh tâm tình đạo đức của người sáng tác, mà còn cho thấy sự phong phú trong đời sống đức tin và lòng nhiệt thành phục vụ của cha nhạc sĩ qua nhiều thế hệ.



Cuộc trò chuyện giữa cha nhạc sĩ và MC.

Một điểm nhấn đặc biệt của chương trình là cuộc trò chuyện thân tình giữa cha nhạc sĩ và người dẫn chương trình. Qua những câu hỏi gợi nhớ về thời gian tu học tại Đại Chủng viện Xuân Bích Huế, những ngày đầu sáng tác, cũng như công việc giảng dạy tại Tiểu Chủng viện Sao Biển, cộng đoàn có dịp hiểu thêm về con người và tâm hồn của cha.

Đặc biệt, câu chuyện cha từng sử dụng những câu thơ, câu hát để giúp các chủng sinh dễ nhớ những quy tắc văn phạm tiếng Anh đã mang lại những tràng cười vui vẻ và gần gũi. Một kỷ niệm nhỏ nhưng thật đáng nhớ, cho thấy sự sáng tạo, nét dí dỏm và tình yêu thương của người thầy dành cho các học trò.

Bên cạnh đó, những chia sẻ về ước mong sáng tác các bài hát giáo lý ngắn gọn cho thiếu nhi càng giúp mọi người cảm nhận rõ hơn thao thức mục vụ của cha: dùng âm nhạc để chuyển tải Lời Chúa, giúp người tín hữu hiểu, yêu mến và sống đức tin cách cụ thể hơn.

Trong chương trình, cha Phêrô Mai Tích, Trưởng ban Thánh nhạc Giáo phận Nha Trang, cũng đã có những tâm tình cảm tưởng, góp thêm tiếng nói trân trọng đối với những đóng góp của cha nhạc sĩ cho đời sống thánh nhạc Giáo phận.

Âm vang còn mãi trong tâm tình người học trò

Đêm Thánh Nhạc khép lại trong bầu khí trang nghiêm và sốt sắng với ca khúc *Đâu Có Tình Yêu Thương* do cha Gioan Phan Tiến Dũng cất lên, trước khi ban phép lành kết thúc cho cộng đoàn.

Thay mặt Ban Tổ chức, những lời tri ân được gửi đến quý cha, quý tu sĩ, quý ân nhân, thân nhân, các anh em Cựu Chủng sinh Sao Biển, các ca đoàn, ca sĩ, nhạc công và tất cả những người đã quảng đại cộng tác. Cách riêng, chương trình ghi nhận sự hỗ trợ quý

báu của anh Lâm Quang Tiến, Cựu Chủng sinh Sao Biển lớp 67 ở hải ngoại, người đã tài trợ cho đêm thánh nhạc.

Đặc biệt, lòng tri ân được hướng về cha Giuse Trần Văn Láng – nhạc sĩ Văn Lang. Hơn cả những tác phẩm đã được sáng tác và lưu truyền, điều còn đọng lại chính là một đời tận tụy phục vụ, một tâm hồn yêu mến thánh nhạc và một người thầy đã để lại những dấu ấn tốt đẹp trong lòng các thế hệ học trò.

Đối với anh em Cựu Chủng sinh Sao Biển, đêm nhạc còn mang một ý nghĩa riêng. Đó là dịp để những người học trò năm xưa được gặp lại người thầy cũ trong tâm tình kính mến; để những kỷ niệm của mái trường chủng viện, những bài học và những tháng ngày được cha hướng dẫn lại có dịp sống dậy trong ký ức.

Có thể thời gian đã làm phai nhạt nhiều kỷ niệm, nhưng những tình cảm chân thành dành cho người thầy đáng kính vẫn còn nguyên vẹn. Và có lẽ, món quà ý nghĩa nhất mà những người học trò có thể dâng tặng cha chính là sự trân trọng, lòng biết ơn và lời cầu nguyện chân thành cho người đã âm thầm gieo vào tâm hồn họ những hạt giống đức tin và tình yêu phục vụ.

Đêm Thánh Nhạc "Âm Vang Tình Khúc Tri Ân" đã khép lại, nhưng những giai điệu của lòng biết ơn sẽ còn ngân vang. Bởi âm nhạc có thể kết thúc, sân khấu có thể tắt đèn, nhưng tình thầy trò, tình huynh đệ và những tâm tình được dệt nên từ đức tin và lòng yêu mến Thiên Chúa sẽ còn mãi với thời gian.

Xin tạ ơn Thiên Chúa đã ban cho Giáo hội một mục tử biết dùng lời ca tiếng hát để phụng sự Ngài; và xin tri ân cha nhạc sĩ Văn Lang, người đã để lại cho các thế hệ những tình khúc thánh thiêng, như những lời cầu nguyện vẫn tiếp tục vang lên trong lòng Dân Chúa.




Đêm Thánh Nhạc
ÂM VANG TÌNH KHÚC TRI ÂN
LM. NHẠC SĨ VĂN LANG
Hộ Diêm, ngày 12 tháng 4 năm 2026











ÂM VANG TÌNH KHÚC TRI ÂN




Tủ còn tìm
dáng kiểu
Đêm Thánh Nhạc
ÂM VANG TÌNH KHÚC TRI ÂN
LM. NHẠC SĨ VĂN LANG
Hộ Diêm, ngày 12 tháng 4 năm 2026
Ngân vang
lời cảm tạ




Từ con tim
dâng hiến
Đêm Thán
ÂM VANG TÌNH K
LM. NHẠC SĨ V
Hộ Diêm, ngày 12 thá


h Nhạc
KHÚC TRI ÂN
ĂN LANG
g 4 năm 2026
Ngàn vang
lời cảm tạ

CHA LÁNG, LỚP 67 VÀ... TÔI

LÊ HỒNG BẢO SB72

Tôi chỉ được thọ giáo cha Láng một niên khóa và sống cùng các anh lớp 67 cũng đúng một niên khóa. Kỷ niệm không nhiều nhưng ấn tượng thì… không phai!

Cha Láng

Trong số các cha giáo lúc bấy giờ, cha Láng là người gợi cho tôi nhiều tò mò nhứt. Vừa chập chững vào chủng viện đã nghe các lớp đàn anh gọi ngài bằng nickname rất ngộ nghĩnh: "Bù Loóng". Tò mò hỏi thử một đờn anh thì được gợi ý ngay:

- Mày nhìn bảng số xe của cha kìa! Thấy chữ "Bù" không? Chữ "bù" gợi ý cây bù-loong (boulon) nên tụi tao đọc trại tên ổng thành "Loóng" luôn chớ hổng phải nhái giọng mấy thằng Quảng Ngãi đâu!

Mà thiệt, mấy cậu bạn dân Hòa Nghĩa của tôi dù vẫn còn âm sắc Quảng Ngãi nhưng không hề gọi cha Láng là cha Loóng. Khi cha chuyển từ Bình Tuy về chủng viện, ngài mang theo chiếc Honda dame màu đỏ mang bảng số Bình Tuy (ký hiệu BU). Kề bên tôi trong phòng étude và phòng ngủ lại có một anh lớp 71 là Huỳnh Xuân Ánh cũng có nickname này, có lẽ dáng dấp anh ta cũng trắng trẻo bầu bĩnh như cha Láng chăng? Lớp 69 cũng có một anh tên Láng nhưng lại bị gọi là Bà Láng chớ không phải Bù-Loóng.

Chúng tôi tựu trường đầu tháng 8 thì đầu tháng 9 là lễ sinh nhật Đức Mẹ, bổn mạng chủng viện. Vì thế, vừa ổn định sinh hoạt thì bắt đầu được cha Láng tập hát lễ bổn mạng. Hầu như nguyên bộ lễ nhạc này đều là tác phẩm của Văn Lang. Hồi đó, thánh ca không nhiều nên ở xứ tôi đều thuộc các bản nhạc dùng cho lễ, chầu hoặc kiệu Đức Mẹ. Những cái tên Khắc Xuyên, Hùng Lân, Hoàng Kim, Vinh Hạnh, Kim Long... đã quá quen thuộc. Vô chủng viện, cầm quyển Ca Trùng Dương thấy hơi bỡ ngỡ vì mấy cái tên lạ hoắc: Văn Lang, Mặc Tao... Lại được một đàn anh chỉ dạy:

- Văn Lang là bút hiệu của cha Láng đó, còn Mặc Tao là cha Ban – Anh ta còn chua

thêm – Mặc Tao là từ Hán-Việt trong "Tao nhân mặc khách" đó nghen mậy, hổng phải thô thiển như trong từ thuần Việt đâu!

Cũng nhờ cha Láng tập hát mà lần đầu tiên tôi được biết cây diapason, lúc nào ngài cũng cầm trên tay khi tập hát cũng như dạy nhạc lý. Tôi cũng nhận thấy ngài chỉ dạy mấy lớp từ năm thứ ba trở lên cho nên hai năm đầu tôi rất mong ngóng được học với ngài. Có lẽ một phần vì tâm lý chán cái mình có và mơ ước cái mình không có. Trong mắt tôi lúc bấy giờ, ngài là cha giáo dễ thương nhất vì phong cách giản dị gần gũi, hơi xuề xòa đầy chất nghệ sĩ! Khi đi ngài thường nghênh mặt một bên trông có vẻ hơi hài hước chứ không phải kênh kiệu. Buổi sáng ngài mặc áo dòng mới giặt phẳng phiu nhưng chỉ sau một giờ lớp là phủ đầy bụi phấn. Giờ chơi chiều, tôi thường thấy ngài đi tản bộ trên hành lang, miệng hơi chu chu lẩm nhẩm gì đó, hai tay thì một tay đánh phách một tay giữ nhịp khiến tôi liên tưởng đến Lão Ngoan Đồng Châu Bá Thông đang luyện võ cho hai tay đấu với nhau. Mà thiệt, năm thứ ba được thụ giáo với ngài tôi mới thấy ngài thay đổi thái độ và tính cách rất nhanh: Mới hiền hòa bỗng chốc rất dữ dằn, mới nghiêm khắc bất chợt lại cà rỡn. Hổng giống Lão Ngoan Đồng thì giống ai?

Rồi cũng đến lúc lớp tôi được thọ giáo cha Láng hai môn: Anh Văn và Nhạc Lý. Năm đó, tôi đăng ký học thêm harmonium nên cũng có thể gọi là ba môn. Môn đàn dạy theo nguyện vọng, không bắt buộc, nhưng cũng phải từ năm thứ ba trở đi mới được học. Chúng tôi được chia lịch để học vào chiều thứ Năm và Chúa Nhật hàng tuần. Nhạc cụ là 2 cái harmonium điện đặt trong phòng étude chú lớn ngay dưới phòng của ngài, chỉ cách có cái cầu thang. Nhớ bữa đó, ngài đưa cho hai đứa hai bản méthode để luyện ngón rồi lên phòng. Anh bạn ngồi bên tôi thấy cứ gõ mãi "Đồ Mi Sol Mi Sol Mi Đồ" chán ngắt nên… chuyển tông: "Là Đồ Rê Mí Rê Đồ Rê Là Sòl Là" (Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào). Bất chợt, cha Láng phi qua cửa sổ đến thẳng chỗ anh bạn chơi ngay hai bạt tai tóe lửa (Cửa sổ phòng étude có hai lớp: Một lớp lá sách và một lớp kính nhưng không có chấn song). Tôi ngỡ ngàng không hiểu sao ngài nhận ra ngay tiếng đàn "nổi loạn" ở phía bên đó. Tôi đem chuyện này kể cho một đàn anh thì nghe anh nói:

- Trình độ thẩm âm của ổng siêu lắm! Mày cũng lo chuẩn bị đi. Có lần ổng kiểm tra tao bằng cách ịn cái mông lên dàn phím rồi hỏi tao quãng đó từ nốt nào đến nốt nào.

Khiếp quá! Tuần sau tôi xin nghỉ học đàn.

Nhưng giờ Nhạc Lý của ngài khá vui và dễ chịu. Hình như khi tiếp cận âm nhạc thì ngài trở nên hồn nhiên và bay bổng. Tuy chỉ dạy chúng tôi xướng âm nhưng ngài luôn uốn éo theo từng nốt nhạc nên chúng tôi thấy tức cười. Mỗi lần như thế ngài chợt dừng lại cười cười:

- Gì dzẫy, gì dzẫy?...

Giờ Anh Văn thì ngược lại. Rất presssing! Hồi đó bọn tôi học chính thức quyển L'Anglais par l'illustration theo chương trình Pháp nhưng vẫn kèm theo cuốn English for Today để cập nhật kiến thức so với trường ngoài. Vào giờ của ngài khoảng 10 phút là bảng đầy chữ, sau đó là vừa xóa vừa viết. Kiểm tra miệng thì ngài đưa một bức tranh trong sách biểu đặt 30 câu hỏi nhưng được cỡ 20 câu là passed. Năm đó lớp tôi là trưởng tràng bên chú nhỏ nên được phân công giật chuông và bấm chuông giờ. Bữa nào kiếm tra viết ngài dặn bạn phụ trách bấm chuông phải báo cho ngài trước khi hết giờ năm phút. Giấy làm bài kiểm tra của ngài phải điền sẵn tên, hễ lấy giấy ra là làm bài ngay. Không có chuyện nhẩn nha đọc đề, nếu ngài hô "Translate" thì hễ ngài nói tiếng Việt thì dịch ra tiếng Anh và ngược

lại, nếu ngài hô "Opposite" thì hễ ngài nói "hard" thì phải ghi ngay "soft", v.v… Bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 20. Trên 15 điểm thì OK. Dưới 15 điểm thì phải chép phạt lỗi sai 20 lần. Dưới 10 điểm thì không những chép phạt mà chiều thứ Năm còn phải ôm bài kiểm tra lên phòng ngài để… đền tội! Nạn nhân nào tới lượt thì trình bài kiểm tra và… vạch áo lên khoe bụng. Ngài kẹp 2 ngón tay vào bụng nạn nhân rồi bắt từng lỗi sai. Mỗi lỗi sai lại được nhéo vài cái. Hồi đó tôi học Anh văn cũng tạm được, làm bài thường trên 15 điểm, thỉnh thoảng mới bị chép phạt. Bỗng nhiên một ngày đẹp trời nhận kết quả kiểm tra thấy số 9, lên phòng ngài thấy mình được đón tiếp "trọng thị" hơn các bạn hẳn! Món ốc đinh được bày sẵn thay cho hai ngón tay thường lệ. Con ốc cứ vô tư xoắn vào bụng theo từng nhịp "Sao dzẫy? Sao dzẫy?" Những lỗi văn phạm mà ngài đã soạn sẵn thơ thì phải ngâm lại cho hết bài để con ốc thôi nhún nhảy:

Đây là khiếm khuyết động từ
Shall, Will và Must, Ought to, May, Can
Ngôi ba thiếu S ở bên
Nghi thời đảo ngược – Phủ thêm NOT vào

Thiếu TO ở trước ở sau
Tương lai, quá khứ nhờ vào… tương đương.

Đặc biệt những bài thơ này phải hát kiểu ngâm nga chớ không đọc suông. Nhờ đó văn phạm của chúng tôi khá căn bản nên giờ học English For Today chỉ cần ghi thêm vài từ mới và luyện nghe nói. Ngài có một cái cassette mini và mấy cuộn băng của chương trình này. Vô giờ ngài bật bài đang học lên cho chúng tôi nghe qua. Thú thật lúc bấy giờ chúng tôi nghe như vịt nghe sấm thôi. Tôi chỉ nhìn hàng cuối trang chờ nó đọc đến đoạn đó thì lật sang trang. Anh bạn kế bên cứ ngồi dò dẫm từng chữ, ngài thấy đọc đã gần xong mà anh ta còn "soi" trang đầu liền bị ngay một bạt tai. Những cú bạt tai gây bất mãn một thời nay mới gạn ra được ân sâu nghĩa trọng.

Và điểm nhấn cuối cùng: Nhờ ngài mà tôi nhớ như in ngày "tan hàng". Đó là ngày 20.03.1975, vì chúng tôi được mừng lễ Bổn Mạng của ngài (19.03) ngày trước thì ngày sau… chia tay. Và vì thế tôi cũng nhớ luôn cả tên thánh của ngài để cầu nguyện cho ngài hàng năm.

Lớp 67

Năm tôi vào chủng viện thì các anh 67 chỉ còn khoảng hơn một chục và học phòng lớp kế bên phòng étude chú lớn. Phòng lớp này tụi tôi cũng ngồi học thụ giáo môn Anh văn với cha Láng sau này. Năm đó, các anh được tụi tôi gọi bằng "chú" rất trịnh trọng: Chú Chấn, chú Điệp, chú Điều… Chú Điều là cậu của bạn Huy lớp tôi dáng dong dỏng cao, da hơi ngăm, mái tóc dợn sóng. Chú Chấn hiền lành ít nói. Chú Điệp trắng trẻo dáng dấp hơi ẻo lả nhưng chơi thể thao cũng khá. Ngoài ra còn chú Cao Sơn chơi guitar lead rất hay. Chú Nghi cơ bắp rất đẹp nên tụi tôi hay gọi là Kiến Càng vì hồi đó có cuộc thi lực sĩ đẹp trên ti-vi gọi các thí sinh thể hình là Kiến Càng. Chú Tiến và chú Hóa hay đi cùng nhau vì cả hai đều hoạt bát so với các bạn cùng lớp. Tôi vẫn còn nhớ hai chú này sau khi lên chủng viện Chúa Chiên Lành một năm thì… lột xác. Hai chú về Sao Biển với mái tóc phủ tai giống band Phượng Hoàng. Năm đó còn chú Khanh, chú Khuê, chú Lung và một vài chú khác nhưng tôi không nhớ lắm vì… "*ở hai đầu nỗi nhớ*". Mấy chú lớp cuối còn tôi ở lớp đầu vào. Sau này, đọc các bài tùy bút của nhà văn Nghi còm tôi mới biết

là anh bán bắp luộc ở chợ Vĩnh Hải cùng thời với tôi làm bánh mì cho vợ bán cũng ở đó nhưng chắc không có duyên nên không gặp. Năm 1996, tôi đi học khóa Thánh nhạc tổ chức tại ĐCV Sao Biển thì "có duyên" gặp lại anh Chấn. Lúc này, sức khoẻ của anh cũng sa sút khá nhiều. Ban tổ chức lập tổ sinh hoạt ngẫu nhiên từ thành viên các giáo xứ. Ba chú cựu Sao Biển tham dự khóa tình cờ lại về cùng một tổ: Tôi - Bảo 72, Nguyễn Khanh 70 và Nguyễn Chấn 67. Nhập khóa buổi chiều, ăn cơm xong thì ra sinh hoạt và bầu tổ trưởng. Trong lúc sinh hoạt thì một vị thành viên Ban Thánh Nhạc sẽ đến từng tổ kiểm tra khả năng từng người để phân lớp. Ai yếu thì vào lớp Căn Bản, ai khá thì vào lớp Nâng Cao. Cách kiểm tra khá đơn giản: Tổ vẫn sinh hoạt hát hò bình thường, người kiểm tra gọi từng người ra để yêu cầu solfège một bài hát mới. Solfège tốt thì được xếp vô lớp Nâng Cao. Lại cũng tình cờ, người được BTN phân công kiểm tra tổ của tôi lại là Rev. Bùi Sĩ Đức SB70-71. Mới thấy mặt tôi anh đã… đuổi vào, khỏi kiểm tra. Anh Khanh 70 khệnh khạng bước ra cũng bị… đuổi vào. Đến phiên anh Chấn thì thấy bị kiểm tra khá lâu nhưng cũng… passed. Thế là ba anh em đều vào lớp Nâng Cao. Chừng

sinh hoạt xong ra sân đọc kinh chung tôi đi sau lưng nghe Rev. Đức hỏi anh Chấn:

- Tui thấy anh quen quen…

Anh Chấn nhỏ nhẻ:

- Dạ, hồi trước con có đi tu ở TCV Sao Biển.

Rev. Đức vồn vã:

- Tui cũng Sao Biển nè! Anh lớp nào?

Anh Chấn:

- Dạ, chắc con lớp nhỏ cha không biết đâu!

- Tui lớp 70, còn anh?

- Dạ, con lớp 67.

Tôi đi sau nghe được mới cười phá lên:

- Đúng rồi, 67 nhỏ hơn 70, làm sao biết được!

Rev. Đức quay lại nguýt tôi một cái… dài ngoằng.

Cũng thời điểm đó, tôi chỉ mới sắm được chiếc Yamaha nam 2 thì đời 68 đặng trèo đèo lội suối chụp hình cho đồng bào kiếm cơm. Dòng xe này uống xăng khỏi nói! Chạy được ít lâu lại hở bạc uống càng dữ. Tiệm phụ tùng xe máy Quang Tín tại Tháp Chàm do anh Điệp 67 làm chủ là nơi tôi thường lui tới. Nhờ đó mới có thêm dịp "thân thiết" với một anh 67. Gặp cả anh Tiến 65 ở đó nên được chơi thân với các bậc đờn anh. Gặp tôi là anh Điệp mở lời ngay:

- Bạc nữa hả?

Anh Tiến:

- Lại là Bảo… hành!

Thiệt dzui!

Cuối năm 1979, gia đình tôi "di cư" lên Song Mỹ, gặp lại thầy Linh SB61 về sống với mẹ tại đó. Và cũng nhờ cơ duyên này tôi được biết em của thầy cũng là một SB67 tuy chỉ ăn cơm chủng viện có vài tháng: Nguyễn Phước Khánh. Cuối năm 1980 đám cưới anh. Thầy Linh nhờ anh tôi là Tuấn SB70 khéo tay vẽ thiệp cưới cho anh. tôi cũng "phụ họa" chút đỉnh. Hồi đó thiệp cưới chưa có bán đại trà nên phải vẽ tay bằng sơn nước. Sau này có nhiều dịp gặp anh, nhưng tôi chỉ nhớ một câu để đời của anh: "Sai lầm lớn nhứt của cha bề trên Sách là đuổi tôi về, nếu không thì giờ này nhà tôi đã có hai Giám mục rồi." Bó tay!

Sau khi liên lạc được với các bạn 72, họp lớp tới lui nhiều bận tại Nha Trang, hai khuôn mặt SB67 mà chúng tôi thường gặp là anh Tăng và anh Hương. Anh Tăng có một người em cùng lớp với chúng tôi hiện đã định cư ở Mỹ là bạn Tú. Hiện nay anh ở cùng hẻm và gần nhà bạn Thắng. Cách đây vài năm, con gái anh chịu phép Thêm Sức cùng với cháu ngoại tôi tại nhà thờ Thanh Hải. Sau lễ cũng chụp hình chung lung tung lang tang. Con gái của anh nghe bạn kêu tôi

bằng ông ngoại nên cũng rụt rè gọi "bác". Tôi chỉ vào con gái tôi hỏi cháu:

- Con kêu cô này bằng gì?

- Dạ, bằng cô!

- Vậy con phải kêu bác bằng ông mới đúng chớ! Đây là con gái của ông mà.

May quá, hình như anh Tăng không nghe! Mà có nghe thì chắc anh cũng chỉ… cười! Tính anh vốn xuề xòa, gần gũi anh em.

Anh Hương thì sôi nổi hơn và rất hợp với các bạn nhậu lớp tôi. Bạn bè lớp tôi gặp nhau thường kiếm chuyện châm chọc rồi cãi chày cãi cối những chuyện vớ vẩn cho vui. Vui quá nên thường lỡ xe. Thế là mấy chú lại về nhà anh Hương gầy độ tiếp. Say thì ngủ lại, đằng nào cũng bữa sau mới về được.

Anh Bá Lân thì về trước khi tôi vào chủng viện nhưng sau này gần gũi nhau nhờ sinh hoạt Cựu Sao Biển vùng. Thật ra, anh với tôi còn có liên hệ huyết thống nhưng trong nhà anh chắc chỉ có mình sr. Cúc Hoa (chị Hai của anh) biết. Kể ra thì bà con cũng xa rồi kiểu tôi có thể làm em rể anh mà không mắc ngăn trở, nhưng nếu không di dân mà chỉ quanh quẩn trong lũy tre làng Gò Thị thì… đừng hòng!

Hai văn sĩ 67 mà tôi đặc biệt kính nể là anh Nghi còm và anh Lục Khoa. Anh Nghi còm

bút lực sung mãn hơn nên viết đều đặn hơn. Tôi phục anh ở chỗ anh có thể viết về bất cứ thứ gì xảy ra chung quanh anh, từ hai con chó Mi - Xa, con thằn lằn, con rắn mối, cái quần Huyndai, cái cuốc, cái bàn cũ… Từ chuyện bán bắp, tập xe đạp, bị thợ điện dỏm lừa, đi khám bệnh… Cứ tưởng anh viết như nhật ký, nhưng không… Mỗi câu chuyện đều ẩn giấu một cảm nghiệm sống, một triết lý nhân sinh, một gợi mở nào đó… Nhiều khi gặp chuyện bất ưng, tôi hay tìm chuyện anh Nghi còm đọc và thấy lòng nhẹ nhàng, thanh thản…

Anh Khoa thường viết về quá khứ khó nhọc và tôi thường thấy hình ảnh mình trong đó. Tôi cũng có một quá khứ trôi nổi, bấp bênh như anh và cảm nghiệm cũng không khác mấy. Khác chăng là tôi không viết ra được như anh. Cả hai anh đều có lối hành văn mộc mạc giản dị kiểu Sơn Nam mà tôi rất thích. Văn của hai anh có hình ảnh, âm thanh và cảm xúc đủ đầy. Hai anh viết về cái nghèo như người đang ngồi trong cái nghèo đó. Còn nhiều nhà văn viết về cái nghèo kiểu đứng ngoài nhìn vào mà tả, dùng cả ngôn từ bóng bẩy để cố "lấy nước mắt" người đọc thì tôi không màng. Chính vì vậy mà hai anh xứng đáng được gọi là văn sĩ (không có ngoặc kép à nghen!)

Anh Khanh thì chỉ cùng trường với lớp chúng tôi được nửa niên khóa thì… "tạm biệt chim én" nên tôi không nhớ nhiều về anh. Nhưng sau này, khi tham gia viết bài cho *Tâm Tư Sao Biển* tôi mới có dịp biết về anh nhiều hơn. Anh đúng mẫu nhà báo chuyên nghiệp, chuyện gì cũng biết. Nhưng điều quan trọng nhất là anh rất tôn trọng sự khác biệt. Anh thích thông tin đa chiều, lý luận đa chiều, cảm nghiệm cũng đa chiều. Anh gọi tôi là "ông thần suy niệm" mặc dù chưa hề đăng bài suy niệm nào của tôi trên TTSB, nhưng có lẽ anh đọc trên Facebook. Tôi cũng thường đọc những bài trên FB và TTSB của anh. Ngoài ra, mấy quyển sách xuất bản dưới tên Ngữ Yên tôi đều có. Năm 2017, kỷ niệm 50 năm lớp 67, anh đã dành cho tôi đến 5-6 trang thơ trong TTSB. Thật là ưu ái!

Tóm lại, trong mắt cậu nhóc vào chủng viện năm 1972 thì mấy anh lớp 67 thuộc loại uyên bác. Quãng chênh lệch 5 năm có thể đã được bứt phá trong giai đoạn hơn nửa thế kỷ nhưng với tôi nó đã thành một định đề. Vì vậy, cho dù trước mặt tôi là một anh nông dân chân chất, anh ký giả tài hoa hay anh doanh nhân lịch lãm thì đối với tôi vẫn là một CHÚ LỚN uyên bác đáng kính.

Năm 2023, tôi có dịp đi Mỹ và có cơ hội gặp gỡ anh em cựu Sao Biển Nam Cali vào dịp Lễ Lá tại nhà Lâm Tùng Sơn SB73. Đến lúc đó tôi mới biết anh Tiến vẫn là… đồng chí Soloviev (đơn thân). Hôm sau, tôi có việc qua nhà chị Cẩm (chị của Ánh 70 & Sáng 73) liền thử gọi anh xem có ở gần để qua đón tôi không, nhưng anh trả lời phát một:

- Xa gần gì, cứ ở đó nửa tiếng nữa anh qua!

Ngồi trên xe với anh tôi mới biết anh là con thiêng liêng của cha Láng. Ảnh biểu tôi về hỏi cha Láng thích gì? Tôi đâu ngờ đó lại là tiền đề của một sự kiện:

Đêm nhạc Tình Khúc Tri Ân

Đùng một cái, anh Lân SB67 nhắn tin cho tôi: "Lớp 67 tụi anh chuẩn bị tổ chức một đêm nhạc Thánh ca tại Hộ Diêm cho cha Láng, kinh phí do Lâm Quang Tiến tài trợ. Em giúp một tay nghen!" Nhạc sĩ Bá Lân 67 là thổ địa xứ Hộ Diêm, đồng hương với cha Láng. Anh có một dàn em út cũng đang làm việc trong lĩnh vực âm nhạc và có quan hệ rộng rãi với các ca đoàn, các cha xứ. Thiệt đúng bài! Đối với cha nhạc sĩ thì còn gì quý hơn một đêm nhạc cho riêng mình? Tôi nhận trách nhiệm gửi thiệp và giúp ghi hình trong

đêm nhạc. Sau đó, anh Tịch 68 còn nhắn tin cho tôi hỏi về mấy bài thơ văn phạm Anh văn của cha Láng để "mớm" cho MC.

Ngoài cha Nguyễn Đình Trọng ở Mỹ thì ở Việt Nam, ngài là cha giáo cuối cùng còn thở chung bầu không khí với chúng ta. Hơn nửa thế kỷ thăng trầm, anh em chủng sinh mới có dịp quây quần bên ngài trong một đêm dành riêng cho ngài: ĐÊM NHẠC TÌNH KHÚC TRI ÂN tại giáo xứ Hộ Diêm, quê hương ngài.

2g30 chiều 12.04.2026, tôi đón xe buýt từ Song Mỹ xuống Phan Rang. Nếu ra Hộ Diêm thì tôi phải đón thêm một chặng xe buýt khác nên tôi thử gọi cho anh Điệp. Anh Điệp bảo tôi xuống Tháp Chàm đi với mấy anh cho vui. Tới nhà anh Điệp đã thấy mấy anh 67 tập trung sẵn đó, có lẽ lúc trưa các anh đã "họp lớp" sương sương chút rồi. Anh Điệp gọi taxi đi. Xuống Hộ Diêm đã thấy mấy anh Nha Trang vào sẵn đó. Tuy không đông nhưng ai nấy đều có vẻ hứng khởi với sự kiện này. Lớp 67 chủ xị có: Anh Khanh, anh Điệp, anh Lân, anh Nghi, anh Hương, anh Tăng. Ngoài ra, các lớp khác có: Anh Nhẫn 64, anh Tiến 65, anh Bình 65, anh Tân 66, anh Hiên 66, anh Tịch 68, anh Xinh 68, anh Giáo 71, Phụng 74. Hai chú út 74 "trên

từng cây số" là Nghệ và Hoan cũng có mặt. 72 chỉ có mỗi mình tôi. Cha Điệp 59 được xếp vào hạng "đồng đường" với "anh Bảy" nên không thể vắng mặt. Các cha nhà hưu Tấn Tài có: cha Thái, cha Phiên, cha Cương, cha Võ Quý. Ngoài ra, còn có cha đại diện miền Ninh Thuận Phan Tiến Dũng và một số cha thuộc miền Ninh Thuận. Đặc biệt, cha nhạc sĩ Mai Tích - Trưởng ban Thánh Nhạc giáo phận Nha Trang - cũng hiện diện.

Giữa chương trình có phần phỏng vấn và tặng hoa cho cha Láng. Tôi cảm nhận được niềm hân hoan tột bậc qua nét mặt rạng rỡ của ngài. Gần cuối chương trình, cha Mai Tích phát biểu về cảm nhận của ngài đối với tính cách và âm nhạc của cha Láng với nhiều quý trọng và ngưỡng mộ. Cuối chương trình, cha Phan Tiến Dũng chia sẻ một số tâm tình quý mến trong thời gian được gần gũi cha Láng tại nhà hưu, sau đó ngài đúc kết và ban phép lành cho toàn thể cử tọa. Qua tâm tình của các cha, tôi nhận thấy các ngài thực sự dành cho cha Láng rất nhiều yêu mến và kính ngưỡng. Các ngài cũng không những yêu mến Lão Ngoan Đồng vui vẻ, đơn sơ mà còn khâm phục "nội công thâm hậu" qua những sáng tác của cha nhạc sĩ. Có lẽ bấy nhiêu cũng đủ cho một đời tận hiến!

Chương trình được chăm chút khá kỹ, từ phần MC cho đến phần trình bày các tiết mục. Ca đoàn nào hát cũng hay và tâm tình. Nhưng thành công lớn nhứt chính là sự mãn nguyện nở trên khuôn mặt vị cha giáo nhạc sĩ khả kính.

- Tri ân cha giáo Giuse Trần Văn Láng: Một mẫu gương.

- Cảm ơn quý anh lớp 67: Những hình tượng.

Tôi: Kẻ mô phỏng.

HALOWEEN

LÊ HỒNG BẢO SB72

Mặt nạ, phục trang hiện hình ma quái
Mỗi năm một lần nghịch ngợm trêu ngươi
Chạnh thương đời trong những ngày còn lại
Ma quỷ nghênh ngang đội lốt con người!



Mặt nạ của Lê Hồng Bảo SB72.



LAN MẠN "TIẾNG CHUÔNG CHIỀU"

VÕ HẠNH SB69

Chiều xuống! Ánh nắng cuối ngày còn vương trên mái ngói nhà thờ, lặng lẽ trôi dần trên từng ngọn cây, những cánh chim tìm về tổ. Ngoài phố, dòng xe vẫn ngược xuôi, ai cũng vội vã với phần việc còn dang dở trong ngày.

... "Boong"..."boong"!...

Một hồi chuông nhà thờ ngân vang, không gấp gáp, không thúc giục, làm cho buổi chiều như chậm lại. Ngày ấy thoáng đãng không nhiều nhà cao tầng, tiếng chuông vang xa...

Tiếng chuông nhà thờ không chọn người nghe. Người đi lễ cũng nghe, người không cùng tôn giáo cũng nghe, đứa trẻ đang chơi ngoài ngõ nghe, cụ già ngồi trước hiên nhà nghe, người bán hàng ngoài chợ nghe, người khách phương xa vô tình đi ngang qua cũng nghe.

Ngày còn bé, tôi chưa hiểu tiếng chuông có ý nghĩa gì, chỉ biết mỗi chiều, khi đang chơi trong sân, nghe chuông chiều vang lên là mẹ nhắc: "Đi tắm đi con! Rồi còn ăn cơm". Đối với lũ trẻ chúng tôi, tiếng chuông không báo giờ kinh, nó báo đã kết thúc một buổi rong chơi, tiếng chuông đi cùng những cánh diều còn lơ lửng trên bầu trời, những viên bi chưa kịp phân thắng bại. Có lẽ vì thế mà đến tận hôm nay, mỗi khi nghe chuông chiều, trong tôi vẫn thấp thoáng bóng dáng của một tuổi thơ đã đi rất xa.

Lớn lên, tôi biết tiếng chuông còn mang nhiều ý nghĩa. Tiếng chuông mời gọi cộng đoàn quy tụ về bên bàn tiệc Thánh Thể, tiếng chuông nhắc giờ đọc Kinh Truyền Tin, tiếng chuông báo một lễ cưới, tiếng chuông tiễn đưa một người vừa khép lại hành trình dương thế.

Điều lạ lùng là cùng một quả chuông ấy, cùng một tháp chuông ấy, nhưng có lúc làm

người ta hân hoan, có lúc lại khiến mắt ai đó chợt cay. Tiếng chuông đâu có thay đổi, chỉ có lòng người mang theo những câu chuyện khác nhau.

Có lần, lang thang trên con đường ven biển Ba Làng vào buổi hoàng hôn, tôi nghe tiếng chuông nhà thờ vọng ra cùng tiếng sóng biển. Hai âm thanh ấy không lấn át nhau, sóng vẫn rì rào theo cách của biển, chuông vẫn ngân nga theo cách của mình. Một bên là nhịp thở của thiên nhiên, một bên là nhịp thở của đức tin. Bỗng nhiên tôi thấy xóm đạo mình đang sống trở nên hiền hơn.

Ngày nay, đồng hồ thông minh, điện thoại có thể nhắc từng cuộc hẹn, thế nhưng tiếng chuông nhà thờ vẫn không lỗi thời. Bởi vì nó không nhắc công việc, nó nhắc nhở con người. Nhắc rằng giữa những bộn bề, vẫn nên dành một khoảng lặng để nhớ về Thiên Chúa, nhớ đến gia đình, nhớ đến chính mình, những điều đồng hồ không bao giờ làm được.

Tôi có một người bạn đã lâu không đến nhà thờ. Anh ưu tư "Chiều nào đi ngang nghe tiếng chuông cũng thấy trong lòng có cái gì đó âu lo khó tả". Có những sao động không cần giải thích. Có lẽ tiếng chuông vẫn đang kiên nhẫn đứng đợi anh, như người cha ngày ngày đứng trước ngõ mong đứa con trở về.

Tiếng chuông chẳng biết trách móc. Nó chỉ tiếp tục ngân lên, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác.

Một ngôi làng có tiếng chuông là một ngôi làng có linh hồn.

Tôi không biết điều ấy có đúng với mọi nơi hay không, nhưng tôi tin rằng, trong ký ức của rất nhiều người Công giáo, tuổi thơ luôn có tiếng chuông. Tiếng chuông gọi lễ sáng, tiếng chuông chiều, tiếng chuông đêm Giáng Sinh, tiếng chuông tiễn biệt…

Tiếng chuông đi cùng con người từ lúc được bồng đến nhà thờ chịu phép Rửa tội cho đến ngày chiếc linh cữu lặng lẽ tiến vào thánh đường trong tiếng kinh cầu.

Một đời người, hóa ra cũng được đo bằng những mùa chuông!

Chiều nay, nếu có dịp đi ngang một ngôi nhà thờ đúng lúc chuông đang ngân, có lẽ tôi không vội bước nhanh như trước, tôi sẽ đi chậm lại một chút, không phải chỉ để nghe tiếng chuông ngân vọng từ tháp cao mà để nghe lòng mình. Biết đâu, giữa âm thanh quen thuộc ấy, tôi sẽ nhận ra có một lời mời rất nhẹ đang dành riêng cho mình: hãy sống chậm hơn một chút, yêu thương nhiều hơn một chút và đừng để những ồn ào của cuộc sống làm lạc mất tiếng gọi âm thầm của Thiên Chúa.

Bởi rồi một ngày nào đó, khi chiều buông trên cuộc đời mỗi người, điều còn ở lại trong ký ức có lẽ không phải là những âm thanh náo nhiệt của phố xá, mà là tiếng chuông bình yên đã từng ngân lên mỗi buổi hoàng hôn, như lời nhắc dịu dàng rằng giữa dòng đời tất bật, vẫn luôn có một ngôi nhà mở cửa đón ta trở về.

PHẾ TÍCH NHÀ THỜ NHÀ ĐÁ VÀ CÁI CHUÔNG LUÂN LẠC

NGUYỄN VĂN NGHỆ SB74

Trên Quốc lộ từ bắc vào nam khi qua khỏi cầu Đại Thạnh thuộc thôn Đại Thạnh, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ (sau 1/7/2025 là thôn Đại Thạnh, xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Bình Định) đi thêm khoảng 300 mét là đến trụ Km 1182. Khi chỉ còn cách trụ Km 1182 khoảng 50 mét nhìn về phía tay phải cách Quốc lộ I khoảng hơn 50 mét là phế tích Nhà thờ Nhà Đá.

Phế tích Nhà thờ Nhà Đá thuộc thôn Đại Thuận, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ (nay là thôn Đại Thuận, xã Phù Mỹ Nam).

Căn cứ địa bạ 1815 thôn Đại Thuận thuộc Đại Thuận khách hộ ấp, phường Đại An, xã Trà Lam, tổng Trung, huyện Phù Ly, phủ Qui Nhơn, trấn Bình Định. Từ năm 1839-1945 là thôn Đại Thuận, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ, phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.[1]

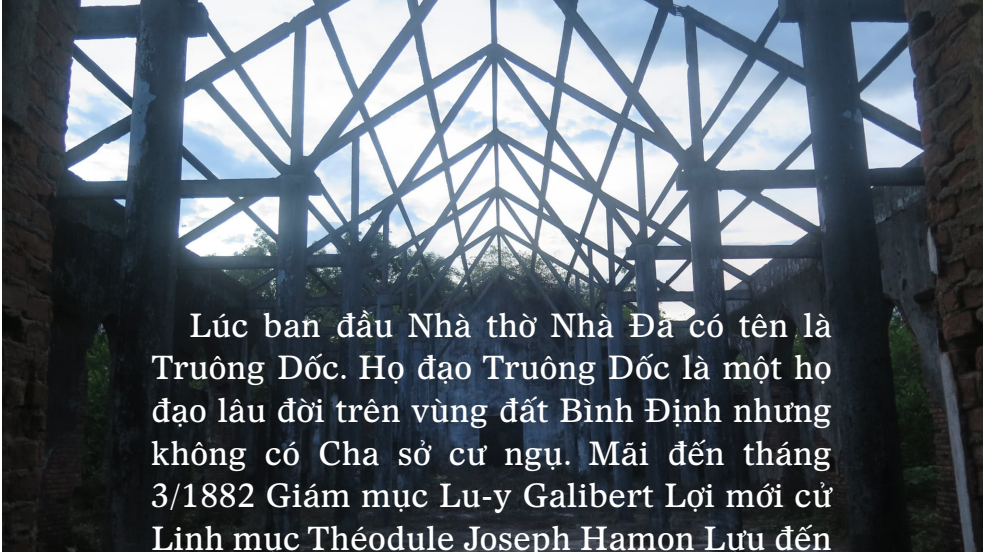

Lúc ban đầu Nhà thờ Nhà Đá có tên là Truông Dốc. Họ đạo Truông Dốc là một họ đạo lâu đời trên vùng đất Bình Định nhưng không có Cha sở cư ngụ. Mãi đến tháng 3/1882 Giám mục Lu-y Galibert Lợi mới cử Linh mục Théodule Joseph Hamon Lưu đến coi sóc họ đạo Truông Dốc như một Cha sở.

Khi Linh mục Théodule Joseph Hamon Lựu đến coi sóc họ đạo Truông Dốc, nhà thờ nằm dưới chân đồi. Do về mùa đông khí hậu không tốt nên đầu năm 1883 Linh mục Hamon cho dời nhà thờ lên trên đỉnh đồi (vị trí hiện nay).

Tháng 8 năm Ất Dậu (1885) Phong trào Cần vương nổi lên với khẩu hiệu "tiên sát Tả, hậu bình Tây", các họ đạo đều bị nghĩa quân truy sát. Biết trước sau gì Họ đạo Truông Dốc cũng bị truy sát nên Linh mục Hamon tìm cách dẫn giáo dân tìm đường trốn:

"Đạo dân lớn nhỏ giết ào
Hễ là xóm đạo nhà nào cũng thiêu
…
Gặp ai giết nấy bất bà bất con!
Giáo nhơn đâu đó hao mòn

Mấy người trốn khỏi chỉ còn tay không
Chạy vào Truông Dốc cũng đông
Cố Lựu mới tính hội đồng đi vô
Ban ngày kéo giữa lộ đồ
Nam phụ kể hết nhỏ to gần ngàn
Vừa ra khỏi ít dặm đàng
Bao nhiêu xóm đạo cháy oan lửa phừng
Đi vào vừa đến Quảng Vân
Phù Cát, Tuy Viễn nổi lần sát thiêu
Đạo đến nhà trường đã chiều
Bỗng nghe đâu đó thảy đều dậy rân
Đức Cha lo lắng ân cần
Bỏ trường đem đạo Qui Nhơn đỗ nhờ
...
Xuống đây số đạo đã đông
Đã không nhà cửa lại không tiền tài
Đức Cha thấy việc còn dài
Thuê tàu chở đạo, Đồng Nai đem vào
Chở ba bốn chuyến lao xao
Hơn ba ngàn rưỡi bạc trao hẳn hòi
Đạo còn ở lại loi ngoi
Giữa cát che trại, che chòi khổ thay
Nhờ của bố thí hằng ngày
Thảm sầu thân thế đổi thay ngậm ngùi"[2]

Ban đầu Linh mục Hamon dẫn giáo dân xuống lánh nạn ở Chủng viện Làng Sông nhưng thấy không an toàn nên dẫn xuống

Qui Nhơn lánh nạn. Nhìn thấy Phong trào "bình Tây sát Tả" chưa thể chấm dứt "trong ngày một ngày hai" được, nên Đức Cha F.X. Camelbeke Hân cho thuê tàu chở giáo dân vào Đồng Nai lánh nạn. Có người đi, có người ở lại. Số người đi được Linh mục Hamon dẫn vào Vĩnh Long lánh nạn.

Sau khi Phong trào Cần vương bị thực dân Pháp dập tắt, Linh mục Hamon dẫn giáo dân hồi cư và tái thiết lại họ đạo. Việc đầu tiên là thu nhặt hài cốt giáo dân chạy trốn không kịp bị nghĩa quân sát hại chôn vào một nơi gọi là "Mồ các vị Tử vì đạo". Kế đến là xây dựng lại ngôi thánh đường đã bị nghĩa quân thiêu rụi.

Nhà thờ được xây bằng đá ong và được khánh thành vào ngày Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống năm 1889. Từ khoảng sau năm 1889 "địa sở Truông Dốc còn được gọi là Nhà Đá, vì nhà thờ, nhà vuông, lầu chuông, nhà xác, được cha Hamon Lựu xây dựng xong toàn bằng đá ong"[3]

Năm 1908 Linh mục Hamon nghỉ hưu tại Họ đạo Truông Dốc sau 26 năm coi sóc họ đạo. Sau đó "Vì cha Hamon cố Lựu sức khoẻ quá kém, theo lời bác sĩ khuyên, đã về Pháp dưỡng bệnh tháng 3-1910 tại Monbeton và đã qua đời ở Pháp tháng 5-1911"[4]

Trận cuồng phong tháng 10/1932 đã làm đổ nát Nhà thờ Nhà Đá. Năm 1940 một ngôi nhà thờ bằng gỗ được hoàn thành nhưng đến năm 1955 nhà thờ bị hỏa hoạn. Sau đó Giám mục Marcello Piquet Lợi cho xây lại nhà thờ bằng cột kèo bê tông, mặt tiền xây gạch kiên cố.

Phế tích Nhà thờ Nhà Đá hiện nay là nhà thờ do Giám mục Marcello Piquet Lợi cho xây dựng.

Sau khi Nhà thờ Nhà Đá bằng gỗ bị hoả hoạn năm 1955, Giám mục Marcello Piquet Lợi đã cho xây lại một nhà thờ mới với cột kèo bằng bê tông, mặt tiền nhà thờ được xây gạch kiên cố.

Ngày 30/1/1958 Họ đạo Nhà Đá được nâng lên hàng "Địa sở bán chính thức" (quasi-paroisse)

Ngày 24/11/1960 Hàng Giáo phẩm Công giáo Việt Nam được thiết lập. Giám mục Phạm Ngọc Chi đã cho công bố họ đạo Nhà Đá là một trong các họ đạo là giáo xứ chính thức (paroecia) [Trước đây tại miền Nam các tổ chức tôn giáo cơ sở nay được nâng lên là "giáo xứ" được gọi là "Địa sở", còn tại miền Bắc gọi là "Xứ đạo". Nay cả nước thống nhất gọi là "giáo xứ", các họ đạo được gọi là "Giáo họ"[5]

Sau năm 1960 tình hình mất an ninh xảy ra ở nhiều nơi, nhất là ở miền quê, giáo dân Công giáo đã bỏ nhà bỏ cửa tản cư đến các nơi còn bảo đảm an ninh. Khi giáo dân tản cư thì họ bỏ lại sau lưng nhà thờ, nhà xứ, trường học... làm mồi cho bom đạn tàn phá. Từ năm 1965 Nhà thờ Nhà Đá không còn là nơi sinh hoạt tôn giáo nữa, do Cha sở Phan Văn Hoàng dẫn giáo dân Nhà Đá vào Qui Nhơn tỵ nạn, sau đó có nhiều giáo dân đến các tỉnh khác định cư.

Ngày 30/4/1975 đất nước thống nhất, một số giáo dân phần lớn là các giáo xứ miền quê không hồi cư vì sợ hoặc vì nhà cửa đã bị chiến tranh tàn phá, hoặc vì nay có điều kiện lập nghiệp ở nơi khác nên không quay về giáo xứ của mình nữa. Giáo xứ Nhà Đá cũng nằm trong tình trạng ấy. Trước đây nhà thờ bị hủy hoại do chiến tranh, nay không còn hoạt động tôn giáo nên theo dòng thời gian nhà thờ lại xuống cấp trầm trọng.

Nhà thờ Nhà Đá hiện chỉ còn 4 bức tường và cột kèo mà thôi. Phía vách bên tay phải gần khu vực cung thánh tính từ ngoài đi vào có một tấm bia ghi:

HIC JACET
SACERDOS
MICAEL CHUONG.

Đây chính là nơi táng hài cốt của Linh mục Micae Chương. Linh mục Micae Chương nguyên quán Ngọc Kinh, Quảng Nam, đã có làm việc tại Hoa Vông, Phú Yên (1860), qua đời tại Mương Lỡ (Hoà Mục) sau năm 1860, hài cốt tại nhà thờ Nhà Đá (Truông Dốc, Bình Định).[6]

Từ thời Linh mục Hamon Lựu coi sóc Họ đạo Truông Dốc (Nhà Đá) thì Mương Lỡ là họ nhánh (lẻ) của Truông Dốc cho nên cải táng mộ của Linh mục Micae Chương vào nhà thờ họ chính là Truông Dốc.

Nói đến phế tích Nhà thờ Nhà Đá mà không nhắc đến quả chuông Nhà thờ Nhà Đá là một thiếu sót rất lớn. Nghĩa quân Văn Thân trong Phong trào "bình Tây sát Tả" đã thiêu rụi nhà thờ Nhà Đá do Linh Mục Hamon Lựu cất đầu năm 1883. Do đó sau







khi Phong trào bị thực dân Pháp dẹp yên, Linh mục Hamon Lựu đã xây dựng lại ngôi nhà thờ mới và được khánh thành vào Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống năm 1889 nhưng nhà thờ chưa có chuông. Mãi đến sau năm 1896 nhà thờ mới có tiếng chuông vang lên.

Năm 1965 giáo dân giáo xứ Nhà Đá tản cư do chiến tranh thì khi ấy chuông Nhà thờ Nhà Đá vẫn còn. Sau khi đất nước thống nhất Nhà thờ Nhà Đá vẫn còn đó nhưng quả chuông không còn nữa. Nhiều người nghĩ rằng quả chuông Nhà thờ Nhà Đá đã trở thành món đồng nát không còn hình hài nữa.

Nhân dịp Hội nghị Thường niên 2018 và Kỷ niệm 10 năm (2008-2018) tái hoạt động của Caritas Việt Nam được tổ chức tại Tòa giám mục Xuân Lộc từ ngày 23-25/10/2018 và trong một bữa ăn, Linh mục Nguyễn Vân Đông thuộc Giáo phận Kontum (quê của linh mục là họ đạo Nhà Đá) trò chuyện với Linh mục Võ Đình Đệ, Giám đốc Caritas Giáo phận Qui Nhơn về

quả chuông Nhà thờ Nhà Đá, thì Linh mục Nguyễn Văn Uy, chánh xứ giáo xứ Tiên Chu (1980-2020) và cũng là Giám đốc Caritas Giáo phận Xuân Lộc đứng kề đó nghe hết câu chuyện, mới nói với Linh mục Đông và Linh mục Đệ: Hình như quả chuông ấy đang ở nhà thờ giáo xứ của con.

Sau Hội nghi, Linh mục Đông và Linh mục Đệ tức tốc đến Nhà thờ Tiên Chu (Nhà thờ Tiên Chu nằm kề Quốc lộ I, từ TP.HCM đi ra Bắc, sau khi qua khỏi Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất Đồng Nai một đoạn về bên tay phải là Nhà thờ Tiên Chu) và leo lên tháp chuông để xem rõ thực hư.

Sau khi quan sát kỹ, linh mục Đông và Linh mục Đệ xác quyết đây là quả chuông của Nhà thờ Nhà Đá và mới điều đình với Linh mục Nguyễn Văn Uy, xin chuộc lại quả chuông ấy và đúc một quả chuông mới hoàn lại cho giáo xứ Tiên Chu. Nhưng với lòng quảng đại, Giáo xứ Tiên Chu đã tặng quả chuông ấy cho Giáo phận Qui Nhơn.

Linh mục Giuse Nguyễn Văn Uy, chánh xứ giáo xứ Tiên Chu (1980-2020) kể về lai lịch vì sao giáo xứ Tiên Chu được quả chuông ấy: Năm 1985, công trình xây dựng nhà thờ Tiên Chu trong giai đoạn sắp hoàn thành, thì một hôm có một chiếc xe tải hư trước

cổng nhà thờ Tiên Chu. Do thiếu tiền mua phụ tùng sửa xe, nên anh ta vào nhà thờ hỏi có mua chuông không, bởi trên xe của anh ta đang chở một quả chuông. Đang xây dựng nhà thờ mà có người hỏi mua chuông là gật đầu ngay. Giáo xứ đã mua quả chuông ấy trị giá 2 lượng vàng vào thời điểm ấy.

Quả chuông Nhà thờ Nhà Đá lưu lạc vào tận giáo xứ Tiên Chu và được giáo xứ sử dụng trên 20 năm. Không biết khoảng thời gian trước khi đình đỗ tại Nhà thờ Tiên Chu, nó lưu lạc ở phương trời nào?

Hiện quả chuông Nhà thờ Nhà Đá đang được treo ở Phòng Trưng bày Toà Giám mục Qui Nhơn. Quả chuông ấy là của song thân linh mục Hamon dâng cúng và chuông được đúc năm 1896 bên Pháp.

Trên thân chuông có ghi tên song thân của Linh mục Théodule Hamon Lựu:

BRETAGNE AN NAM
THEODULE ROSE
FELIX STEPHANIE
1896

Bretagne là quê hương của song thân Linh mục Hamon Lựu và An Nam là nơi linh mục Hamon đang phục vụ. Thân phụ linh mục Hamon là Théodule Félix, thân mẫu là Rose Stéphanie

Người xưa có câu: "Châu về Hợp Phố". Quả chuông Nhà thờ Nhà Đá tuy chưa về tại Nhà thờ Nhà Đá (đang nằm cách Nhà thờ Nhà Đá khoảng 40 Km) được xếp vào câu chuyện "châu về Hợp Phố".

Chú thích

1. Phan Trường Nghi, *Làng xã Bình Định xưa & nay* tập Thượng, NXB Hội Nhà văn, trang 497, 498
2. Võ Ngọc Nhã & Lam Giang, Đặng Đức Tuấn, *Tinh hoa ái quốc Công giáo Việt Nam*, In lần thứ nhất, Tác giả tự xuất bản, 1970, trang 533-534.
3. Ban Biên soạn Lịch sử Giáo phận, *Giáo phận Qui Nhơn qua dòng thời gian*, NXB Antôn & Đuốc sáng, trang 247
4. Lược sử Địa phận Qui Nhơn, bản đánh máy của Linh mục Phêrô Huỳnh Kim Lăng, trang 183.
5. Ban Biên soạn Lịch sử Giáo phận, *Giáo phận Qui Nhơn qua dòng thời gian*, NXB Antôn & Đuốc Sáng, trang 311, 326.
6. Linh mục Gioan Võ Đình Đệ, *Những bước chân trên đất Bình Định, Phú Yên*, Quảng Ngãi, NXB Đồng Nai, trang 323.





Trên chuông có khắc dòng chữ BRETAGNE AN NAM THEODULE ROSE - FELIX STEPHANIE 1896.

CHỮ QUỐC NGỮ Ở CUỐI SÔNG THU BỒN

TIỂU VŨ

Nếu mở cuốn Từ điển Việt - Bồ - La xuất bản tại Roma năm 1651, dòng đầu tiên bạn đọc được sẽ là tiếng Việt, nhưng không phải thứ tiếng Việt đã qua chuẩn hóa theo giọng Hà Nội, cũng không phải giọng Huế hay Sài Gòn. Đó là tiếng Việt mang đậm âm sắc Quảng Nam, một vùng đất nơi con chữ lần đầu được dùng để phiên âm lời ăn tiếng nói của người Việt. Từ "chẳng" được viết thành "chảng", "tôi" viết là "tui", "tao" thành "tau", "mày" ghi là "maai", còn "và" được chép thành "ùa". Chữ Quốc ngữ, như vậy, đã từng mang giọng Quảng trước khi trở thành hệ thống chữ viết hoàn chỉnh như ngày nay.

Không dừng lại ở đó, trong một văn bản hiếm hoi còn sót lại từ hội nghị các giáo sĩ Dòng Tên tại Macao khoảng giữa thế kỷ

17, người ta tìm thấy câu rửa tội được chấp thuận để sử dụng bằng tiếng Việt: "Tau rữa maai nhân danh Cha ùa Con ùa Spirito Santo." Chỉ một dòng ngắn nhưng vang lên trọn vẹn âm hưởng của người Quảng, với cách phát âm quen thuộc đối với bất kỳ ai từng lớn lên ở Quảng Nam.

Không cần tìm đâu xa, chữ Quốc ngữ, thứ chữ ngày nay cả dân tộc đang dùng để viết, để học, để yêu nhau qua tin nhắn và cãi nhau trên mạng, đã được thai nghén từ Quảng Nam.

Câu chuyện bắt đầu từ những buổi học lặng lẽ giữa lòng Dinh trấn Thanh Chiêm đầu thế kỷ 17, nơi các giáo sĩ phương Tây cầm bút dùng mẫu tự Latinh ghi lại tiếng nói của người Việt theo cách họ nghe được từ người bản xứ.



Sông Thu Bồn

Năm 1619, giáo sĩ Francisco de Pina, một tu sĩ Dòng Tên người Bồ Đào Nha, đặt chân đến An Nam qua cửa ngõ thương cảng Hội An. Ông đến không phải để buôn bán mà để truyền đạo rồi học tiếng Việt.

Từ Hội An, ông đi ngược lên Thanh Chiêm, khi đó là Dinh trấn Quảng Nam, trung tâm hành chính và quân sự của cả vùng Đàng Trong. Trong thư gửi về cho Dòng Tên, Francisco de Pina viết: "Ở đây, tiếng nói chuẩn hơn, người ta dễ học hơn, không bị pha nhiều giọng." Thanh Chiêm không phải một đô thị sầm uất theo nghĩa buôn bán mà là vùng đất ven sông có đông quan lại, nho sĩ và dân bản xứ sinh sống bằng nghề canh nông, thủ công.

Môi trường giao tiếp tự nhiên, mạch lạc đã giúp nơi đây trở thành một trong những địa điểm quan trọng trong quá trình tiếng Việt được phiên âm bằng mẫu tự Latinh, đặt nền móng cho sự hình thành chữ Quốc ngữ sau này.

Pina sống giữa người bản xứ, học tiếng của họ, giảng đạo bằng tiếng Việt và bắt đầu thử nghiệm ghi âm tiếng Việt bằng chữ Latinh. Ông mua một căn nhà rộng của người dân Quảng Nam để ở rồi đón học trò bản xứ đến cùng sinh hoạt, vừa học vừa dạy lẫn nhau.

Người Quảng khi đó, có thể là một cậu bé chăn trâu, một ông đồ nho trong làng hay một tín hữu mới rửa tội, đều có thể trở thành những người thầy tiếng Việt đầu tiên của ông.

Người ta không thể biết hết tên tuổi của những người đã dạy tiếng Việt cho Francisco de Pina, chỉ cho ông những tiếng địa phương như "răng", "rứa", "hỉ", "mô", "tê" và giúp ông hiểu, đọc đúng. Nhưng chắc chắn quanh ông là tiếng nói của cư dân Quảng Nam.

Khi Pina bắt đầu phiên âm tiếng Việt bằng chữ Latinh, những âm thanh ông nghe hằng ngày cũng đi vào cách ghi chép. Từ đó, một lối ghi tiếng Việt mới dần hình thành giữa vùng hạ lưu sông Thu Bồn.

Câu chuyện tiếng Việt mang âm sắc Quảng không dừng ở Pina. Alexandre de Rhodes, người sau này có vai trò quan trọng trong việc hệ thống hóa chữ Quốc ngữ, cũng học tiếng Việt tại Thanh Chiêm, từ Pina và những người bản xứ. Sau này, khi ông xuất bản Từ điển Việt Bồ La và Phép giảng tám ngày, nhiều dấu vết ngữ âm của tiếng Việt thế kỷ 17 vẫn được lưu lại trong cách ghi chép.

Những giáo sĩ cùng thời như Gaspar do Amaral, Antonio Barbosa, Christoforo Borri cũng học tiếng Việt từ người bản địa và ghi lại theo cách họ nghe được. Có bản đồ ghi

"Thanh Chiêm" thành "Cacham", rồi "Cac-ciam", có tài liệu viết "Dinh Cham", rồi dần thành "Kẻ Chàm".

Những biến đổi đó phản ánh cả một quá trình người phương Tây nghe, học và tìm cách ghi lại một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ bằng hệ chữ của họ.

Thậm chí khi Đắc Lộ rời Việt Nam, tiếng Việt ông mang theo về châu Âu vẫn còn dấu vết cách phát âm miền Trung. Một số ghi chép đương thời từng nhận xét về cách nói tiếng Việt của ông. Nhưng sách của Đắc Lộ được in tại Roma năm 1651 lại trở thành một trong những cột mốc quan trọng nhất của lịch sử chữ Quốc ngữ. Trong những trang sách đó vẫn còn lưu lại dấu vết của tiếng Việt mà các giáo sĩ từng nghe, học và sử dụng tại Đàng Trong.

Dinh trấn Thanh Chiêm, nơi Pina và Đắc Lộ từng sống, từng viết, từng học tiếng Việt, có thể xem là một trong những trung tâm Việt ngữ sớm nhất dành cho các giáo sĩ phương Tây.

Người bản xứ dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và cùng họ thử nghiệm cách ghi lại tiếng Việt bằng mẫu tự Latinh. Trong những lớp học không bảng đen, không giáo án đó, có những thầy đồ Quảng Nam giảng

chữ Nôm, có giáo sĩ Bồ Đào Nha tra âm và có thể có cả những đứa trẻ Quảng chạy chơi ngoài sân, vô tình đọc to một tiếng mà người nước ngoài đang loay hoay chưa biết phát âm.

Tôi hình dung lớp học đầu tiên của "trường Quốc ngữ" không nằm trong một ngôi trường đúng nghĩa mà trong căn nhà ngói ba gian, dưới tán cau, bên chiếc phản gỗ ở Thanh Chiêm. Một bên là ông Tây gò lưng chép chữ, một bên là ông đồ già bắt lỗi phát âm. Cạnh đó là thằng nhỏ con nhà dân, ngồi ăn cơm nguội với cá nục kho, vừa nhai vừa nhắc: "Không phải cha, mà là choa!", rồi kéo dài âm "oa" cho đúng tông Quảng. Cứ rứa mà thành chữ.

Quá trình học và truyền bá chữ Quốc ngữ thời đó cũng không hề dễ dàng. Hoạt động truyền giáo tại Đàng Trong trải qua nhiều giai đoạn với chính sách khác nhau.

Francisco de Pina từng viết về quan hệ của mình với quan lại tại Quảng Nam. Sự tiếp xúc với nho sĩ và người bản xứ tạo điều kiện để các giáo sĩ học tiếng Việt một cách có hệ thống. Thanh Chiêm dần trở thành nơi tiếng Việt được dạy và học nghiêm túc bằng một phương pháp mới, dùng mẫu tự Latinh để ghi lại âm thanh của tiếng nói.

Chữ Quốc ngữ không ra đời từ một viện hàn lâm. Nó hình thành qua một quá trình tiếp xúc lâu dài giữa người Việt và các nhà truyền giáo phương Tây, từ nhu cầu học tiếng, giảng đạo, giao tiếp và ghi chép. Trong quá trình đó, người bản xứ không chỉ là người được truyền đạo. Họ còn là những người dạy tiếng, sửa cách phát âm và cung cấp vốn từ để các giáo sĩ từng bước tìm ra cách ghi lại tiếng Việt bằng mẫu tự Latinh.

Không ai trong số những người dân xứ Quảng sống ở thế kỷ 17 nghĩ rằng giọng nói của mình rồi sẽ góp phần làm nên một hệ thống chữ viết mới. Họ không nhận mình là người làm ra chữ, cũng chẳng ký tên vào sách vở nào. Nhưng tiếng nói của họ đã đi vào những con chữ đầu tiên, trước khi chữ Quốc ngữ được cả dân tộc đón nhận và sử dụng.

Chữ Quốc ngữ ra đời không chỉ từ lý trí mà còn từ nghĩa tình, từ những con người đã kiên nhẫn nghe nhau, học nhau, dạy nhau từng tiếng nói. Trong hành trình dài đó có công sức của những giáo sĩ phương Tây, nhưng cũng có tiếng nói và sự góp sức thầm lặng của những người dân bản xứ mà phần lớn tên tuổi của họ không được sử sách lưu lại.

Và ở cuối dòng Thu Bồn, trên một miền đất nghèo khó nhưng thừa chữ nghĩa đã

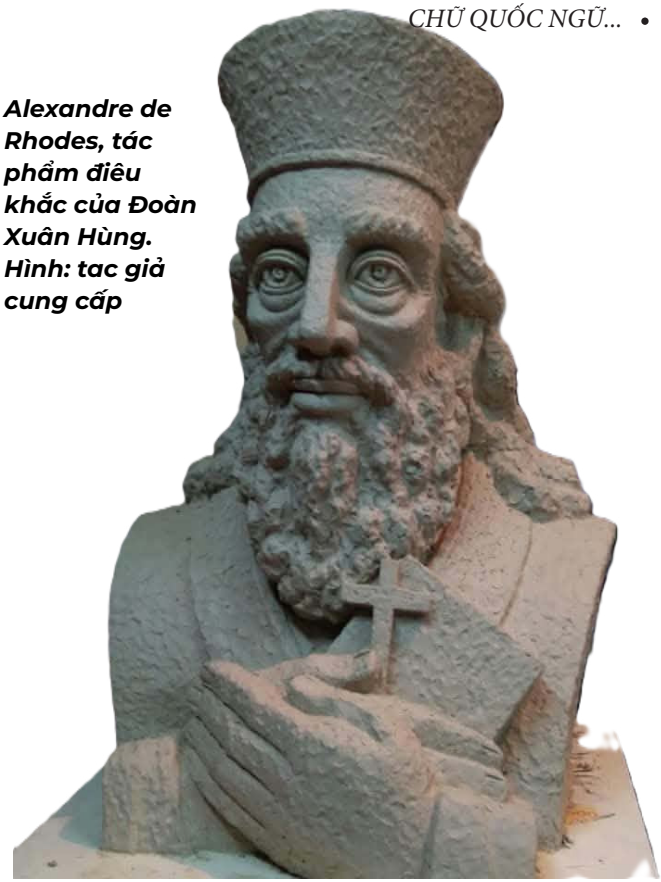

Alexandre de Rhodes, tác phẩm điêu khắc của Đoàn Xuân Hùng. Hình: tac giả cung cấp

rộng lòng đón nhận cái mới, những con chữ Latinh xa lạ đã tìm được một nơi để ở nhờ. Người Quảng dạy cho chúng cách nói tiếng Việt, cho chúng mang âm thanh của tiếng Việt, rồi một ngày nhìn chúng rời xứ mà đi khắp mọi miền.

Chữ đến ở nhờ, rồi thành người nhà. Và ở lại với tiếng Việt mãi mãi.

(Trích: Quảng Nôm ngụa chiện)

HỒNG BẢO 72

Tháng Mười Một nặng mưa sa
Người về tịch mịch - mặc ta bão bùng
Kiếp người nào phải vô chung
Nghe như nước mắt bùng nhùng trong tim

Ánh trăng ướt sũng bên thềm
Bước chân lầy lội vũng bùn nhân gian
Tìm người lặng ngắt nghĩa trang
Thương người – gạch đá cỏ hoang nát nhàu

Nghiêng chiều về phía đêm sâu
Nghe như tiếng dế sẫm màu tang thương
Bóng người phảng phất khói sương
Nhẹ tênh cả những đoạn trường Trả – Vay

Vương vương ngọn gió heo may
Mênh mông tội nợ – Trắng tay phận người
Câu kinh theo khói lên trời
Ta còn ở lại bên đời quạnh hiu…

TÌNH CA THÁNG 11

CHUYỆN TRƯỚC KHI
ĐỨC LÊÔ
XIV ĐẮC CỬ

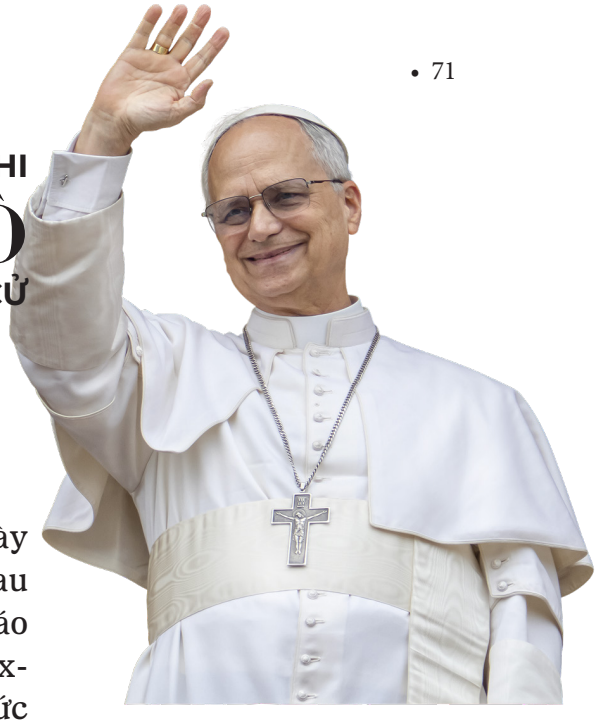

Những ngày ngay sau khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô qua đời, Đức Hồng y Robert Prevost nhận được rất nhiều tin nhắn thăm hỏi và chia buồn từ bạn bè khắp nơi.

Cha Ramiro Castillo Castro, người từng học với Đức Hồng y Prevost vào những năm 1990, nhắn lời chia buồn. Ngài trả lời:

"Cảm ơn Ramiro. Chúng ta phải cầu nguyện thật nhiều. Thân ái ôm anh."

Mục sư Tin Lành Luther John Snider, một người bạn lâu năm của ngài, cũng nhắn rằng ông và vợ luôn yêu thương và cầu nguyện cho ngài trong những ngày hệ trọng này.

Snider lúc ấy chỉ còn ba tuần nữa là nghỉ hưu, trong khi Đức Hồng y Prevost lại sắp

bước vào mật nghị Hồng y để bầu vị Giáo Hoàng kế nhiệm Đức Phanxicô.

Ông viết:

"Tôi sắp nghỉ hưu rồi, chỉ còn ba tuần nữa thôi, còn anh thì lại sắp phải gánh một trọng trách thật lớn lao. Chúa ở cùng anh!"

Đức Hồng y Prevost trả lời rất đơn sơ:

"Mọi sự đều ở trong tay Chúa."

"Bob, biết đâu anh lại là vị Giáo Hoàng kế tiếp."

John Barry, bạn của Đức Hồng y Prevost từ thời trung học, rất đau buồn khi nghe tin Đức Phanxicô qua đời.

Ông nhắn:

"Tôi biết anh rất gần gũi với ngài. Thế giới đã mất đi một con người vĩ đại, còn riêng anh lại mất đi một người bạn."

Rồi Barry nói ra điều mà nhiều người bạn của Prevost ở Hoa Kỳ, Peru và Rôma cũng đang âm thầm nghĩ tới:

"Bob, đừng giận tôi nhé, nhưng tôi vẫn tin điều Jeanette đã nói: 'rất có thể anh sẽ là vị Giáo Hoàng kế tiếp.'"

Barry biết Prevost là người khiêm nhường, có lẽ chẳng bao giờ nghĩ mình sẽ được chọn. Nhưng theo ông, Prevost không chỉ có trí tuệ mà còn có lòng nhân hậu, sự cảm thông và đời sống đạo đức.

Cuối cùng Barry còn đùa:

"Nhưng nếu anh thật sự trở thành Giáo Hoàng, tôi còn được gửi email cho anh nữa không?"

Giữa bao nhiêu công việc bận rộn ở Rôma, Prevost vẫn trả lời người bạn:

"Tôi chỉ biết phó thác mọi sự trong tay Chúa. Sự ra đi của Đức Phanxicô quả thật là một mất mát lớn… cần phải có thời gian mới nguôi ngoai được. Cảm ơn lời cầu nguyện của anh."

Ngài còn đùa rằng chắc mình chẳng cần phải đổi địa chỉ đâu, nên người bạn cứ tiếp tục viết thư.

Hầu như không ai nghĩ Giáo Hội sẽ chọn một người Mỹ

Lúc đầu, Đức Hồng y Prevost không được xem là một trong những ứng viên sáng giá cho ngôi Giáo Hoàng.

Lý do rất lớn là vì ngài là người Mỹ.

Trong lịch sử Giáo Hội chưa từng có một Giáo Hoàng người Mỹ. Nhiều người cho rằng Hoa Kỳ vốn đã có ảnh hưởng quá lớn về chính trị, kinh tế và quân sự trên thế giới, nên việc chọn thêm một người Mỹ đứng đầu Giáo Hội Công giáo hoàn vũ là điều khó xảy ra.

Chính Prevost cũng không nghĩ mình có cơ hội.

Sau khi đọc một bài báo trong đó Đức Hồng y Blase Cupich của Chicago nhận định rằng khó có chuyện các Hồng y sẽ chọn một người Mỹ, Prevost nói với người bạn là Cha John Merkelis:

"Đức Hồng y Cupich nói họ sẽ không bầu một người Mỹ. Vậy thì tối nay tôi ngủ ngon rồi."

Cha Merkelis kể lại câu chuyện cho Xơ Thérèse DelGenio.

Xơ chỉ nói một câu rất dí dỏm:

"Ối, ngài quên mất Chúa Thánh Thần rồi!"

Câu nói đó về sau nghe lại thật đặc biệt.

"Tôi còn chưa từng gặp ông ấy"

Khi các Hồng y từ khắp nơi trên thế giới đổ về Rôma để dự tang lễ Đức Phanxicô và chuẩn bị mật nghị, một trong những vị nổi tiếng nhất của Hoa Kỳ là Đức Hồng y Timothy Dolan, Tổng Giám mục New York.

Khi có người hỏi liệu ngài có thể trở thành Giáo Hoàng hay không, Đức Hồng y Dolan nói đùa rằng:

"Cơ hội tôi được vào đánh cho đội Yankees còn cao hơn cơ hội tôi trở thành Giáo Hoàng."

Dolan quen biết rất nhiều Hồng y trên thế giới. Thế nhưng khi vừa tới Rôma, Robert Prevost hoàn toàn không nằm trong suy nghĩ của ngài.

Điều làm Dolan ngạc nhiên là các Hồng y từ những nước khác lại liên tục đến hỏi về vị Hồng y người Mỹ này:

Prevost là người thế nào?

Tính tình ra sao?

Quan tâm đến những vấn đề gì?

Dolan ngạc nhiên đến mức hỏi lại:

"Ai cơ?"

Ngài thú nhận rằng mình có nghe những điều tốt về Prevost, nhưng chưa bao giờ thực sự gặp ngài.

Thấy người ta cứ hỏi mãi, Dolan hiểu rằng mình phải tìm hiểu ngay về vị Hồng y đồng hương này.

Trong một buổi gặp gỡ, Dolan nhìn thấy Prevost đứng khá lặng lẽ. Không giống một số vị khác đi vòng quanh chào hỏi mọi người, Prevost không hề tìm cách gây chú ý hay vận động cho mình.

Dolan nghĩ đó không phải là lạnh lùng, mà có lẽ vì Prevost vốn ít nói và hơi nhút nhát.

Dolan bước đến, chìa tay ra:

"Robert, tôi là Tim Dolan. Hình như trước đây chúng ta chưa gặp nhau."

Các Hồng y bắt đầu tự hỏi: Giáo Hội lúc này cần một vị Giáo Hoàng như thế nào?

Sau khi Đức Phanxicô qua đời, các Hồng y họp mỗi ngày gần Quảng trường Thánh Phêrô.

Các buổi họp kéo dài nhiều giờ.

Điều quan trọng nhất không phải là:

"Ai muốn làm Giáo Hoàng?"

Mà là:

"Giáo Hội lúc này đang cần gì?"

"Thế giới đang cần gì?"

"Vị Giáo Hoàng kế tiếp phải là một người như thế nào?"

Các Hồng y nói đến những vấn đề lớn mà Giáo Hội đang phải đối diện: nạn lạm dụng tình dục, tài chính Vatican, cải tổ Giáo triều, chiến tranh và hòa bình, người di dân, môi trường...

Và càng thảo luận, một điều rất thú vị bắt đầu xảy ra:

Cái tên Robert Prevost ngày càng được nhiều Hồng y chú ý.

Tại sao các Hồng y bắt đầu chú ý đến Prevost?

Prevost từng là một cộng sự gần gũi với Đức Phanxicô và chia sẻ nhiều ưu tiên mục vụ của ngài.

Nhưng Prevost cũng có một điều rất đặc biệt.

Ngài là người Mỹ, nhưng đã sống và phục vụ truyền giáo nhiều năm tại Peru. Vì thế ngài không chỉ hiểu Giáo Hội Hoa Kỳ mà còn hiểu sâu sắc Giáo Hội tại Mỹ Latinh.

Có người thậm chí gọi ngài là:

"Người Mỹ ít giống người Mỹ nhất."

Một số Hồng y lại muốn vị Giáo Hoàng kế tiếp có phong cách điềm đạm hơn: không phô trương, không hấp tấp, thận trọng, có tổ chức và đáng tin cậy.

Đức Hồng y Dolan bắt đầu tìm hiểu Prevost kỹ hơn.

Ngài hỏi một người từng làm việc rất gần với Prevost:

"Ông ấy làm việc thế nào?"

Người ấy chỉ trả lời:

"Ông ấy điều hành các cuộc họp rất tốt."

Thoạt nghe chẳng có gì đặc biệt.

Nhưng Dolan suy nghĩ lại và nhận ra ý nghĩa phía sau câu nói đó:

Prevost biết mình đang làm gì. Ngài làm việc có trật tự, có chương trình, biết mục tiêu của mình là gì và biết cách đưa mọi người cùng tiến tới mục tiêu đó.

"Đúng, đúng, đúng, đúng, đúng..."

Đến gần ngày mật nghị, các Hồng y dần

xác định những việc vị Giáo Hoàng mới phải làm.

Phải tiếp tục giải quyết vấn đề lạm dụng tình dục trong Giáo Hội.

Phải chấn chỉnh tài chính Vatican.

Phải tiếp tục cải tổ Giáo triều Rôma.

Phải lên tiếng cho hòa bình.

Phải quan tâm đến môi trường và những vấn đề của thế giới hiện đại.

Đức Hồng y Pedro Barreto của Peru lúc đó đã 81 tuổi, nên không còn quyền bỏ phiếu. Nhưng khi nghe các Hồng y liệt kê từng yêu cầu, ngài chợt nghĩ đến người bạn Robert Prevost.

Lạm dụng trong Giáo Hội?

Prevost từng đứng đầu cơ quan của Hội đồng Giám mục Peru phụ trách vấn đề này.

Tài chính?

Prevost đã từng tham gia giải quyết những vấn đề tài chính của Giáo Hội tại Peru.

Cải tổ Giáo triều?

Prevost đã làm việc tại Rôma hai năm — đủ để hiểu Vatican vận hành ra sao, nhưng chưa lâu đến mức bị cuốn vào guồng máy cũ.

Đức Hồng y Barreto cứ lần lượt đối chiếu:

"Đúng… đúng… đúng… đúng… đúng."

Và ngài nhận ra:

Robert Prevost thật sự có thể trở thành Giáo Hoàng.

Chỉ còn một trở ngại lớn:

Các Hồng y có sẵn sàng bầu một người Mỹ hay không?

"Bob, tôi nghĩ người ta có thể sẽ chọn anh"

Đức Hồng y Joseph Tobin đã quen Prevost khoảng 30 năm. Hai người từng làm việc với nhau tại Rôma và Peru.

Một buổi tối, sau khi một nhóm Hồng y cùng cầu nguyện và dùng bữa với nhau, Tobin kéo người bạn sang một bên.

Ngài nói:

"Bob, tôi nghĩ có thể người ta sẽ gọi đến anh. Vì vậy, điều tôi có thể làm lúc này là cầu nguyện cho anh."

Prevost không nói:

"Không đâu, không thể nào là tôi."

Ngài cũng không bàn luận thêm.

Ngài chỉ cảm ơn người bạn đã cầu nguyện cho mình.

Bởi Prevost hiểu rằng:

Chuyện này không còn nằm trong tay mình nữa.

“Lạy Chúa, mọi sự tùy thuộc vào Ngài”

Bốn mươi năm trước, khi còn là một tu sĩ trẻ học tại Rôma, Prevost cũng từng đứng trước một ngã rẽ.

Ngài không biết nhà dòng sẽ sai mình đi đâu.

Ở Rôma?

Trở về Hoa Kỳ?

Hay sang Peru?

Nhưng khi ấy, ngài đã chọn phó thác cho Chúa.

Bốn mươi năm sau, ngài lại đứng trước một ngã rẽ lớn hơn rất nhiều.

Những năm gần đó, Prevost thậm chí đã bắt đầu nghĩ tới chuyện nghỉ hưu.

Vậy mà giờ đây, có một khả năng thực sự rằng ngài sẽ được trao trách nhiệm lãnh đạo hơn một tỷ người Công giáo trên toàn thế giới.

Trước một trách nhiệm quá lớn như vậy, Prevost kể rằng mình đã hít một hơi thật sâu rồi thưa với Chúa:

“Lạy Chúa, con xin phó thác. Chúa làm chủ mọi sự. Xin Chúa dẫn đường cho con.”

Điều cảm động nhất: chính người anh/em của ngài lại cầu xin Chúa đừng để chuyện đó xảy ra

Ở quê nhà Illinois, John Prevost, anh/em của Robert, cũng đang cầu nguyện.

John không muốn Robert trở thành Giáo Hoàng.

Không phải vì ông nghĩ em/anh mình không xứng đáng.

Mà bởi ông hiểu rằng:

Nếu Robert trở thành Giáo Hoàng, người em/người anh mà gia đình vẫn biết sẽ không còn có thể sống cuộc đời bình thường như trước nữa.

Những lần về nhà thăm gia đình sẽ không còn như xưa.

Cuộc sống của cả gia đình sẽ thay đổi.

Vì vậy, tối hôm ấy John cầu nguyện:

Xin Chúa đừng để chuyện đó xảy ra.

Nhưng cầu nguyện một lúc, lòng ông bắt đầu thay đổi.

Ông thưa:

"Nhưng nếu điều đó xảy ra, xin Chúa cho mọi sự được tốt đẹp."

Rồi cuối cùng, lời cầu nguyện của ông trở thành:

"Xin đừng theo ý con, nhưng xin theo điều gì tốt nhất cho Giáo Hội." Pasted text

Đây có lẽ là cách nói rất gần với tâm tình Công giáo: không xin Chúa làm theo ý mình nữa, mà xin mình biết đón nhận Thánh ý Chúa.

Ngày cuối cùng trước khi bước vào Mật nghị Hồng y

Một ngày trước khi mật nghị bắt đầu, Đức Hồng y Prevost trở về Nhà Tổng quyền Dòng Thánh Augustinô, nơi ngài vẫn thường lui tới để cầu nguyện và dùng bữa với các anh em trong dòng.

Ngài gặp Cha Alejandro Moral Antón, người kế nhiệm ngài trong chức vụ Bề trên Tổng quyền.

Hai người cùng cầu nguyện, xin Chúa Thánh Thần soi sáng và đồng hành với Prevost cùng 132 Hồng y cử tri, khi họ bước vào Nhà nguyện Sistine vào ngày hôm sau.

Sau khi cầu nguyện xong, Cha Moral Antón nói với Prevost một câu rất ý nghĩa:

Dù sau mật nghị ngài mặc áo màu gì, ngài vẫn luôn có thể trở về đây, cùng anh em trong dòng dùng cơm, dâng Thánh lễ và cầu nguyện.

PHAN BỘI CHÂU VIẾT GÌ SAU KHI THĂM DCCT HUẾ VÀ NHÀ L'ACCEUIL?

Ngày 27 tháng 05 năm 1936, Phan Bội Châu đã lần đầu tiên đến thăm Dòng Chúa Cứu Thế, và được cha Larouche tiếp đón trọng thị, dẫn đi thăm viếng khắp nơi trong Tu viện, nhà Đệ tử. Khi đến L'Acceuil thăm Thư viện, ông được cha Patrice Gagné cho mượn hai cuốn sách, để như ông nói, ông giữ mãi ấn tượng trong lòng. Sau chuyến viếng thăm, ông đã viết lại cảm tưởng của mình:

"Kể từ khi bắt đầu vào nhà, cho đến lúc thăm bàn thờ Đức Mẹ, được thấy các việc trong ngoài, phúc con mắt của Phan Bội Châu, thật quá chừng đội ơn Chúa... Vì thế, bắt buộc tôi phát sanh ra mấy mối cảm tưởng sau này:

Mối cảm tưởng thứ nhất là thấy Trường Công giáo trọng tinh thần mà không trọng vật chất, trọng thành ý mà không trọng hư văn. Bởi vì khi cha H (cha Larouche, tên

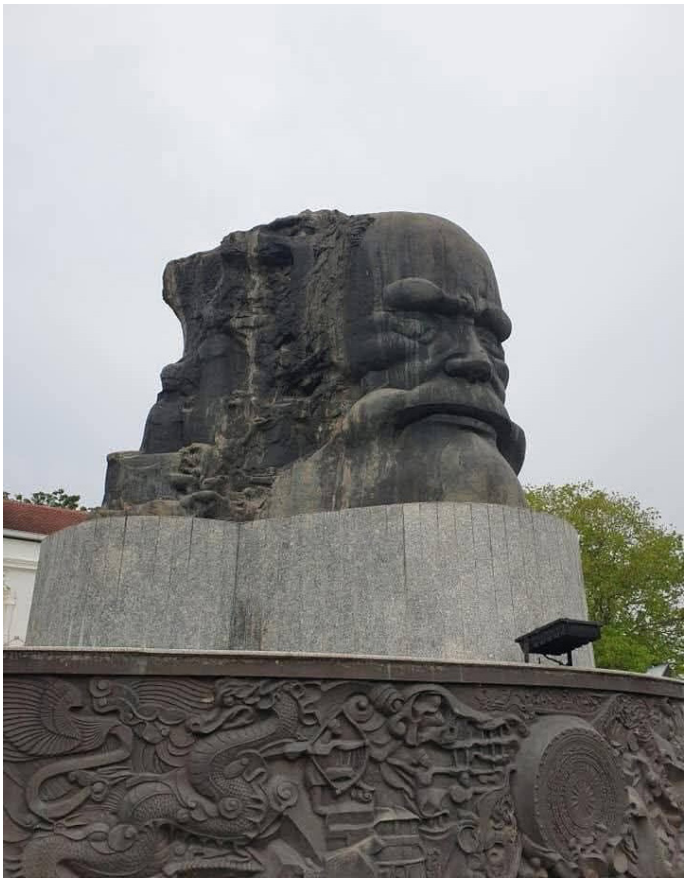

Tượng Phan Bội Châu ở Huế. Hình Tư liệu

Việt là Hiền) ngài tiếp tôi vẫn dùng bằng lễ tân chủ, nhưng thuốc không, trà không, mà bánh rượu cũng không, nhất thiết những hình thức giả toàn là không ráo. Nhưng mà ở trong đôi tròng con mắt, biểu hiện ra cái vẻ nhân từ, mà quý hóa nhất lại là những

nụ cười rất tự nhiên hòa nhã, những tiếng nói rất chân thành, thật thà. Sách Nho có câu rằng: "Bất thành tắc vô vật, cố quân tử thành chi vi quí". Nghĩa là: "Hễ việc gì chân thật, thời có việc ấy mặc dầu cũng in như không. Cho nên bậc quân tử rất quý trọng ở đạo thành."

Mối thiện cảm thứ hai là rõ được Đạo thờ Trời ở trong Công giáo rất phù hợp với chân lý trong đạo Nho xưa. Sách xưa có câu rằng: "Tế như tại, tế thần như thần tại". Nghĩa là hễ tế lễ Trời hay tế Thần, phải thường thường nhất tâm thành kính, như có Trời, có Thần ở bên mình vậy. Chẳng một phút đồng hồ nào mà quên lửng Trời và Thần thế mới là tế. Chớ những lễ vật trưng soạn ra, chỉ là khi thiên mạn Thần, chẳng bao giờ gọi bằng tế. Nay tôi được cung chiêm bàn thờ thánh ở trong trường nhà Dòng, thấy nghiêm túc mà chẳng thấy phiền văn, thấy cung kính mà chẳng thấy lễ vật. Ngọn đèn cầy nến, biểu hiện ra cái vỏ quang minh, xem lễ đọc kinh, tỏ ra cái tính hòa mục. Ngoài bấy nhiêu hình thức, chẳng thấy gì là mùi tục. Thế chẳng phải là tế như tại hay sao? Thật ta nên cảm phục.

Ấy là hai mối cảm tưởng như trên kia kể, chính vì nhờ một giờ đồng hồ thăm quan nhà trường Cứu Thế. Trời cao biển rộng, tháng

lại, ngày qua, trường Dòng Chúa Cứu Thế còn nguy nguy ở Đất Nước Nam chúng tôi, thời, những mối cảm tưởng về đạo đức hòa bình, còn chất chứa trong óc Phan Bội Châu mãi mãi".

(x. Báo Vì Chúa, năm I, số 3, ngày 2/10/1936).

Nguồn bài viết: **https://phailamgi.com/.../cu-phan-boi-chau-da-viet-gi.../...**

GIẢI KHĂN XÔ CHO L'ACCEUIL HUẾ



NGUYỄN NGỌC NAM PHONG

Chỉ trong một ngày, một đêm, nhà đón tiếp hay ngôi nhà L'Accueil" tài sản hợp pháp của DCCT, một công trình văn hóa, tâm huyết không chỉ của DCCT, mà của cả giáo phận Huế, cùng triều đình Huế, đã bị san bằng.

Sinh thời, vào những năm cuối thập kỷ 1920, nhận thấy giới trẻ từ khắp nơi về kinh đô học tập, thấy rõ những ảnh hưởng tiêu cực của trào lưu tư tưởng mới trên giới trẻ, Đức Giám mục Allys (Lý) đã xin các linh mục tu sĩ DCCT thành lập một trung tâm văn hóa để đào tạo giới trẻ Huế và những bạn trẻ từ khắp nơi tụ về.

Dự án sau đó đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của triều đình Huế, trong đó có phần

đóng góp về vật chất của Hoàng hậu Nam Phương, cùng các quan chức Nam Triều lúc đó, như Phạm Quỳnh, Bùi Bằng Đoàn...

Năm 1930, chương trình được khởi động với các buổi nói chuyện chuyên đề của các bậc thức giả tại kinh thành Huế, như học giả linh mục Cadière, các linh mục Đaminh Hồ Ngọc Cẩn, Ngô Đình Thục, Nguyễn Văn Thích...

Các đề tài không chỉ giới hạn trong lãnh vực tôn giáo mà mở rộng ra trong nhiều lãnh vực khác, kể cả trong lãnh vực chính trị.

Sau đó, dưới sự ủng hộ và tạo mọi điều kiện của giới chức hành chính đương thời, Dòng Chúa Cứu Thế đã mua được khu đất rộng hơn 2 hécta, phía bên kia đường đối diện với nhà thờ và tu viện, để xây dựng một tổ hợp với trường học (trường Việt Hương), thư viện công, nhà tiếp đón L'Acceuil, cư xá Nguyễn Trường tộ, sân bóng, bể bơi và nhiều hạng mục khác trong đồ án qui hoạch nhưng chưa kịp hoàn thành.

Suốt thập niên 1930 - 1945, L"Accueil", trong đó gồm thư viện công và hội trường L'Acceuil, trở thành nơi đón tiếp rất nhiều hạng người, bởi vào thời điểm đó, tại Huế không có bất cứ công trình nào, trừ đại nội Huế, có không gian đủ rộng để người dân có thể tới sinh hoạt văn hóa.



Thư viện nhà L'Acceuil. Hình: Tư liệu

Các nhà thơ lừng danh một thời như Nguyễn Bính, Yến Lan, Xuân Diệu, cũng từng mượn nhà L'Acceuil để tổ chức các buổi biểu diễn một loại hình nghệ thuật mới là kịch thơ, với một tác phẩm vẫn còn được nhắc tới là vở "bóng giai nhân".

Năm 1945, chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, nhà L'Accueil trở thành nơi chính quyền cách mạng mượn để giam giữ các tù binh ngoại quốc.

Kể từ đó, công trình dần xuống cấp. Sau đó, năm 1952, hội trường L'Accueil trở thành xưởng cưa, chỉ còn lại thư viện công, cư xá, trường học của dòng...

Dù vậy, đối với người dân Huế thời trước, L'Acceuil đã trở thành một phần máu thịt, đã trở thành một dấu ấn lịch sử không thể xóa nhòa.

Giờ đây, di tích còn sót lại với tuổi đời gần 100 năm ấy đã bị xóa bỏ chỉ trong một phút chốc mà phía sau ai cũng hiểu rằng "sự kiêu ngạo của quyền lực", một khi không đủ lý lẽ, người ta sẽ sử dụng quyền lực để khuất phục.

Tuy vậy, họ đã quên mất rằng, không có gì che đậy được sự thật lịch sử và bạo lực sẽ chỉ làm cho khuôn mặt của chế độ thêm lấm lem mà thôi!



Nhà L'Acceuil của DCCT ở Huế. Hình: Tư liệu



CỠI NGỰA SẮT TẬP THỂ DỤC

LBT: *Ngựa sắt của tác giả không giống ngựa sắt của Phù Đổng Thiên Vương – một loại robot mà Việt Nam sở hữu rất sớm…*

NGUYỄN ĐÌNH NGHI SB67

"Ngựa sắt" là chiếc xe đạp leo núi rất hợp với tôi. Nó khác với loại thể thao mà ngày xưa gọi là "xe cuộc" (course), hoặc xe đạp đua loại rộng vành nhẹ đạp nhẹ ký. Trước khi kể, tôi xin được lược sơ về con ngựa sắt của tôi một tí…

Ngựa sắt toàn bộ bằng đồ gin, từ sườn đến ruột đến vỏ. Ngay cả bàn đạp, sên, bi, líp, hoặc dây thắng, tay số… đến ốc vặn cọc yên, tay lái, vè, đèn, kèn, kính, giò dĩa của ngựa sắt đều xịn. Vì là loại xe leo dốc, nên nó chỉ có một dĩa, nhưng líp có những sáu số. Leo dốc bỏ số nhỏ, còn chạy đường trường bằng đường nhựa, thì ngựa sắt cứ là ro ro. So với

xe đạp nhập từ Hà Lan chính hãng về, thì ngựa sắt không bằng, nhưng hàng lô-can của Trung Quốc, thì nó ăn đứt... Để bổ sung cho việc đi đêm, ngoài kính phản quang, tôi gắn thêm cho ngựa sắt một bộ kèn đèn, và kính chiếu hậu để đề phòng xe lớn chạy đằng sau "gầm ghè đe dọa", hoặc để yên tâm mỗi khi xin đường.

Sáng qua để luyện bộ giò, tôi cho ngựa sắt leo dốc Hòn Tháp bon nhanh về hướng Đồng Dài. Khi qua cầu Phú Cốc sang tỉnh lộ 2, bất chợt gặp một tờ tiền mệnh giá một nghìn (1.000Đ) nằm lẻ loi trong lề cầu mang dáng nhàu nhò. Định bỏ qua, nhưng nghĩ "tích tiểu thành đa" theo lời ông bà dạy, bèn tôi dừng ngựa sắt cúi lượm thuộc lòng như tờ hai nghìn (2.000Đ) mới lượm hôm trước chỗ bờ kè mạn Bắc Sông Cái lúc đi tập thể dục về. Thế nhưng tờ một nghìn này trông "lam lũ" vì bị lem luốc dầu nhớt. Đoán nó là của cô nào đi học bị trật sên xe đạp mà không nỡ dùng khăn mùi soa để sửa, nên thay vì nhét túi, tôi thả xuống cầu cho trôi sông, kết thúc hành trình của tờ tiền bạc mệnh. Tội nghiệp! Chợt nhớ cũng tại cầu Phú Cốc này, mấy năm trước vào mùa mưa, tôi lượm được hai mươi hai ngàn (22.000Đ) kẹp chung như mẹ già bế cháu. Khi qua cầu sang địa

phận Phước Tuy thuộc xã Diên Phước cũ, tôi dừng ngựa sắt để kiểm tra hai tờ bạc không cùng loại, tờ pô-li-me xanh không hề hấn gì, nhưng tờ hai nghìn bị ướt nhẹp thì sắp rã, bèn tôi liệng vào bụi cây bên lề cho bầu bạn với cỏ rác, dế giun...

Cũng sáng qua qua tỉnh lộ 2 để về lại nhà, tôi thấy đạp xe thể thao qua mặt là một cô gái trong quần sọt áo thun mũ kết. Liền tôi đạp theo, nhưng được một đỗi thì cô gái đã mất hút giữa đám đông. Đúng là ông già bảy mốt đòi đua xe với cô gái trẻ!!! Về đến cầu Thành, tôi thấy cô gái mù thường ngồi bên kia đầu cầu để cầu xin sự bố thí của "ông đi qua bà đi lại", lần mò vào chợ. Có lẽ người ta không cho ngồi ở đó nữa, vì gây trở ngại qua lại trên cầu, hoặc có thể không thu hoạch khả quan bằng ngồi trong chợ, lại nắng nôi chăng? Hèn gì đã mấy bữa nay đi tập thể dục không còn thấy cô gái mù ấy nữa, cứ tưởng cô ta đã có mệnh hệ gì rồi! Đến đây tự nhiên nhớ đến cậu sắp nhỏ (em trai út của Huy Tài 67) làm nghề chạy xe thồ vừa mới mất, mà giữa bao người thân có một cô gái mù bên lương còn rất trẻ dự lễ tang. Hỏi ra khi sống, hễ cô gái mù cần đưa đón con của cô ta đến trường, là cậu út tụi nhỏ không từ nan, dù sáng trưa chiều, hay

nửa đêm mưa gió đau bệnh, mà hễ cô ta a-lô cầu cứu là Cậu Út sắp nhỏ có mặt...

Nghĩ mà thương cho cô gái mù bên lương lẫn Cậu Út tụi nhỏ! Nguyện xin cho linh hồn Phaolo sớm gặp được ông bà cha mẹ và Dượng Tư nó, là chồng Dì Tư trên Thiên Quốc. Cũng không quên xin Cậu cầu bầu cùng Chúa cho người còn ở lại chờ ngày sau hết amen!

Cây Vông 07/09/26

BỊ "QUAY" ĐỂ ĐI MỸ

LBT: *Phỏng vấn đi Mỹ thường bị quay như dế, nếu sơ suất một lỗi nằm trong list tình nghi, coi như "out". Nhiều người đối phó bằng chiêu "đi hổng đi hổng cần". Vậy mà đi...*

NGUYỄN LỤC KHOA SB67

"Hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai". Từ trước đến nay, Hai Lúa cứ than nghèo kể khổ, nhọc nhằn mưu sinh, ăn hoài một món chắc anh em cũng ngán. Hôm nay xin chuyển đề tài, hầu anh em một câu chuyện xưa như trái đất: "Phỏng vấn đi du lịch Hoa Kỳ".

Tháng 7 năm 2019, con gái đang học ở Mỹ gọi về:

- Cha mẹ qua dự lễ tốt nghiệp của con nha!

Câu đầu tiên Hai Lúa trả lời ngay:

- "Tiền đâu" (đầu tiên) đi con?

Con gái vừa cười vừa nói:

- Cha mẹ khỏi lo, có ngài Tổng thống Mỹ lo!

Sau cái gật đầu "vô thức" đó, vợ chồng Hai Lúa phải nhọc nhằn với hàng đống thủ tục phiền hà. Việc cần làm ngay là làm lại giấy khai sinh và CMND có đầy đủ ngày tháng sinh. Thời thế loạn lạc, thế sự thăng trầm nên trước giờ hai vợ chồng chẳng nhớ mình có mặt trên nhân gian này ngày nào, tháng nào. Tiếp theo là làm giấy giá thú, nay gọi là giấy đăng ký kết hôn. Nghĩ mà cười thầm, bao nhiêu năm ăn lậu, ở lậu, thậm chí có con cũng... lậu (con ngoài giá thú).

Rồi đến khoản chụp hình, lăn tay làm hộ chiếu.

- Đâu con cho chú xem hình có đẹp lão không...

Không biết bao nhiêu năm rồi Hai Lúa mới nhìn thấy hình hài chân thật của mình qua tấm hình thẻ.

- Đẹp đó chú! - Thằng phó nháy cười nịnh nọt.

- Đẹp cái đầu mày! - Hai Lúa chửi thầm trong bụng.

Xong phần thủ tục, ra bưu điện đóng tiền xin cấp visa, nộp hồ sơ online rồi ngồi chờ ngày phỏng vấn. Theo lời con gái, hai vợ chồng tận dụng mọi thời gian rảnh rỗi để

học bài vì nghe đồn "thằng Mỹ" phỏng vấn khó lắm. Cuối cùng, hai ông bà qua khảo bài cho nhau đều tự đánh giá là học sinh xuất sắc, chỉ chờ ngày "mở hội khoa thi".

Ngày 24/10/2019, vợ chồng Hai Lúa có mặt ở Sài Gòn để ổn định tinh thần.

Sáng 25/10/2019, hai vợ chồng dậy thật sớm, nai nịt chỉnh tề, kiểm tra lại giấy tờ rồi rời khách sạn bằng chiếc taxi 4 chỗ.

- Đi đâu đây cô chú?

- Đến Lãnh sự quán Mỹ con ơi!

Thành phố Sài Gòn vừa tỉnh giấc sau một đêm dài sôi động, đường phố xe cộ còn thưa thớt, hàng quán mới lụp xụp mở cửa. Cứ ngỡ mình là những người đến sớm nhất, ai ngờ "bé cái lầm".

- Phỏng vấn chỗ nào đây con? - Hai Lúa hỏi bác tài taxi cỡ tuổi con mình.

- Dạ bên kia đường, nơi người ta đang xếp hàng đó cô chú.

- Trời, đông dữ vậy hả con?

- Dạ, tí nữa còn đông hơn nữa!

Hàng người rồng rắn nối đuôi nhau làm Hai Lúa nhớ lại thời bao cấp xếp hàng chờ mua nhu yếu phẩm. Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ là một dãy nhà trệt mái Thái màu xanh rêu đơn sơ, nếu phía trước không có hàng cột bê tông sơn màu đen vàng xen kẽ và chú

bộ đội đứng gác thì chắc chẳng thể nào nhận ra đây là cơ quan của một nước lớn.

Ổn định hàng ngũ xong, Hai Lúa nói với bà xã:

- Em đứng trong hàng nha, anh ra ngoài kiếm ổ bánh mì hai vợ chồng gặm, chứ cái đà này chắc tới trưa mới đến lượt.

Đường Lê Duẩn (Phường Bến Nghé, Quận 1) lớn như vậy đâu dễ tìm thấy xe bánh mì dạo. Hai Lúa đành bấm bụng đi một chuyến xe ôm mới mua được hai ổ bánh mì và hai chai nước. Trời bắt đầu hâm hấp nóng, cái nóng Sài Gòn thật chẳng dễ chịu chút nào. Tự nhiên lại nhớ hai câu thơ của Nguyên Sa:

"Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông..."

Phải chi bây giờ có áo lụa Hà Đông che mát thì đỡ biết mấy!

Đồng hồ lúc này kim ngắn chỉ số 9, đúng giờ trên giấy hẹn nhưng đứng trước hai vợ chồng vẫn còn vô số người. Nóng ruột quá, Hai Lúa đánh bạo hỏi một nhân viên trật tự:

- Cho chú hỏi, cô chú đến giờ hẹn rồi...

- Đưa giấy hẹn cháu xem.

Xem xong người trật tự bảo:

- Cô chú qua bên kia xếp hàng. Bên đó phỏng vấn du lịch, bên này dành cho định cư!

Thế là vợ chồng Hai Lúa lại... "bé cái lầm" lần nữa.

Lại xếp hàng, rồi cũng đến lượt. Nhân viên an ninh xem xét hồ sơ, passport để xác định người thật việc thật rồi mời vào bên trong khám xét. Họ bắt bỏ tất cả tư trang cá nhân, giày dép, điện thoại vào một cái khay rồi dùng máy cầm tay huơ trước huơ sau để rà soát.

Bà xã đứng trước, khám xong được vào trong. Đến lượt Hai Lúa, họ huơ phần trên không có gì, nhưng đến phần hạ bộ thì máy kêu "tít tít" liên tục. Hai nhân viên an ninh lập tức xuất hiện, kè Hai Lúa vào phòng kế bên:

- Phiền chú bỏ vật kim loại ra khỏi người!

- Vật gì? - Hai Lúa ngơ ngác.

- Vật trong người chú đó!

Như chợt nhớ ra điều gì, Hai Lúa cúi xuống móc hai cây kim băng (kim cúc) ra khỏi túi quần. Lúc này không chỉ riêng Hai Lúa mà cả ba nhân viên an ninh đều thở phào nhẹ nhõm.

- Chú nhà quê lên tỉnh sợ mất tiền nên gài cẩn thận đó mà!

Cả bốn người cười xòa.

- Làm chúng con tưởng... chú mang vũ khí!

- Già rồi vũ khí gì con... Có cây súng bắn nước thôi, mà nó cũng quá cũ rồi!

Trở lại phòng chờ phỏng vấn, người ngồi đông nghẹt. Nhân viên phỏng vấn là người Mỹ chính hiệu gồm một nữ và ba nam, đứng sau ô kính. Chỗ ngồi đợi cách ô kính không xa nên có thể nghe lỏm bõm các cuộc đối thoại. Lần lượt từng người tiến về phía ô kính với đủ mọi tâm trạng, nỗi lo âu hiện rõ trên khuôn mặt. Rời ô kính, có người phấn khởi, cũng có kẻ cúi đầu lầm lũi ra về trong thất vọng.

Nghe gọi tên, vợ chồng Hai Lúa tiến về một ô kính. Người bên trong là một ông Mỹ da trắng, râu ria xồm xoàm nhìn hệt như Hắc Toàn Phong Lý Quỳ trong truyện Thủy Hử. Cái bộ râu này ngày xưa người ta gọi là râu rìa, dân gian hay có câu: "Râu rìa lông ngực là tội phản thần". Hai Lúa liền trấn an bà xã:

- Bình tĩnh! Mấy thằng râu rìa trông dữ tợn vậy chứ hiền lắm.

Vừa đến trước ô kính, bà xã đã nhanh nhảu:

- Chào anh, anh khỏe không?

- Cảm ơn bà, tôi khỏe!

- Ông bà khỏe chứ?

- Cảm ơn, chúng tôi ổn. Ông bà có phải là vợ chồng không?

- Sao anh lại hỏi vậy? - Bà xã có vẻ giận nên hơi nặng giọng.

- Ý của tôi... là để ông bà xác nhận thôi.

Buổi phỏng vấn hôm đó thực chất chỉ là cuộc "tọa đàm" giữa ông Mỹ và bà xã. Đúng như dự đoán ban đầu của Hai Lúa, mấy ông râu ria trông hung dữ vậy chứ lại sợ đàn bà. Thế là sau một hồi nói chuyện vòng vo tam quốc, ông Mỹ mỉm cười bảo:

- Good luck! (Chúc may mắn!)

Bà xã quay qua hỏi Hai Lúa:

- Nó bảo mình bị gút, lê lết phải không anh?

Hai Lúa vội vàng trả lời ông Mỹ "Thanh kiu" rồi kéo tay vợ đi ngay, chỉ sợ bả đứng lại cự nự ông Mỹ thì tội nghiệp người ta.

Mặt trời đã đứng ngọ. Cái nóng Sài Gòn mới vài giờ trước còn gay gắt, thế mà giờ đây sao bỗng ấm áp lạ thường. "Cảnh vật xung quanh tôi đều thay đổi, vì trong lòng tôi đang có sự thay đổi lớn": Tôi sắp đi Mỹ!

***

"Thành phố lên đèn, chốn ăn chốn chơi..." cũng là lúc vợ chồng hai lúa rời khỏi phố thị.

Chiếc xe giường nằm lịch lãm, tiện nghi lặng lẽ luồn lách, len lỏi qua từng con phố. Sài Gòn về đêm hiện lên như thành Sodome thời ông Lót: cuồng nhiệt, náo nhiệt, đường

phố đông đúc xe cộ tấp nập, chen lấn. Tiếng còi xe đinh tai nhức óc, tiếng rao hàng đủ loại xen lẫn tiếng nhạc xập xình từ các khu phố đèn vàng, đèn xanh, đèn đỏ (xin đừng hiểu nhầm), tạo thành một thứ âm thanh hỗn tạp đặc trưng của xứ thị thành. Nơi đây là một mớ hỗn độn: đại gia, giới trung lưu và người dân cùng đinh mạt vận trộn lẫn vào nhau, tựa như món tả pí lù thập cẩm trong nhà hàng Trung Quốc.

Hai lúa đã từng sống và làm việc ở nơi này một thời gian khá dài. Sài Gòn lúc bấy giờ cũng sôi động, nhộn nhịp, cũng "ngựa xe như nước, áo quần như nêm", nhưng không bon chen, không lầm lũi, không vội vàng như thời hiện tại. Dù ở thời kỳ nào thì "Sài Gòn vẫn đẹp lắm, Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi!".

Tuy nhiên, mọi sự so sánh đều khập khiễng. Sài Gòn ngày ấy chỉ có hơn 3 triệu dân, nay đã vọt lên hơn 12 triệu. Vùng đất sông lạch, bãi bồi năm xưa tiếp tục bị lấn chiếm, cơ sở hạ tầng đã xuống cấp trầm trọng nay lại càng thêm quá tải. Giống như chiếc áo mẹ may từ thời thơ bé, nay buộc phải khoác lên cơ thể của một người trưởng thành vì chưa kịp may áo mới…

Sau hơn một giờ đồng hồ dội tiếng còi, thắng nhồi, chồm lên hụp xuống liên hồi

như chiếc thuyền bơi giữa biển khơi, chiếc xe khách mới thoát ra khỏi nội thành. Bỏ lại sau lưng những hào nhoáng của phố phường, trước mặt giờ đây là vùng ngoại ô yên tĩnh. Ánh đèn đường vàng vọt rọi xuống những khoảng sáng tối đan xen, hai bên đường dân cư thưa thớt, hàng quán đã đóng cửa từ lâu, chỉ còn nghe thấy tiếng bánh xe lăn đều trên con đường thiên lý.

Ba ngày sau, anh shipper mang hộ chiếu đến tận nhà.

"Cha mẹ có visa rồi!" - tôi hồ hởi thông báo tin vui vào nhóm chat gia đình.

"Tạ ơn Chúa, chúc mừng cha mẹ!" - tất cả các con đều reo mừng.

Tiếp đến là khâu chuẩn bị cho chuyến đi. Vợ chồng con gái ở Thụy Điển gọi điện về: "Chúng con xin biếu cha mẹ hai vé máy bay khứ hồi". Vợ chồng con út ở Việt Nam cũng hào hứng: "Phần còn lại chúng con xin bao trọn gói!". Một lần nữa, vợ chồng hai lúa lại tạ ơn Trời Đất, lòng ngập tràn hạnh phúc vì mấy "con vịt trời" vẫn luôn nhớ ơn sinh thành dưỡng dục. Mọi thứ đã chuẩn bị xong xuôi, chỉ còn chờ đến ngày 15/05/2020 là xuất phát.

Nhưng ai đâu ngờ!... "Bà Covid- 19" bất ngờ xuất hiện...

Ngày 31/12/2019, những ca nhiễm SARS-CoV- 2 đầu tiên được công bố tại Vũ Hán, Trung Quốc.

Ngày 09/01/2020, ca tử vong đầu tiên tại Vũ Hán được ghi nhận.

Dịch bệnh bắt đầu bùng phát và lan truyền ra toàn thế giới…

Ngày 11/03/2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) chính thức tuyên bố Covid- 19 là ĐẠI DỊCH TOÀN CẦU.

Nhằm bảo vệ sức khỏe người dân cũng như các cộng đồng trên toàn thế giới, chính phủ các quốc gia đồng loạt áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt: hạn chế đi lại, phong tỏa kiểm dịch, giới nghiêm và cách ly xã hội…

Thế là, vợ chồng hai lúa đành ngậm ngùi cất giấc đi Mỹ vào túi áo... xem như một kỷ niệm buồn.

***

Giữa tháng 3 năm 2022, dịch bệnh tạm thời được khống chế, nhờ sự đoàn kết của các quốc gia trên toàn thế giới trong việc thúc đẩy tiến trình tiêm chủng quy mô toàn cầu. Các nước dần mở cửa trở lại – đây chính là ước mơ chung của toàn nhân loại sau hơn hai năm khép kín. Những mong ước nhỏ ngoi, chính đáng như giao lưu, đi lại, thăm viếng nay bước đầu trở thành hiện thực.

Cuối tháng 3 năm 2022, Hai Lúa nhận được tin con báo: Trường Đại học St. John's (New York, Mỹ) sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp cho sinh viên sau hai năm đình trệ vì dịch bệnh. Hy vọng xuất ngoại trong tôi một lần nữa lại khơi dậy. Vợ chồng Hai Lúa bắt tay làm hồ sơ xin visa lại từ đầu, lần này chuẩn bị thêm chứng nhận tiêm chủng và bảo hiểm COVID- 19.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, Tổng Lãnh sự quán Mỹ tại TP.HCM thông báo vợ chồng Hai Lúa được gia hạn visa (renew) mà không cần qua phỏng vấn. "Oh, my God!" – mọi sự cuối cùng đã đi vào quỹ đạo. Hai vợ chồng hối hả chuẩn bị quần áo, thuốc men cùng những món quà quê đậm chất Việt Nam: bánh tráng, chuối khô, tranh gạo...

Sau bao nỗ lực chạy đua với thời gian, ngày 12 tháng 5 năm 2022, vợ chồng Hai Lúa có mặt tại Sài Gòn để xét nghiệm PCR[1] lần cuối trước khi lên máy bay.

Dịch bệnh vẫn còn vương vấn đâu đây, gây không ít phiền hà cho việc đi lại. Mọi người vẫn e dè khi tiếp xúc; những va chạm vô tình chỉ còn thể hiện qua ánh mắt — hiền từ hay vô cảm chẳng thể đoán định, bởi chiếc khẩu trang như bức tường ngăn cách mọi biểu cảm. Sài Gòn vừa thoát khỏi cơn bạo

bệnh thập tử nhất sinh, làm sao trong một sớm một chiều người ta có thể quên đi ám ảnh chết chóc, giãn cách, phong tỏa, tiếng còi xe cấp cứu hay những hũ tro cốt... Nét bàng hoàng vẫn còn đọng lại trên từng khuôn mặt. Con người Sài Gòn vốn xởi lởi, hiếu khách nay trở nên e dè; hàng quán thưa thớt, xe cộ bớt tấp nập.

Đó là một sự khởi đầu đầy dè dặt... cho một cuộc sống mới, cuộc sống đang dần hồi sinh.

Đặt chân lên đất Mỹ

Ngày còn nhỏ, có lần Hai Lúa theo mẹ lên thăm ba ở dinh điền Pleiku. Lúc đi thì qua đường bộ Nha Trang - Ban Mê Thuột, lúc



về lại bị sạt lở ở Khánh Dương, thế là cả gia đình phải đi xe đò qua Quảng Đức (ngày nay là Đắc Nông) sang Đà Lạt, rồi từ đó mới về lại Nha Trang bằng đường hàng không.

Phi trường Liên Khương lúc bấy giờ còn là một phi cảng nhỏ mới thành lập. Trong ký ức của Hai Lúa, nơi ấy chỉ vỏn vẹn một phi đạo bằng đất đỏ và phòng chờ làm bằng nhà tiền chế sơn màu ô- liu nhà binh – trông tù túng như cái lẩm lúa của Nhà Chung ở Hộ Diêm, Tấn Tài, tối om với vài bóng đèn tròn vàng vọt. Chiếc Dakota cánh quạt chở chừng vài chục hành khách. Nhưng với một đứa trẻ tám chín tuổi như Hai Lúa ngày ấy, việc được ngồi chễm chệ trong phòng chờ

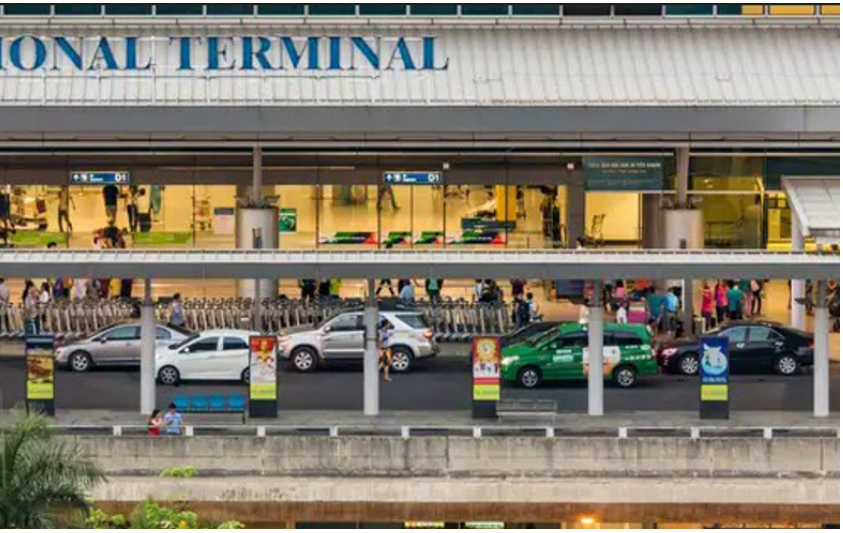

cất cánh đã là một niềm mơ ước, một vinh dự lớn lao của tuổi thơ.

Sau này lớn lên, Hai Lúa có dịp ngồi trên nhiều chuyến bay quân sự, kinh qua không ít phi trường, nhưng lần nào cũng vội vội vàng vàng, chẳng mấy khi kịp thưởng lãm.

Hôm nay, ngồi trong phòng chờ của phi trường Tân Sơn Nhất – một phi cảng sầm uất và hiện đại – nhìn qua ô cửa kính, Hai Lúa ngắm hàng dài máy bay phản lực Boeing, Airbus đủ sắc màu xanh, đỏ, vàng, trắng… đậu ngay ngắn trên đường pít. Mặt trời đã lên cao, những tia nắng đầu tiên nhảy chờn vờn trên những ngọn cỏ bông lau mọc dại dọc đường băng, lượn sóng mỗi khi phi cơ cất hay hạ cánh. Xa xa, những công nhân phi cảng cần mẫn chất hành lý ký gửi lên xe kéo màu vàng đậm rồi chạy đến bên thân máy bay để chuẩn bị lên hàng.

Phòng chờ giờ đã chật kín người: Âu, Á, Tây, Tàu đủ cả. Người ung dung đọc báo, kẻ ra chiều lo lắng. Máy lạnh mở hết công suất nên không khí khá lạnh. Hai Lúa kéo cao cổ áo, rồi nhắc khéo vợ: "Choàng khăn vào cho đỡ lạnh em." Chợt nhớ đến câu thơ trong bài *Áo lụa Hà Đông*: "Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát", nhưng ở đây chẳng có áo lụa nào cả, mà là…

"Bởi vì em ngồi máy lạnh chờ bay."

Đúng 8 giờ 30 sáng ngày 14/05/2022, chiếc Boeing của hãng Qatar Airways rời phi trường Tân Sơn Nhất, mang theo vợ chồng Hai Lúa cùng khoảng ba trăm hành khách lao vào khoảng không vô tận. Chuyến bay tạm bỏ lại sau lưng những ngày tháng nhọc nhằn mưu sinh, những đêm sương giá lạnh ngủ gầm cầu, lề đường sau một ngày chạy xe thồ mệt mỏi, và tạm quên đi tiếng rao "Chó đây… chó đây!" của một thời lang bạt kỳ hồ…

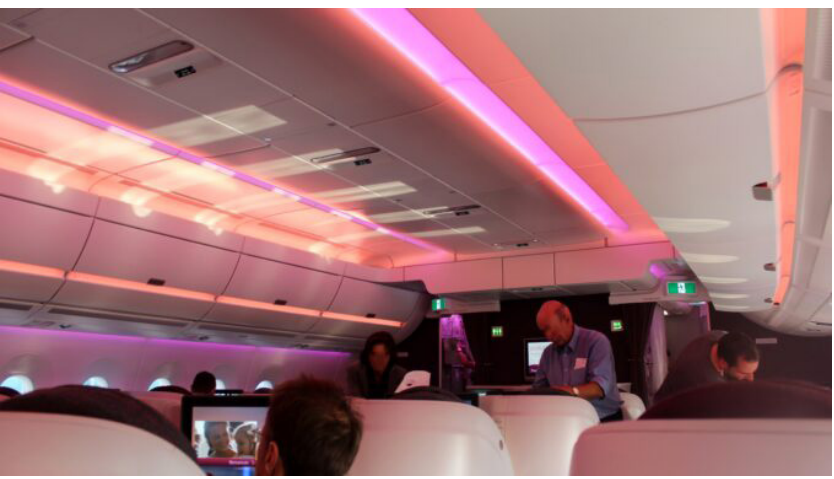

Bên trong máy bay khoang hạng business của Qatar Airways. Hình: https://morepremium.com/

Sau bảy giờ bay, chiếc Boeing đáp chặng đầu tiên xuống phi trường Doha (Qatar).

Từ một làng chài nằm trên bán đảo nhỏ nhô ra ở bờ tây Vịnh Ba Tư, Qatar đã vươn mình thành một quốc gia Tây Á giàu có thuộc bán đảo Ả Rập nhờ 85% tài nguyên đến từ dầu mỏ và khí đốt. Sân bay Doha cực kỳ hiện đại, sạch sẽ, bóng lộn, có cả hệ thống tàu điện nối từ cổng này sang cổng khác. Nhân viên phục vụ khá ân cần nhưng nói tiếng Anh giọng Trung Đông hơi khó nghe; các món ăn trên máy bay lại không mấy hợp khẩu vị người Việt.

Sáu giờ quá cảnh ở Doha, hai vợ chồng nằm lê lết trên sàn vì khu vực này rộng mà lại ít ghế. Hai Lúa cùng vợ lôi từ trong ba lô ra gói cơm vắt muối mè để lót dạ. Cũng may buổi sáng trước khi vào phòng cách ly, cô con gái lớn đã giúi nhanh gói cơm vào ba lô, chứ không thì… giờ này chẳng biết tìm thức ăn ở đâu, vì khu phòng chờ quá cảnh này không kinh doanh dịch vụ ăn uống. Nghĩ mà tức cười: Cha mẹ ơi! Ai đời đi du lịch Mỹ mà lại ăn cơm vắt chẳng khác nào thời kháng chiến chống Pháp…

Bước vào chặng bay thứ hai từ Doha đi New York:

Rút kinh nghiệm từ chặng đầu – do lạ nước lạ cái nên thức trắng – lần này khi máy bay vừa cất cánh và ổn định đường bay, hai vợ chồng đánh một giấc ngon lành để hồi sức. Kể ra đi máy bay sướng hơn đi xe

đò ở chỗ không bị dằn xóc bởi ổ gà, ổ voi và độ an toàn rất cao, chỉ tội cho đôi chân tê cứng vì ngồi lâu một chỗ.

Mười bốn tiếng đồng hồ trôi qua. Ngoài hai bữa ăn chính, hãng hàng không còn phục vụ thêm một bữa ăn phụ trước khi hạ cánh. Khi màn hình 3D hiển thị máy bay đang lượn trên bầu trời New York, hai vợ chồng mới thở phào nhẹ nhõm, thầm tạ ơn Trời Đất đã ban cho một chuyến bay dài bình yên. Vòng tròn vị trí trên màn hình nhỏ dần, nhỏ dần, rồi tiếng rít ken kẹt của bánh cao su chạm vào mặt đường băng vang lên…

Nhìn qua ô cửa tò vò, bầu trời New York trong xanh, xa xa vài tán mây trắng lơ lửng trôi về phía chân trời. Bốn mươi lăm năm vật lộn với cơm áo gạo tiền, Hai Lúa và vợ chưa một lần dám mơ đi du lịch (dù là trong nước). Nay nhờ ơn con cái mà có được một chuyến đi xa thế này, ôi… thật là phước phận!

Rời khỏi phi cơ, bước những bước đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ, Hai Lúa vẫn ngỡ như mình đang trong một giấc mơ – giấc mơ Từ Thức lạc vào cõi thiên thai…

***

Thủ tục nhập cảnh nhanh gọn, vợ chồng hai lúa nhận lại hành lý rồi rảo bước ra phòng chờ.

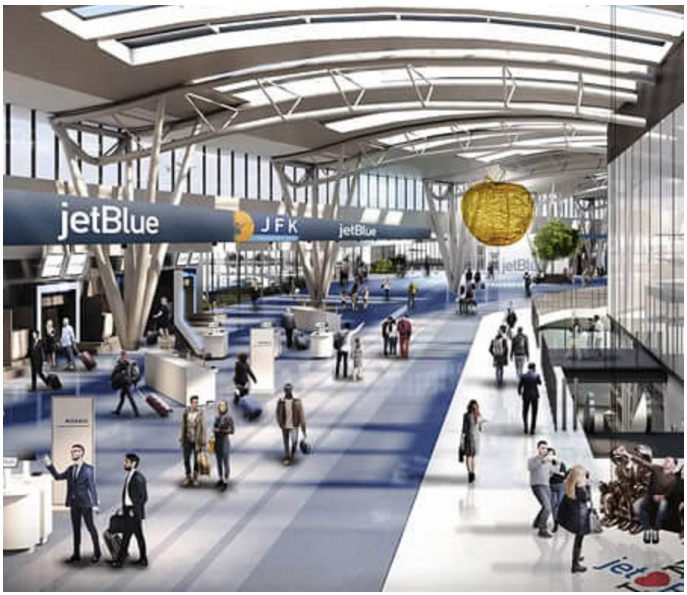

Bên trong nhà ga phi trường JFK New York. Hình: https://www.wbdoors.com/

Trời New York tháng Năm vẫn còn se lạnh. Cái nắng đầu mùa dìu dịu vẫn chưa đủ sức xua tan đi cái hàn còn sót lại của mùa đông vừa qua.

"A! Cha mẹ đây rồi!"

Tiếng reo mừng vỡ òa, con gái chạy nhào lại ôm chầm lấy chúng tôi. Cái ôm nồng thắm, siết chặt sau mười mấy năm trời xa cách. Ngày con cất bước ra đi, mái tóc cha mẹ vẫn còn xanh; giờ gặp lại nơi xứ người, tóc đã nhuốm màu sương bạc. Mừng mừng tủi tủi, bao nhiêu thương nhớ trào dâng.

"Con khỏe không?"

"Cha mẹ đi đường dài có mệt không?"

"Đến nơi an toàn, bình yên là tốt rồi..."

Những lời thăm hỏi ngắt quãng trong nước mắt. Giọt nước mắt đoàn viên ấm áp lăn trào trên khóe mắt từ bao giờ.

Hành lý được chất gọn gàng sau cốp xe. Con gái đon đả:

"Cha mẹ vào xe ngồi cho đỡ lạnh. Giờ con đưa cha mẹ đi ăn trưa, tiện thể ghé thăm trường con hồi trước rồi về nhà nghỉ ngơi luôn ạ."

Rời sân bay John F. Kennedy, chiếc xe lăn bánh về hướng trung tâm New York. JFK vừa là sân bay quốc tế vừa là cảng hàng không nội địa sầm uất, nằm cách trung tâm tài chính Manhattan chừng 29km về phía Đông Nam.

Giao thông ở Mỹ mật độ dày đặc. Các tuyến đường cao tốc dàn trải khắp nơi, chằng chịt như mạng nhện, đường chồng lên đường, các giao lộ và vòng xoay đan xen như một ma trận - nếu không quen đường thì rất dễ lạc lối. Hơn nửa giờ len lỏi qua những khu dân cư đông đúc, bỏ lại sau lưng phố thị ồn ào, trước mắt chúng tôi mở ra một khoảng trời bao la. Những đám mây trắng xốp đùa nghịch đuổi nhau trên cao; xa xa,

ẩn hiện trong làn sương mờ là những dãy nhà cao tầng sừng sững.

Con gái tắp xe vào lề, chỉ tay về phía trước:

"Phía bên kia bờ vịnh là New Jersey, nơi trước đây con học cao học. Còn bên này, chỗ những tòa nhà chọc trời đó là trung tâm tài chính Manhattan, có Quảng trường Thời Đại, có cả vị trí tòa tháp đôi từng bị khủng bố đánh sập hôm 11 tháng 9... Hôm nào rảnh con sẽ đưa cha mẹ qua đó tham quan cho biết."

Tôi nhìn theo hướng tay con chỉ. Gió từ ngoài vịnh bắt đầu thổi nhẹ, nắng vàng nhạt hòa cùng cái se lạnh đầu mùa. Chiều ngoại ô New York yên tĩnh, lặng lẽ, êm ả – có nét gì đó thật giống với một buổi chiều vàng nơi quê nhà Việt Nam, nhưng sao vẫn thấy trống trải... Chỉ vì nơi đây thiếu đi bóng dáng một cánh diều chiều chao nghiêng trên bầu trời xanh quen thuộc

Giọt Nước Mắt "Ngày Tốt Nghiệp"

Chúng ta thường cho rằng nước mắt chỉ biểu lộ sự bi thương, đau khổ, người ta chỉ khóc khi nỗi buồn tràn ngập tâm hồn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nước mắt là loại phản ứng vô cùng phức tạp của cơ thể. Buồn khóc là lẽ

tất nhiên, thế nhưng, những giọt lệ vẫn tuôn tràn khi niềm vui và hạnh phúc đong đầy.

Năm đứa con của nhà Hai Lúa may mắn nối tiếp nhau bước chân vào giảng đường đại học… Nhưng Hai Lúa chưa từng, dù chỉ một lần, được đồng hành cùng các con trong ngày nhận bằng. Lý do duy nhất: "hoàn cảnh" không cho phép. Lần cô con gái học cao học ở Đài Loan tốt nghiệp hạng ưu, con tha thiết muốn cha mẹ sang dự lễ. Xem lại "hầu bao", Hai Lúa đành bấm bụng ở nhà, gom góp từng đồng để dành cho đứa em sau học tiếp… Đời là vậy, người ta thường an ủi nhau "Tiền bạc là vật ngoài thân", nhưng lại quên mất câu dân gian vẫn truyền miệng: "Ông Tiên, ông Bụt, ông Tiền - Trong ba ông đó, ông Tiền lớn hơn".

Ngày 18/05/2022 trở thành cột mốc trọng đại và đáng nhớ nhất đời vợ chồng Hai Lúa.

"Cha mẹ đi với chị Jacky nhé. Chị người Mỹ làm chung chỗ với con, chị sẽ hướng dẫn và sắp xếp chỗ ngồi cho cha mẹ. Con vào phòng nghi lễ đây," cô con gái cẩn thận dặn dò.

An ninh buổi lễ thắt chặt nghiêm ngặt: quét mã vé mời, kiểm tra thân thể tỉ mỉ. Như có sự an bài tuyệt vời, vợ chồng Hai Lúa được xếp ngồi ngay sát lễ đài - vị trí thuận lợi nhất để quan sát và ghi lại từng khoảnh

khắc.

Giờ lễ bắt đầu. Mọi người trên hai khán đài đồng loạt đứng dậy khi đoàn rước từ phòng nghi lễ trang nghiêm tiến vào. Đi đầu là người cầm quyền trượng, kế tiếp là cờ biểu tượng của trường đại học, rồi đến các tân khoa tiến sĩ, thạc sĩ. Đoàn rước tiến về lễ đài trong tiếng nhạc trầm hùng xen lẫn tiếng reo hò vang dội, làm náo động cả hội trường.

Dẫn đầu đoàn tân khoa tiến sĩ là một chàng trai da màu - người sau đó đại diện cho toàn thể tân khoa phát biểu. Ngay nối tiếp phía sau chính là cô con gái nhỏ bé của Hai Lúa.

Nhìn thấy con, vợ Hai Lúa quay sang thì thầm: "Anh ơi, con mình thấp quá nên họ cho đi đầu kìa, nghĩ cũng hơi buồn..."

"Chứ cậu đi đầu có thấp bé đâu?" - Hai Lúa đáp.

"Ừ nhỉ..."

Tuy lên tiếng trấn an bà xã, nhưng trong lòng Hai Lúa cũng không tránh khỏi một chút gợn sóng băn khoăn.

Rồi nỗi niềm riêng ấy mau chóng được giải đáp. Khi xướng ngôn viên trân trọng gọi tên năm tân khoa Tiến sĩ đầu tiên bước lên lễ đài nhận văn bằng xuất sắc, tên của con

gái Hai Lúa xướng lên trong kiêu hãnh.

Oh, my God! Làm sao diễn tả trọn vẹn sự vui mừng và tự hào lúc này? Hai dòng nước mắt của vợ chồng Hai Lúa cứ thế lăn dài, không sao ngăn lại được. Những giọt nước mắt từng bao lần lặng lẽ chảy ngược vào tim qua bao năm tháng gian lao... nay ùa về, tuôn tràn theo cảm xúc nghẹn ngào rồi vỡ òa hạnh phúc.

Tears of joy - Giọt nước mắt của Hạnh phúc vẹn tròn.

Du hí đất Mỹ

Sau ngày tốt nghiệp bận rộn tiệc tùng chiêu đãi, thăm hỏi, cám ơn. Hôm nay con gái đưa cha mẹ đi Manhattan để tham quan.

Từ khu St Agatha, Brooklyn sang Manhattan không xa lắm, nhưng mật độ xe tham gia giao thông dày đặc, xe nối đuôi nhau chẳng khác nào Sài Gòn trong giờ cao điểm, đây là điểm chung của các thành phố lớn.

Qua khỏi cầu Brooklyn, một thành phố hiện đại, tân kỳ, hiện ra trước mắt, hầu hết tất cả các tòa nhà chọc trời của thành phố New York đều nằm ở Manhattan, tập trung nhiều nhất tại Midtown và Lower Manhattan, người ta thống kê tính đến tháng năm, năm 2016, toàn thành phố có 241 tòa nhà có chiều

cao ít nhất 152 m. Sau giờ cao điểm đường phố quận Manhattan dường như rộng rãi hơn, xe cộ thưa thớt hơn, người đi bộ nhiều hơn, đa phần là khách du lịch.

Trời tháng 5 mát dịu, trong cái nắng ấm nhạt nhòa, pha chút se se lạnh, vợ chồng hai lúa hòa mình vào dòng người xuôi ngược, đi giữa những căn phố cao tầng, nhà chọc trời, ngắm cái xa hoa, lộng lẫy của nước Mỹ, mà một thời chỉ nghe nhìn qua sách vở, báo đài, hít thở bầu không khí của vùng trời tự do mà người ta thường ca tụng, xem thử ngọt bùi như thế nào! Hàng cây hai bên đường, giờ đã đầy lá, chen lẫn trong màu xanh của lá, là những nụ hoa còn e ấp, mùa xuân ở Mỹ, thiên nhiên mang một sắc màu tươi tắn, mới mẻ.

"Con lấy xe đưa cha mẹ đến Nine, Eleven (nơi bị khủng bố ngày 11.9)". Nhớ lại sự kiện sáng thứ ba ngày 11.09.2001, đây là một cuộc tấn công quy mô lớn chưa từng có của một nhóm khủng bố trên đất Mỹ. Vào những ngày đó của 21 năm về trước (tính đến ngày vợ chồng hai lúa đến Mỹ 2022), 19 tên khủng bố đã khống chế 4 máy bay thương mại của hai hãng hàng không United Airlines và American Airlines. Hai chiếc Boeing 767 lần lượt đâm vào hai tòa tháp đôi trung tâm thương mại thế giới (WTC) của thành phố

NY, kéo theo sự sụp đổ 7 tòa tháp lân cận. Hai chiếc Boeing còn lại một chiếc đâm vào một góc phía tây Ngũ giác đài, chiếc còn lại rơi xuống vùng đất Shanksville, bang Pennsylvania. Hậu quả gần 3.000 người bị tước đi sinh mạng, đồng nghĩa với gần 3.000 oan hồn phải ra đi ngoài vòng sinh lão bệnh tử tự nhiên… Không riêng gì nước Mỹ, cả thế giới bàng hoàng, nỗi đau đến nay vẫn chưa xóa nhòa trong ký ức.

Vợ chồng hai lúa đứng ngậm ngùi trước đài tưởng niệm những nạn nhân bị chết oan uổng dưới bàn tay sát nhân của bọn khủng bố, nơi đây không hương khói, chỉ có những bó hoa, những tấm lòng, những bàn tay bịn rịn trên các tấm bia khắc tên tử sĩ…

Tiếng thác đổ, tiếng rì rào của gió, của cây cối, hòa lẫn trong tiếng hót của chim muông…» Ru mãi ngàn năm» của một đời người ngắn ngủi…

Thầm mong họ an nghỉ bình yên .

***

Giữa tháng 6 năm 2022, sau khi dự lễ tốt nghiệp của đứa con gái thứ ba tại New York, vợ chồng tôi có cuộc hẹn gặp Ban Giám hiệu Trường Đại học St. John's để cảm ơn theo truyền thống Á Đông, đồng thời trao tặng quà lưu niệm cho nhà trường.

Sau những câu chào hỏi xã giao, chúng tôi cùng trao đổi về cuộc sống. Tôi kể cho họ nghe về những năm tháng nhọc nhằn, hơn 25 năm miệt mài mưu sinh trên "con ngựa sắt".

Vị đại diện nhà trường ngạc nhiên hỏi:

- Thế khi Ngài xuôi ngược trên đường thiên lý, Ngài nghỉ qua đêm ở đâu?

Tôi không chút ngần ngại trả lời:

- Nơi dừng chân qua đêm của tôi là "khách sạn ngàn sao": đình, chùa, miếu mạo, am Cô Ba, Cô Bảy… cho đến gầm cầu, sạp chợ…

Ông xúc động nói:

- Điều đó thật ngoài sức tưởng tượng của tôi! Ngài đúng là một người cha tuyệt vời!

Tôi cảm ơn lời khen của ông và thay mặt gia đình gửi tặng nhà trường bức tranh "Gạo" để làm kỷ niệm. Bức tranh được kết tạo từ những hạt gạo - thứ hạt từng có thời được trân trọng như "gạo châu củi quế", muốn có được nó phải đổi bằng mồ hôi, nước mắt, thậm chí có khi phải trả giá bằng cả máu. Nhưng tất cả đã qua rồi, hôm nay đất nước đã đủ ăn, lại còn thừa gạo để xuất khẩu đi khắp năm châu… Con gái ngồi phiên dịch cho tôi mà giọng nghẹn ngào, bởi chính con cũng là người trong cuộc.

Rời khỏi Đại học St. John's, con gái nhẹ nhàng bảo:

- Cha ơi! Tất cả đã là quá khứ rồi, hãy để nó qua đi. Cha đừng nặng lòng nữa, chị em chúng con giờ đây đều đã trưởng thành… Cha mẹ nhìn kìa, mùa đông ảm đạm đã qua, thành phố đã hồi sinh. Chẳng phải hiện giờ cha mẹ đang là những du khách thưởng ngoạn trên đất Mỹ sao!

Thật vậy, con gái nói rất đúng. Quá khứ một thời lênh đênh phiêu bạt đã lùi xa, vết thương lòng tuy đã liền sẹo, nhưng sao mỗi khi "trái gió trở trời", nó vẫn khơi dậy trong lòng tôi nỗi buồn đau âm ỉ của một thời gian khổ…

Chú thích

1. Polemerase Chain Reaction (xét nghiệm sinh học phân tử). PCR giúp chẩn đoán một số bệnh đặc hiệu, liên quan đến các loại virus mà các phương pháp xét nghiệm truyền thống không thể làm được.

NHẬT KÝ TRUYỀN GIÁO **NHỮNG NGÀY ĐẦU TẠI** PLEIKU



TAĐÊÔ PHẠM VĂN HIỀN SB74

Jrai, thứ Ba, ngày 9.6.2026,
nhà xứ Ia Tô

Hôm nay cha xứ khai trương lớp học hè của giáo xứ. Có được hơn 80 em, từ các làng chung quanh làng Kmong, Làng Nhă, làng De Chí, De Chí 1, De Chí 2, làng Tang, v.v. Các trẻ em thì đơn sơ vui tươi hiếu động, năng lượng cực kỳ dư thừa, nên có thể vui chơi chạy nhảy suốt buổi, kể cả buổi trưa mà không hề thấy mệt. Chỉ mệt cha xứ và các anh chị giáo lý viên.

Chợt một thoáng trầm ngâm thì nghĩ đến một thời rất lâu, lâu lắm rồi, mình đã từng là

một đứa trẻ giống như chúng, còn bây giờ... thì... khi gặp chúng chúng sẽ gọi mình là... ông hoặc là ông thầy. Nên kỳ này mình được tham gia một cái gói, một cái vé đi về tuổi thơ, kéo dài khoảng một tháng. Đứa trẻ bây giờ sống trong bình yên, không có như thời của mình là toàn đi chạy giặc. 68 chạy từ Huế vào Sài Gòn, chưa được một năm thì chuyển ra Nha Trang, được vài năm yên ổn, lại tiếp tục xảy ra biến cố 1975, lại Nha Trang - Sài Gòn, lại về lại Nha Trang. Với biết bao nhiêu khó khăn của thời kỳ bao cấp, xã hội chủ nghĩa. Tuổi trẻ bị vùi dập, cơ hội học hành bị ngắt quãng, những cuộc chia tay không lời từ biệt của những mùa hè, mùa vượt biên, bạn bè thân thiết dần dần vắng bóng...

Phòng khám Ia Tô, thứ Tư,
ngày 10.6. 2026

Bệnh nhân Ksor Ka, 50 tuổi đến xin điều trị với tình trạng liệt nửa người do tai biến, nhà ở tận Sedan... Sê San. Tiền sử là uống rượu nhiều cho nên mới như vậy, đây là một trường hợp điển hình của bệnh nhân người dân tộc thiểu số vùng cao nguyên. Người ta sẽ "zum bai", uống rượu, với vô số lý do từ to đến nhỏ, từ bỏ mả đến đám tang, đám cưới v.v. rồi đến



cúng bái trừ tà, rồi có xe mới nhà mới, v.v. hoặc chỉ đơn giản là rảnh quá không biết làm gì. Kết quả là những... chỉ số huyết áp, chỉ số đường huyết cao ngất ngưởng. Mặc dù như vậy nhưng bệnh nhân, các bệnh nhân, đều luôn luôn lạc quan vui vẻ... Những điều này chỉ thấy ở những bệnh nhân còn cải thiện được, ở người già và bệnh nặng thì thảm hơn nhiều, họ sẽ để mặc tự sinh tự diệt, còn ăn uống vệ sinh được chút nào thì hay chút đó. Dù sao thì những trường hợp này cũng không đến nỗi như những bệnh... những dân tộc sơ khai nào đó, đưa bố mẹ vào rừng hoặc cho leo cây rồi đứng dưới mà rung.

Việc truyền bá giáo dục cho những người dân ở vùng này vẫn còn rất xa vời. Làm sao

có thể loan báo Tin Mừng cách trọn vẹn, trong khi những rào cản của định kiến vẫn còn hết sức vững chắc. Người ta tin đạo chỉ một phần thôi, cốt lõi trong đó... cái tiềm thức, cái suy nghĩ, những tập quán chưa thể nào thay đổi hết được. Chỉ cần một cơ hội nhỏ xíu nào đó, một câu nói chê bai, chỉ trích, một hành vi coi thường, cũng có thể gây ra những cuộc ly khai rõ rệt, bằng cách từ bỏ nhà thờ, không còn đi lễ nữa.

Thứ Tư, ngày 17.6.2026

Hôm nay mình đi dự lễ mừng ngân khánh LM của anh T, tại giáo họ Ia Yok. Tuy là bạn học cùng lớp nhà tập nhưng anh T lớn hơn mình 3 tuổi và học giỏi nhất lớp. Anh T là người nghiêm túc và khá khó tính. Anh T đã hướng dẫn mình trong nhiều việc.

Anh T đã từng kinh qua nhiều chức vụ trong nhà dòng: phụ trách cộng đoàn, quản lý tỉnh dòng, cố vấn tỉnh dòng… và từ hơn 10 năm nay anh xung phong lên phục vụ vùng truyền giáo Pleiku - Kontum này.

Trong thánh lễ có 2 lần anh đã xúc động và không cầm được tiếng nấc. Một lần khi đọc đến lời nguyện nhắc nhở LM phải vừa kiên nghị vừa nhân từ và một lần khi cám ơn lúc kết lễ.

Bài giảng lễ của anh nhắc đến tấm gương đơn sơ khiêm hạ của thánh nữ Tê-rê-xa Hài Đồng và Cha Thánh PXC. Con người chỉ là bụi đất, nếu có được một chút gì thì chỉ là nhờ ơn Chúa ban mà thôi...

Xin ca ngợi và tôn vinh TC, vì muôn ngàn đời Người vẫn trọn tình thương…

Xin hiệp ý cùng anh để cảm tạ hồng ân TC và cầu nguyện xin Chúa cho GH thêm nhiều LM thánh thiện và nhiệt thành.

Thứ Sáu, ngày 19.6.2026

Hôm nay nhận được thông tin Công an xã Ia Krai đã bắt giữ 5 thanh niên làng Kmong tuổi từ 16-21 vì tội sử dụng ma túy.

Tại sao thanh niên người dân tộc thường dễ bị lôi kéo vào những chuyện nghiện ngập hơn người kinh?

Qua nhiều nguồn thông tin, mình có câu trả lời:

- Thói quen hưởng thụ, không biết tiết kiệm dành dụm.

- Cha mẹ nuông chiều – con cái đua đòi: nó đòi mua đồ chơi, điện thoại, xe máy thì phải lo tìm mọi cách để đáp ứng cho dù phải vay nợ, cầm cố, bán nhà… nếu không nó dọa tự tử, đốt nhà…

Thêm một thách đố cho các nhà thừa sai rồi đó! Còn mình già rồi, làm gì được? chỉ có lời cầu nguyện thôi, và phải chuẩn bị thêm nhiều thuốc chống loạn thần để điều trị cho BN nghiện chất…

CN 21.6.2026

Đi phát thuốc và tư vấn giáo dục sức khỏe cho bà con người Jrai ở làng Kom Yo.

7 giờ sáng, xe khởi hành từ nhà thờ Iato, ghé qua phòng khám để lấy 2 thùng thuốc to đùng do Caritas tặng. Một thùng thuốc chứa khoảng 40 túi thuốc, mỗi túi gồm 2 lọ thuốc đau bụng, 2 vỉ thuốc cảm người lớn, 10 gói thuốc hạ sốt cho trẻ em, 1 chai dầu gió, 2 vỉ thuốc giảm đau, 2 vỉ thuốc ho.

Đề tài giáo dục sức khỏe hôm nay là về bệnh lý đường tiêu hóa. Đi từ vệ sinh răng miệng đến vệ sinh ăn uống, các cách phòng tránh bệnh và phát hiện sớm các triệu chứng bệnh…

Người dân miền núi chất phác thật thà vui vẻ lắng nghe và trả lời các câu hỏi. Sau buổi học mỗi người được phát 1 túi thuốc để đem về nhà. Một số ở lại xin khám và lấy thuốc cho các bệnh: nhiễm trùng, cao huyết áp, tiểu đường…

Khám xong, thầy S dẫn mình đi thăm 3 bịnh nhân tâm thần ở gần đó: thăm khám, lấy thông tin, chẩn đoán, hẹn hôm sau sẽ gởi thuốc lên… Vậy là con số bịnh nhân tâm thần mình quản lý ở khu vực này lên tới con số 28, và chắc chắn sẽ không dừng ở con số đó.

11g30 ăn cơm trưa chung cùng với cha T và thầy S.

12g lên đường về lại Iato, chặng đường 20km đã trở nên ngắn hơn vì những suy nghĩ miên man: nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân vẫn còn rất lớn, còn biết bao người bệnh ở vùng này mà mình chưa tiếp cận được…

Hôm nay thật vui vì thấy mình vẫn còn có ích cho nhiều người

Thứ Hai, ngày 29/6/06

Đi dự lễ gx Hneng. Xe khởi hành từ 6g sáng tại Iato, phái đoàn gồm có cha xứ, mình và 12 bạn giáo lý viên giáo họ Kmong và Krung. Xe 16 chỗ, đi được vài cây số thì trời đổ mưa…

Mùa mưa năm nay đến thật muộn. Ông trời sao cũng khá oái ăm, chờ đến khi người nông dân ngắc ngoải, dốc cạn túi tiền để

mua dầu chạy máy bơm tưới rẫy cà phê, bao nhiêu giếng nước khô cạn, cây cối héo rủ thì mới ban phát cho những giọt nước cam lồ.

Mùa mưa đến, đất trời như dịu dàng hẳn. Ông mặt trời chẳng buồn dậy sớm, cả ngày chỉ thỉnh thoảng trở mình hé mây nhìn xuống nhân gian một lát rồi lại quay lưng ngủ tiếp.

Mùa mưa, những con đường làng đến nhà BN cũng trở nên trơn trượt, đỏng đảnh, tay lái không vững là sẽ được chụp ếch như chơi…

Dù sao thì mưa hay nắng cũng đều là hồng ân Chúa ban, còn con người và vạn vật đều cần cả mưa lẫn nắng. Chỉ mong sao mưa nắng thuận hòa, vạn vật tốt tươi, con người biết nhận ra những ân ban của Thiên Chúa… Nếu thời tiết có không thuận hòa thì hãy xin cho con người có thêm nhiều ý chí để vượt qua những khó khăn ấy.

Thứ Năm, ngày 9.7.26

8g sáng, cha xứ Trung cử hành thánh lễ thật trang trọng cho 100 em thiếu nhi giáo xứ Iato, lần đầu tiên được lãnh nhận bí tích Mình Máu Thánh Chúa. Các em ở các giáo họ và các làng thuộc giáo xứ: giáo họ Phero, làng Kmong, Làng Krung, Dechi, Tel,



Delung, Thị Tứ. Có những em nhà cách xa đến tận 20 km.

Cha xứ Iato trong tháng vừa qua đã tự đảm nhiệm nhiều công việc cùng lúc: vừa là cha xứ vừa là giáo lý viên, là người đi chợ nấu ăn, tập hát, chưng hoa nhà thờ… (đương nhiên cũng có sự cộng tác của vài giáo dân nhiệt thành. Trẻ con thì hiếu động, quậy phá làm trong tháng vừa qua cha xứ phải hò hét la mắng đến khản cả cổ, phải uống thuốc đến 2 tuần liền mới tạm ổn. Các em ngỗ nghịch cá biệt mà các giáo lý viên phải bó tay thì nay chính nhờ lòng nhiệt thành của cha xứ



cũng đã trở nên ngoan ngoãn, vâng lời. Nhìn các em tham dự thánh lễ, thưa kinh, hát lễ sốt sắng rập ràng… nhiều người đã rất thán phục.

Tạ ơn Chúa đã cho chúng con một người mục tử nhân lành. Xin Chúa thương tiếp tục ban nhiều ơn lành hồn xác cho cha và cho tất cả mọi người.

CN 12/7/26

Đi khám bệnh và phát thuốc ở làng Sesan và Mitjep.

5 giờ sáng khởi hành từ Iato, mình đi cùng với 1 em sinh viên người dân tộc Rơ ngao, tên là A Đấp. Hai người, mỗi người đi 1 xe máy chở theo một thùng thuốc to đùng phía sau.

Vì là mùa mưa nên cho dù đã 5 giờ sáng mà trời vẫn còn tối mịt. Nón bảo hiểm có kính che nhưng phải mở kính thì mới thấy đường đi được, kết quả là những giọt mưa to quất vào mặt rát bỏng.

Qua khỏi 7 ngọn đồi, lên dốc và xuống dốc, cuối cùng 6g15 đã đến được giáo điểm Sesan 4. Chặng đường hơn 32 km nhưng có khá nhiều đoạn quanh co uốn lượn.

6g30 bắt đầu khám bệnh và phát thuốc cho bà con Sesan, được khoảng hơn hai mươi bệnh thì tạm xong phần của giáo điểm Sesan 4. Tiếp tục khởi hành đi làng Mitjep cách đó khoảng 5 km về phía đông. Tiếp tục khám và phát thuốc, những căn bệnh quen thuộc: cao huyết áp, viêm dạ dày, nấm da, viêm khớp các kiểu…

8g45, tạm ngưng phát thuốc vì đã đến giờ lễ, cùng vào dâng lễ với bà con, thánh lễ bằng tiếng jrai sau 3 tháng đã nghe đi nghe lại nhiều lần mà tới hôm nay vẫn còn lạ lẫm… Xin hiệp ý cầu nguyện cùng bà con được đức tin kiên vững bền bỉ cùng tháng năm.

9g30 tiếp tục phát thuốc cho đến người cuối cùng. 12g05 kết thúc, nhìn lại con số thoáng giật mình: 110 bịnh nhân trong 1 buổi sáng, một kỷ lục của 30 năm làm nghề y. Số bịnh nhân mắc bệnh cao huyết áp là 26/110 bịnh nhân. Chiếm tỷ lệ: 23,6%, còn nếu tính theo độ tuổi trên 50 thì con số phải đến trên 85%. Lại thêm một bài toán hóc búa phải làm: giáo dục sức khỏe cho người bị Cao huyết áp…

Chúa ơi, phần việc của con hôm nay đã xong rồi. Con xin phó thác các bịnh nhân hôm nay trong bàn tay quan phòng của Chúa. Ngày mai sẽ có việc của ngày mai…

THÔ MỘC XÙ XÌ

ĐOÀN XUÂN HÙNG









LÊ HỒNG BẢO SB72

Ta tìm ta

Ta tìm ta từ vụn vằn xưa cũ
Nẻo phong rêu lạ lẫm bóng lẫn hình
Thử ướm mình vào chân dung xa lắc
Xoay đi xoay lại cứ rộng rinh

Ta tìm ta bên hồ ngồi soi bóng
Chớm râu ria cứ tưởng đã phong trần
Tiếng còi tàu vọng bên đời thắc thỏm
Sân ga buồn lên xuống mãi... lần khân!

Ta tìm ta trong vòng quay Được – Mất
Đã lắm phen vùng vẫy giữa xương rồng
Nắng nướng thịt da - mưa quăng rát mặt
Mím môi cười: - Vẫn chưa phải bão giông!

Ta tìm ta giữa vô hồi kỳ trận
Quên máu xương từ các bậc sinh thành
Thí mạng cùi cho vạn điều lẩn thẩn
Biết bao giờ đời hết lũ gian manh?

Ta tìm ta trên chông gai sỏi đá
Một gã điên cứ chân đất đầu trần
Mặc nhân gian buông lời nhục mạ
Mải mê đời gạn đục khơi trong

Ta bây giờ xa lạ với ta xưa
Chẳng cần trốn, ta tìm ta cũng đuối
Có những lúc quên ta từng trẻ tuổi
Ta trách ta rấm rứt đến bây giờ...

BÃO LỤT

NGUYỄN LỤC KHOA SB67

"Văn chương phú lục chẳng hay
Trở về làng cũ học cày cho xong"

Năm 1975, tôi trở lại quê nhà sau nhiều năm phiêu bạt, chấp nhận làm nghề nông để kiếm sống.

Từ xưa đến nay nghề nông chịu nhiều thiệt thòi, luôn xếp thứ bậc sau cùng trong xã hội "nhứt sĩ nhì nông", nhưng ít ai hiểu được rằng:

"Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần."

Bởi sự gian khổ của người nông dân không chỉ là khái niệm chung chung về "chân lấm tay bùn", mà là một chuỗi dài các thử thách

khắc nghiệt, dai dẳng, gắn liền với hơi thở của từng mùa vụ, từng tấc đất.

Gian khổ của nhà nông được đo bằng mồ hôi và sự hao mòn cơ thể qua từng năm tháng. Khi nhân sự mọi ngành nghề khác còn say nồng trong giấc ngủ, thì người nông dân đã phải dầm mình trong cái lạnh mùa đông cắt da cắt thịt để cày, bừa, cấy nốt thửa ruộng đồng Chiêm, hay phải chịu đựng cái nắng như thiêu như đốt giữa chảo lửa trưa hè, để rồi kho tàng ca dao tục ngữ đã phải thốt lên:

"Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót những mưa ruộng cày."

Hãy nhìn đôi bàn tay, đôi bàn chân chai sần của họ, khi đông về nứt toác vì lạnh, hè đến khô ráp phèn "ăn" loang lổ. Hầu hết các khâu quan trọng: cày, cấy lúa, nhổ mạ, bón phân, làm cỏ, gặt hái... đều phải thực hiện trong tư thế cúi gập lưng, những tư thế này ép trọng lượng cơ thể lên toàn bộ xương sống và đầu gối. Cả ngày làm việc, khi đứng thẳng dậy, họ cảm thấy cột sống như bị kéo căng, đầu gối kêu răng rắc. Sự mệt mỏi kéo dài từ năm này qua năm khác là nguyên nhân chính gây ra bệnh lý về xương khớp khi tuổi về chiều.

Sự đánh đổi thể chất không chỉ có thế, họ phải tiếp xúc với thuốc trừ sâu độc hại, phân bón, mùi bùn đất tanh nồng, hít thở những mùi vị này hàng ngày là cái giá phải trả cho sức khỏe lâu dài.

Nghề nông không có khái niệm ngày nghỉ phép, bởi "nông vụ tấn thời", khi đã vào mùa, họ phải làm việc cật lực không kể ngày đêm, để tranh thủ thời tiết, tránh được sâu bệnh phá hoại. Họ làm việc trong sự căng thẳng liên tục, vừa làm vừa ngước mặt nhìn trời, vừa nghe ngóng tin tức sâu bệnh từ hàng xóm.

> *"Trông trời trông đất trông mây*
> *Trông mưa trông nắng trông ngày trông đêm.*
> *Trông cho chân cứng đá mềm*
> *Trời yên biển lặng, mới yên tấm lòng…"*

Sự nhọc nhằn không dừng lại ở gánh nặng về thể chất, mà còn là gánh nặng mưu sinh. Mỗi vụ mùa là một lần đánh bạc với thiên nhiên với sự rủi may, tất cả vốn liếng, giống, phân bón, thuốc trừ sâu, công cán được chôn vùi xuống đất với hy vọng một mùa bội thu…

Thế nhưng… trong vô vàn gian khổ mà người nông dân phải gánh chịu, Bão Lụt mới

chính là nỗi ám ảnh lớn nhứt, vượt xa mọi nhọc nhằn lao động thường ngày. Nếu sự vất vả hàng ngày là cuộc chiến dai dẳng với đất đai, thì bão lụt là một trận chiến sinh tử không cân sức. Nó mang tính đột ngột, hủy diệt toàn bộ, không thể kiểm soát được.

Khác với hạn hán, sâu rầy, có thể cứu vãn hoặc làm giảm thiểu thiệt hại, thì một trận lụt lớn có thể xóa sổ tất cả chỉ trong vài giờ. Mùa màng đang chờ thu hoạch, vuông tôm, bè cá, gia súc gia cầm, công cụ, nhà cửa, chỉ trong thoáng chốc bị dòng nước lũ cuốn trôi. Không những thế bão lụt còn đe dọa trực tiếp đến tính mạng người nông dân và gia đình họ. Lũ quét, sạt lở đất, nước lụt dâng cao về ban đêm là nỗi kinh hoàng. Khi nước lụt dâng cao, tiếng gió gào thét, tiếng nước chảy xiết, tâm lý họ hỗn loạn, lạnh lẽo cô đơn. Nếu ai đó đã từng đứng trên mái nhà hay một nơi cao, nhìn dòng nước cuồn cuộn cuốn trôi đi những gì mình đã vất vả tạo dựng, mới cảm thông được nỗi thống khổ, bi thương của nạn nhân bão lụt. Một sự đau đớn đến tê liệt không thể khóc thành lời.

Sinh ra từ gốc rạ, hơn bảy mươi năm gắn bó với mảnh vườn, thửa ruộng vuông tôm, ký ức đong đầy mỗi năm một mùa bão lụt, nước dâng. Những năm thiếu thời nước lụt

tràn đồng là dịp để lũ trẻ chúng tôi dầm mình bắt những xâu cá rô đồng lên gò đẻ trứng, đuổi lũ chuột đồng trèo ngọn cây trốn nước, hay lùa trâu bì bõm giữa biển nước mênh mông.

Thời gian trôi đi…

Bão lụt ngày càng nguy hiểm, sự cuồng nộ của thiên nhiên vượt sức chịu đựng của con người. Năm 2003, vuông tôm của tôi vào vụ hơn 4 tháng, chỉ chờ ngày thu hoạch, đầu tháng 11 mưa liên tục trong nhiều ngày, bão ập đến, triều cường, trong lúc ngàn cân treo sợi tóc, hồ nông trường công ty bông Thành Sơn trên thượng nguồn vỡ bờ, phía hạ lưu chìm trong biển nước. Tôi vơ vội miếng xốp bơi thoát dòng nước dữ… mọi công sức cuốn trôi theo dòng nước. Về đến nhà, nước ngập lênh láng, vợ con bập bênh trên ván ngựa, bức di ảnh của đứa con trai duy nhất chết chưa tròn tháng, nửa chìm nửa nổi trông đau xót. Năm 2010 vào cuối tháng 10, bão lụt một lần nữa khoét sâu nỗi đau của người dân Ninh Thuận trong đó có tôi. Những tưởng trong đời người chỉ chứng kiến từng đó đau thương mất mát vì bão lụt, thì những ngày qua (từ ngày 16-20 tháng 11, 2025) cơn lụt lịch sử nữa lại hằn lên những vết thương lòng chưa liền sẹo. Con gái có chồng Phú Yên gọi về "Nước vô nhà

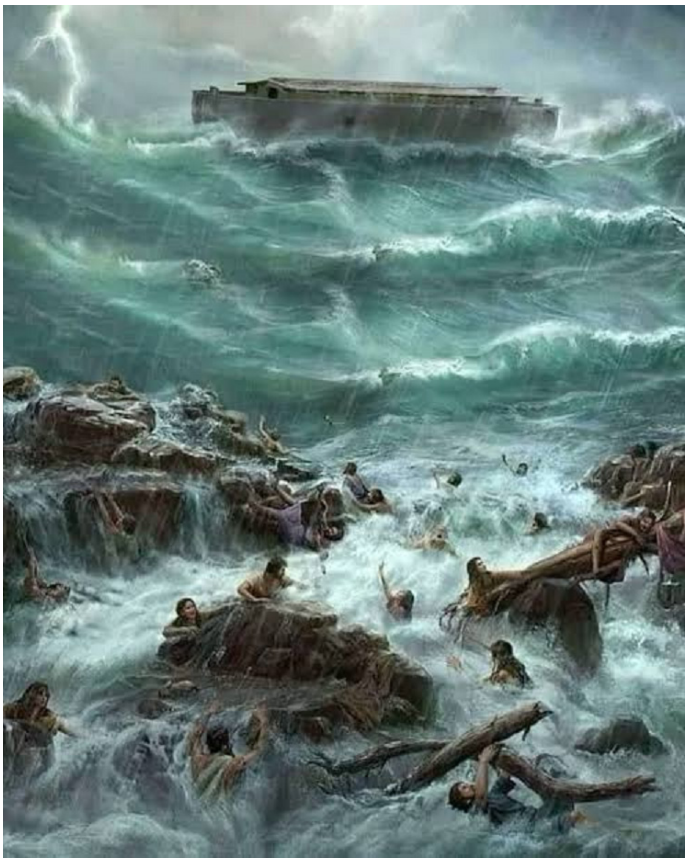

Bức tranh về trận đại hồng thủy thời Noah theo Sáng thế ký. Hình: Tư liệu

bên chồng nửa mét rồi cha...” “Chỗ con nước dâng cao nhanh quá…” đứa con gái nữa gọi về từ Bình Cang, vùng phía tây Nha Trang… “Chỗ con nước đang tràn vào nhà” đứa con gái khác đang ở Ninh Hòa…

Tôi đứng lặng yên giữa biển trời mênh mông, dòng nước bạc đang bao quanh nhà, đôi mắt ràn rụa khóc không thành lời. Nỗi đau của người nông dân già đã chạm đến giới hạn, tuyệt vọng đóng băng trong lồng ngực không còn lối thoát. Chiếc lá vàng cuối cùng run rẩy trên dòng nước lũ đang cuồn cuộn chảy xiết…

GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG CÔNG GIÁO
Tiểu chủng viện Thánh Giuse, Sài Gòn

LBT: *Bài viết của cựu chủng sinh TCV Giuse Sài Gòn Huỳnh Văn Lang về đời tu của ông khi dang dở thần II. Lớp của ông có 3 Giám mục và 5 Linh mục. Thiệt là một lớp sáng giá…*

Tiểu chủng viện Thánh Giuse, ở số 6 đường Luro thời thuộc Pháp, đổi tên thành Cường Để thời Đệ nhứt Cộng hòa (1955–1963), sau năm 1975 đổi ra Tôn Đức Thắng. Đây là một khu đất thật rộng, bề bề có đường lớn, phía sau giáp trường Ecole Normale (Sư phạm của Pháp cho đến 1954). Trên khu đất có 3 kiến trúc lớn, 2 cái lớn 4 từng và 1 cái to lớn không kém nhưng rất cũ kỹ đồ sộ nặng nề như một pháo đài, do chính nhân sĩ Nguyễn Trường Tộ xây cất từ cuối thế kỷ thứ 19. Lớp 8 và lớp 7 chiếm cứ ngôi nhà này, tòa nhà chỉ có 3 từng, từng trên hết



Đại chủng viện thánh Giuse, Sài Gòn. Hình: Tư liệu

là phòng ngủ chung cho 2 lớp, từng giữa cho các cha giáo sư, từng dưới làm Văn phòng và các lớp học. Có trên 30 học sinh từ các họ đạo của giáo phận Sài Gòn trong đó có hai anh bà con xa gần với tôi: anh Nguyễn Kim Điền, gốc người Bãi Xan bên ngoại tôi, gia đình đã dời về Gia Định từ nhiều năm trước và anh Nguyễn Văn Nam, gốc người Cù Lao Dài bên bà nội tôi, gia đình dời về Thị Nghè.[1]

Từ lớp 8 cho đến hết lớp Rhétorique hay là lớp 11, chúng tôi chỉ chú trọng học cho xong chương trình trung học Pháp để thi tú tài một. Khi xong chương trình trung học, thì đến lúc phải xác định sự chọn lựa dứt khoát con đường làm linh mục của mình với sự quyết định của hội đồng các cha. Nếu các

cha cho mình không xứng đáng đi tới được thì mình phải rút lui, có nghĩa là phải về lập gia đình, đi làm ruộng, đi làm ăn ngoài đời. Nếu hội đồng các cha thấy mình xứng đáng có khả năng đi tới, thì sẽ được vào Đại chủng viện để học 2 năm triết. Thường khi sau 2 năm triết thì phải đi một năm thử thách (probation) ngoài đời, trong một họ đạo Công giáo (CG) nào đó, dưới sự kiểm soát hay dìu dắt của cha sở ở đó. Cũng có trường hợp như của tôi, thì lại phải đi làm probation trước khi học triết. Nếu mọi sự tốt đẹp, nghĩa là có khả năng gìn giữ 3 cái đức thiết yếu của một linh mục phải có: a) đức Khó khăn (pauvreté), b) đức Trinh sạch (chasteté), và c) đức Vâng lời (obéissance). Đó cũng là 3 lời khấn hứa của linh mục khi được thụ phong.

[…] Cuối năm 1933, tòa thánh La Mã chọn cha Nguyễn Bá Tòng, đang là cha sở họ đạo Tân Định, sau khi làm cha phó họ đạo Bãi Xan (1905–1915), lên làm giám mục người Việt đầu tiên. Cha Tòng cũng là cha đỡ đầu của ông nội tôi, khi ông nội tôi trở lại đạo CG năm 1914/15. Thật là một danh dự cho giáo hội VN nói chung và riêng cho gia đình chúng tôi. Ông nội tôi không lên Sài Gòn được, nhưng có gửi cho tôi mang

100 đồng bạc đến giúp vào hành trình của cha Nguyễn Bá Tòng đi Roma để được Đức giáo hoàng Pie IX tấn phong.37 37 Từ khi được tấn phong giám mục, gia đình chúng tôi không còn liên lạc được với đức cha Tòng nữa, vì ngài đã nhận lãnh trách nhiệm cai quản địa phận Phát Diệm ngoài Bắc cho đến chết. Tuy nhiên vì chỗ thân tình mà năm 1995 và 2001, hai lần về VN, tôi đã cố gắng đi viếng nhà thờ Phát Diệm và hai lần tôi đã quỳ gối đọc kinh trước mộ Đức cha, để tưởng nhớ đến người xưa, vì ngoài làm cha đỡ đầu (God father) cho ông nội tôi, Đức cha còn là linh mục làm phép hôn phối cho cha má tôi năm 1910 ở Bãi Xan.

Giữa năm 1940, khởi sự niên học trung học sau hết ở Tiểu chủng viện, những sinh viên ưu tú thì qua trường Taberd ghi danh để thi tú tài I, ngày ngày phải cuốc bộ đi lấy 2 cua Toán và Pháp Văn, các môn khác thì vẫn theo học với các cha Tây bên Tiểu chủng viện như trước.[2]

Cuối niên học Rhétorique sau hết này (1940–41), má tôi được tin vui là tôi được prix d'excellence, không ai ngờ được và tôi quyết định xin vào Đại chủng viện để học triết 2 năm, trước khi học thần học và nghi lễ 3 năm, để rồi được thụ phong linh mục.

Probation Tuy nhiên tôi không còn nhớ rõ tại sao tôi còn phải đi probation (thử thách) một năm trước khi khởi sự học triết. Khi gửi đi làm probation, giữa năm 1941 chúng tôi được mặc áo dòng đen không khác gì các linh mục. Và tôi được gửi đi giúp họ đạo Vĩnh Long, lúc đó cha sở là cha Nguyễn Văn Linh, gốc gác người họ đạo Giồng Rùm (Vĩnh Kim) Cầu Ngang. Cha Linh có một trường tiểu học sau nhà thờ, do các Xơ Cái Mơn quản lý dạy chữ và dạy đạo. Như thế con đường tôi chọn cũng là con đường má tôi ao ước bấy lâu nay. Nhưng mỉa mai, chính cái prix d'excellence, bằng chứng tôi thông minh, mà lại cũng là nguyên do đưa tôi hoàn toàn thất bại trên con đường làm linh mục, như sẽ thấy sau!

[…] Phần cá nhân tôi, khi mặc chiếc áo dòng đen về nhà, trước khi đi làm probation là thấy má tôi vui ra mặt, má tôi đinh ninh là tôi sẽ thành công đi đến ngày thụ phong linh mục, tức là thỏa mãn tham vọng của một người mẹ CG muốn có một người con dâng cho Chúa để làm việc tông đồ cho Giáo hội. Một năm thử thách (probation) của tôi – một thí sinh mới vào đại chủng viện St Joseph Sài Gòn – ở họ đạo Vĩnh Long có năm ba chuyện còn nhớ đến bây giờ. Đầu tiên là dạy đạo cho mươi trẻ em 8, 9 tuổi, trong đó

có cô bé tên là Céline Lê Thị Bạch Ngọc và cô em tên là Marie, cháu nội của đốc phủ Lê Văn Nuôi, người giàu có nhứt nhì ở Vĩnh Long. Không ngờ hai cô này là con của thầy năm Lê Trạch Gioang, mà bà Gioang là chị của cha Lễ, một bệnh nhân của bệnh viện Bến Tre cũng như tôi, nên cũng là người quen biết, cho nên nhờ đó mà chẳng bao lâu tôi trở thành bạn thân với gia đình ông đốc phủ Nuôi, cũng là ông nội của Lê Phát Đạt, sau là nhân viên của Viện hối đoái (VHĐ) của tôi.

[…] Nói về thử thách thì tôi có thử thách tình cảm thật, như kể ra sau đây. Hai tháng trước khi năm thử thách kết thúc, tức là khoảng tháng 5 và tháng 6, năm 1942. Cha Q., cha sở họ đạo An Hiệp, Vĩnh Long (quê hương của ông Trần Văn Hữu, thủ tướng của Bảo Đại năm 1950), xin với cha sở Vĩnh Long cho tôi đi An Hiệp giúp cha 6 tuần, để dạy đạo, đúng hơn là giúp mười mấy thiếu niên thiếu nữ 10, 11, 12 tuổi học đạo để rước lễ vỡ lòng (Première communion) và dạy chữ cho trẻ con học hè vài tháng. Và tôi chỉ trông vậy thôi, vì đúng như tham vọng của tôi khi xin đi tu làm linh mục là để đi dạy đạo và nhứt là dạy chữ cho trẻ con trong một làng nhà quê nào đó, mà An Hiệp đúng

là một làng nhà quê cách Thị xã Vĩnh Long mười mấy cây số ngàn, mường tựa như làng Nhị Long, Trà Vinh, quê hương của tôi. Thế là một sáng đầu mùa hè 1942, tôi xách va li đón xe ngựa đi An Hiệp. Đến nơi đã có cha sở già lụm khụm đứng đón ngoài cửa nhà cha sở. Sẽ ăn ở với cha sở và đi dạy trong nhà thờ kế bên, buổi sáng sẽ dạy Sách phần giúp cho mươi em trai gái xưng tội và rước lễ vỡ lòng và buổi chiều dạy chữ cho các em trong họ muốn học thêm. Chuyện dạy trẻ em CG dọn mình rước lễ vỡ lòng, không có gì đáng nói vì tôi đã dạy cả 2 khóa cho hai lớp con em họ đạo Vĩnh Long trong 8 tháng vừa qua. Nhưng chuyện dạy chữ cho trẻ em học hè mới có chuyện đáng nói. Đây không phải là một lớp mà là 5 lớp, từ lớp ba tiểu học đến lớp 6, lớp 5 trung học, nhưng mỗi lớp chỉ le hoe hai ba em, có lớp chỉ 1 em. Lớp học đạo có 14 em, phân nửa trai, phân nửa gái, trên dưới 10 tuổi, nhỏ nhứt 9 tuổi, lớn nhứt 12 tuổi. Đầu tiên tôi rà lại sự hiểu biết tín điều của các em đến trình độ nào, vì các em cũng đã học ít nhiều với cha sở từ hai ba năm rồi, kế đến tôi nói về luật Chúa và luật Giáo hội, sau hết là các thánh bí tích, đặc biệt trong trường hợp các em là thánh lễ Misa và phần rước lễ mình thánh Chúa. Chương trình học

đạo này là 5 tuần, mỗi tuần 6 ngày, mỗi ngày 2 giờ, buổi sáng từ 9 giờ sau lễ Misa đến 11 giờ trưa. Chương trình học chữ thì tôi sẽ dạy trong 2 tháng, buổi chiều từ 3 giờ đến 5 giờ, cũng như chương trình dạy đạo mỗi tuần 6 ngày. Ngày Chúa nhựt, như cha sở định tôi nên đi thăm các gia đình có đạo và không có đạo trong làng. Lớp dạy chữ, gọi là lớp thì không đúng vì chỉ có 14, 15 đứa học sinh mà trình độ cao thấp lại quá cách biệt nhau, thành ra tôi phải dạy gần như từ em một. Cái khó nhứt cho tôi là có 2 ba em mới 7, 8 tuổi còn học lớp ba, còn phải tập viết, làm toán cộng hai ba số... lại có hai ba cô đã học lớp 5, lớp 6 trung học ở trường tỉnh, chiều về hay ngày nghỉ ở nhà muốn đến hỏi bài học thêm. Các cô này là thiếu nữ 15, 16 đã trổ mã. Đây mới là vấn đề cho một ông giáo mới đi tu chưa tới 20 tuổi đầu. Một tuần sau một biến cố xảy đến thình lình đặt ông thầy tu là tôi đây vào một tình huống quá khó khăn: sau 4 tuần lễ dạy chữ dạy đạo, tôi cho là thành công nên rất hứng khởi, giữa thầy trò và cha mẹ các em cũng như với cha sở, sự giao tế luôn luôn tốt đẹp, ai ai cũng mến cũng thương. Rồi một sáng nọ cha sở ngủ không dậy được, cha đã trên 70, già yếu bệnh hoạn mà lần này xem trầm trọng hơn.

Thế là tôi phải gọi ông Th. là ông Câu (một chức sắc họ đạo như ông Chủ trong làng, ông Trùm thì như ông Cả) nhà thờ đi kêu xe location chở cha đi bệnh viện Vĩnh Long ngay. Khi đưa cha ra xe, cha thều thào trối lại cho tôi năm ba câu: thầy lo cho các em và Chúa nhựt tới giảng thay cho tôi... Thế là đang lúc chờ đợi có một linh mục đến thay thế, tôi ở lại một mình coi cả một họ đạo hơn một trăm gia đình, trách nhiệm quá sức tôi, nhưng không lẽ trong tình thế này tôi "đào ngũ", nên tôi phải chấp nhận sự thử thách này cho kỳ được. Tôi còn nhớ rõ đó là một ngày thứ 6, còn hai ngày nữa là Chúa nhựt. Tôi cho mời ông Câu tới bàn chuyện:

Cha sở bệnh đi nhà thương, giao cho tôi trông nom nhà thờ, tôi không rửa tội, ngồi tòa, làm lễ Misa... được, nhưng Chúa nhựt tôi giảng được. Ông cho giựt chuông, bổn đạo đến xem lễ như thường, không lễ thì cứ đọc kinh lần hột. Tôi sẽ đọc phúc âm và giải thích, cũng như là giảng vậy. Còn các em đi học đạo dọn mình rước lễ lần đầu, chiều học chữ cũng như thường, không gì thay đổi cả... Chuyện đi thăm bổn đạo ngày Chúa nhựt, tôi bắt chước cha sở, cũng sẽ đi thăm các gia đình cần đi thăm đi viếng. Và tôi xin ông Câu đi với tôi! Tất cả đều xảy ra

một cách rất tốt đẹp như dự định, chỉ trừ một chi tiết "ông Câu đi với tôi" đã đưa tôi đến một trắc nghiệm tình cảm cũng là thử thách quá ư nguy hiểm éo le, thiếu chút nữa tôi phải cởi áo thầy tu trong mùa hè năm đó rồi. Vốn ngày Chúa nhựt hôm đó, sau đọc kinh nghe tôi giảng xong, ông Câu dẫn tôi đi thăm mấy gia đình mới vô đạo, nhà họ ở dài theo đường làng, gần nhà thủ tướng Trần Văn Hữu, nghĩa là gần mút đường, xa nhà thờ gần 2 cây số ngàn. Khi trở về, ông Câu mời tôi ghé nhà ông để uống nước và dùng cơm trưa, bà Câu đã dọn sẵn. Lúc đó cũng đã hơn 1 giờ trưa, trời nóng nực, tôi chỉ cần một tách nước lạnh sau 2 tiếng đồng hồ đi đây đó. Nhưng khi vào nhà ông Câu thì đã thấy có cô con gái đang chặt một trái dừa xiêm, có bà mẹ bưng thau nước cho ông thầy rửa mặt... tiếp rước thật quá thân thương! Té ra cô gái chặt dừa, để rồi bưng ly nước dừa ra trao tận tay tôi là cô Huyên, học trò tôi đã mấy lần đến hỏi toán những chiều ngày thứ năm trong mấy tuần vừa qua! Tôi vẫn bình tĩnh trông thưởng thức ly nước dừa xiêm quá ngon ngọt, quá đã khát, nhưng tôi nhận thấy có cái gì hoàn toàn không tự nhiên của cô Huyên, cô đưa ly nước dừa cho tôi tay lại hơi run run, mắt không dám nhìn thẳng vào

mặt tôi và chỉ nói "thầy L.", không thưa gửi, mời mộc gì hết, rồi vội quay đi quá nhanh, tôi chưa kịp hỏi thăm cô một tiếng. Khi ngồi vào bàn ăn, cô và bà Câu bưng ra nào là cháo gà, gà xé phay, cá rô chiên, cá trê nướng, có cả thịt heo kho với một thố cơm trắng, toàn là những món ăn trong gia đình tôi ở Long Thuận hay nấu nướng vì chúng tôi ưa thích và vật liệu thì luôn luôn dồi dào. (Nhưng từ khi cha tôi chết là giữa năm 1938 trên bàn cơm gia đình tôi không còn sung túc như trước nữa). Tôi mời ông bà với cô con cùng ngồi ăn cơm với, nhưng chỉ có ông Câu ngồi bàn với tôi, bà vợ và cô con gái xin đứng hầu bàn. Tôi ăn cơm trưa hôm đó thật ngon lành, nhưng không khỏi để ý đến cô Huyên, cô không giúp mẹ chỉ đứng len lén nhìn tôi, có lúc làm tôi lúng túng và dở dang khi hỏi chuyện gia đình và làm ăn của ông Câu. Ông là một nhà trung nông, có 3 bốn chục mẫu ruộng và nửa mẫu vườn cây ăn trái, và chỉ có một con gái, năm nay đúng 16 tuổi, đang đi học trung học lớp 5 trường Phan Thanh Giản, Vĩnh Long, trưa tối ở nhà bà con trên tỉnh lỵ, thứ năm nghỉ và cuối tuần về nhà. Và bây giờ là trung tuần tháng 6, đã nghỉ hè, cô ở nhà giúp mẹ cha việc nhà cửa và vườn tược, chiều đi học thêm được cái gì

hay cái nấy. Tôi nhận thấy đây là một gia đình không giàu có lắm, nhưng phải kể là rất khá giả. Nhà lợp ngói âm dương, nền lót gạch tàu đỏ, chung quanh là nửa mẫu vườn cây ăn trái, có dừa xiêm, chuối xiêm, có vú sữa, măng cầu ta (na), ổi xá ly, xa cô chê... Nhà có chuồng heo, chuồng gà... Điều làm tôi lưu ý và mến nhứt là bầu không khí gia đình rất đầm ấm, rất yên tĩnh, không nhộn nhịp như gia đình tôi ở Long Thuận và còn có phần thân thương hơn. Có thể vì ít người hơn, vì không giàu có hơn. Nhưng chung qui rất thu hút hơn nhiều, làm tôi thèm muốn cái thế giới này quá và tôi để ý đến cô con gái này ngay, nhưng chưa chắc gì ai để ý hơn ai. Sau hết tôi phải xin kiếu chủ nhà, vì tôi tự thấy mình bỗng dưng sanh ra lúng ta lúng túng khi uống nước trà để chấm dứt bữa cơm trưa vừa ngon lành vừa thân mật, có khi quá thân mật là khác! Tôi vội bước ra đường, khi ra khỏi cổng nhà thì cô Huyên xách nón chạy theo: Để em đưa thầy về! Tôi vừa lo ngại vừa thích thú, vì nếu để cô đưa tôi đi về ngay trước cửa mấy chục nhà bổn đạo, làm gì không có người trong nhà nhìn ra và làm gì không có người nói đi nói lại và dị nghị. Tôi phải ý thức điều đó! Hơn nữa cô Huyên không còn là một cô gái nhà quê,

mà là một cô gái thị thành, ra đến bên tôi cô không ngần ngại gì hết, cứ tự nhiên nắm lấy tay tôi. Tôi vô tình hay hữu ý để vậy, không phản đối rút tay lại, vẫn để tay cô nắm tay tôi. Không nói năng gì, thầy trò chậm rãi đi về nhà cha sở. Nhưng đến trước cửa thì tôi phải nói: Em về đi, mau! Chừng ấy cô Huyên mới chịu buông tay tôi ra, vừa nói: Em thương thầy, em thương thầy! Thầy biết em thương thầy... Cô Huyên vội quay mặt đi ra về, nhưng tôi đã bắt gặp mặt cô ửng đỏ lên, mặt cô long lanh, môi cô run run... Chắc cô phải cố gắng lắm mới nói được mấy lời đó! Có phải là yêu thật không? Tôi tự hỏi. Trưa hôm đó về phòng, tôi lên giường muốn nghỉ trưa một chút, trước khi vào nhà thờ để đọc kinh chiều với bổn đạo có thói quen đến chầu Thánh thể lúc 4 giờ chiều. Tôi không ngủ được, thấy lòng tôi bất an... Đến khi nghe tiếng chuông nhà thờ, tôi rửa mặt sơ sài, lên nhà thờ và bắt đầu đọc kinh, tôi đứng lên, xin bổn đạo đọc kinh cầu cho cha sở mau bình phục, v.v. Nhưng tôi vẫn bối rối, nhìn các bàn ghế có ý tìm cô Huyên, có mặt hay không? Thấy hai ông bà Câu quỳ trong những hàng ghế đầu, nhưng vắng bóng cô Huyên, tôi thấy như thiếu cái gì? Sau buổi kinh chiều, tôi đón ông bà Câu lại,

có ý muốn hỏi tại sao con ông bà không đến đọc kinh chiều ngày Chúa nhựt như mấy tuần trước, nhưng lại thôi không hỏi mà lại nói qua chuyện khác: Sáng mai, ông Câu với tôi đi Vĩnh Long thăm cha sở nghe! Cả đêm hôm đó, tôi trằn trọc gần tới sáng. Tôi cố gắng hết sức để quên cô Huyên đi, mà càng cố gắng càng nhớ cô Huyên hơn! Cô Huyên là một cô gái không quê mùa nữa, trường trung học tỉnh đã thị thành hóa cô rõ ràng, cô rất hồn nhiên làm tôi sợ. Cô không trắng trẻo đẹp đẽ sắc sảo lắm, cô vẫn còn là một cô thôn nữ phần nào, nước da ngâm ngâm, người cao ráo, đi đứng khá khoan thai, đôi môi cô rất tươi rất vui, đôi mắt cô vừa to lớn vừa sâu, thu hút hết sức... Chính đôi mắt đó, tôi còn thấy tha thiết nhìn tôi trong đêm tối và làm tôi rạo rực cả đêm! Tôi yêu cô rồi à? Tôi cố chống trả và nói đi nói lại: Không lẽ vừa mặc áo dòng mới mấy tháng, rồi lại cởi bỏ liền để đáp lại một mối tình thật chơn thành và trọn vẹn như vậy à? Tôi cảm thấy khốn khổ vì phân vân, không biết chọn ngã nào bây giờ? Nhưng rồi chuông nhà thờ đổ đúng 5 giờ sáng để đánh thức bổn đạo dự bị đi xem lễ sáng. Tôi uể oải thức dậy, đi rửa mặt, vội vã lên nhà thờ, thì đã có ông Câu và bà vợ quỳ hàng ghế đầu, từ bao giờ? Đọc

kinh xong, tôi mời ông bà Câu xuống nhà xứ ăn sáng để rồi còn phải kêu xe ngựa đi Vĩnh Long, càng sớm càng tốt, để tránh nắng. Thế là chúng tôi kêu xe ngựa, tôi và ông Câu lên xe, bà Câu ở lại! Nhưng tôi không biết từ đâu, chắc chắn là từ tiềm thức tôi nhắn bà Câu: Nói cô Huyên đừng bỏ học nghe! Tôi nói xong là mới thấy mình ngớ ngẩn với mẹ con người ta! Nhưng đã trễ rồi! Trên xe, hai người chúng tôi như thể đồng tình, không nói chuyện với nhau như trước đó mươi phút! Đến bệnh viện thăm cha sở thì được tin vui, vì cha không có đau gì nặng lắm, chỉ đêm đó cha bị cảm cúm nhẹ thôi, nhưng vì lớn tuổi mà làm việc quá sức, cha cần nằm dưỡng bệnh, tẩm bổ mươi ngày là đâu sẽ vào đó. Như thế thì cha sẽ trở về An Hiệp thứ ba hay thứ tư tuần tới. Cha hơi lo về công việc dạy trẻ em rước lễ vỡ lòng của tôi tiến triển thế nào, vì cha đã định ngày Chúa nhựt cuối tháng 6 là các em phải sẵn sàng, nghĩa là phải hiểu biết giáo lý và các phép đầy đủ, để cha hạch hỏi đâu ra đó. Trước mặt ông Câu, tôi cam đoan là cha sẽ bằng lòng, sẽ không có em nào rớt đâu mà cha lo! Ở bệnh viện ra về, tôi tạt qua nhà cha sở Vĩnh Long, để thăm và cũng trông được thơ ở nhà gửi lên như thường lệ. Và may quá! Cũng vừa lúc có

thơ của chị ba tôi gửi lên từ tuần trước! Cha Linh đưa thơ cho tôi, tôi có linh tính là có tin chẳng lành. Nhưng tôi rán giữ lại, không xé ra đọc liền.

[…] Ngồi trên xe đò, tôi xé thơ ra đọc, chị ba tôi viết: Cục bướu của má không thấy lớn thêm, nhưng mấy ngày nay má bắt đầu ho khan, má thấy khó chịu trong người, ăn ngủ không được. Em rán thu xếp, về sớm để đưa má đi Sài Gòn rọi phổi, rọi cuống họng. Thương em nhiều! Chị Ba.

[…] Không dè chính bức thư cho hay má tôi đau đã cứu tôi khỏi "chuyện tình tang" với cô học trò đáng thương có tên là Huyên này, nhưng chưa phải là dễ, vì mấy đêm sau tôi vẫn nằm mơ thấy đôi mắt cô tha thiết nhìn tôi, song tôi thấy bớt xao xuyến hơn nhiều, tôi nghĩ không thể nào bỏ rơi má tôi được, vì tham vọng đi tu làm linh mục không phải là riêng của tôi, mà là của má tôi nữa! Tuy nghĩ vậy nhưng vẫn còn phân vân, chưa dứt khoát, cái đầu muốn bỏ chạy, trái tim lại muốn đi tới! Tôi không phải là thiên thần, thể xác còn biết đòi hỏi như mọi người trai tráng, dù là mặc áo dòng đen. Đúng là "áo dòng không làm ra thầy tu" (La soutane ne fait pas le moine)! Nên đã có một sự xung đột gay gắt trong tôi, cho đến bao giờ? Mấy

ngày sau, chuyện gia đình ở Long Thuận, chuyện dạy đạo dạy chữ, chuyện nhà thờ... làm đầu óc tôi lu bù, nhưng cũng không quên cô Huyên, mỗi khi mà rảnh rỗi một chút, nhứt là về đêm. Có lần chiêm bao thấy dắt tay cô đi vào nhà thờ, nhưng bước vào là va đầu vào cửa chánh, giựt mình thức dậy, mồ hôi toát ra sau lưng, trên trán... Tôi trông gặp cô Huyên lại, nhưng đến hết ngày thứ năm mà không thấy cô đến học như trước, tôi e ngại biết đâu có gì xảy ra cho cô, biết đâu cha mẹ đã phát giác con gái mình đã phải bùa ngải gì mà không yêu ai lại yêu một ông thầy tu. Bây giờ tôi lại ưu tư cho cô, mà lại không lo cho cá nhân mình! Nhưng cái gì phải đến đã đến! Ngày hôm sau, cũng lại là một ngày thứ sáu, sáng sớm cô Huyên đã đến gõ cửa muốn thăm tôi, cô bưng một cái giỏ nhỏ có những trái vú sữa, những trái mãng cầu ta... Vào nhà, đặt cái giỏ trên bàn cơm cô nói liền: Mấy ngày nay nhớ thầy quá! Mẹ em biếu thầy mấy trái vú sữa và mấy trái mãng cầu chín cây, thầy ăn cho mát, trời nắng nóng quá! Trời không mưa cho người ta nhờ! May cho tôi quá! Nghe cô nói với cái giọng gần như hoàn toàn vô tư, nếu không nói là bâng quơ, không một chút âu yếm, tôi sanh ra can đảm hơn và bình

tĩnh mời cô ngồi lại bàn ăn: Cô Huyên, ngồi xuống uống cà phê hay sữa bò gì với tôi đi! Có bánh mì tây đây nữa! Và chúng tôi ngồi đối diện nhau để nói chuyện. Tôi chưa kịp bắt đầu là cô Huyên đã nói trước:

- Hôm qua em muốn đi học quá, nhớ thầy quá, nhưng má em không cho! Nói em không nên gần thầy nữa, người ta nói rồi đó. Em biết em thương thầy thật, nhưng em cũng biết là không nên!

- Em biết thầy đã quyết định con đường đi tu này rồi! Em thông cảm cho thầy nghe! Em đừng buồn thầy nghe! Nhưng chỉ còn có mươi ngày nữa thôi! Các em xưng tội rước lễ xong là thầy phải về Long Thuận ngay, má thầy đau nhiều! Em ở lại vui vẻ, nhớ đừng bỏ học nghe... Tôi nói đến đây, cô Huyên đứng dậy, bỏ ra về một mạch, không một lời từ giã! Tôi biết cô khóc! Cô Huyên đi rồi, tôi còn ngồi lại năm ba phút! Tôi thấy người thơ thới, như là vừa thoát được một thứ cạm bẫy gì đó! Và bỗng chút tôi nhớ đến má tôi![3]

Những ngày sau đó, công việc dạy đạo dạy chữ của tôi vẫn được tiến triển đều đều cho đến khi cha sở bình phục hoàn toàn và trả về nhiệm sở làm việc như trước. Về đến An Hiệp, thấy trong lúc cha vắng mặt, không gì tiêu cực xảy ra cho nhà thờ, cho họ đạo.

Cha về đúng lúc, chỉ có đúng 10 ngày nữa là đến ngày trọng đại cho các em xưng tội và rước lễ. Hôm đó sẽ có các cha ở Vĩnh Long lên tham dự cho thêm phần long trọng. Từ đây đến đó, cả họ đạo An Hiệp đều nhộn nhịp, nhiều thanh niên thiếu nữ đến dọn dẹp nhà thờ, nhà cha sở, sân trường... Tôi gặp lại cô Huyên gần như mỗi ngày, thấy cô nghiêm nghị hơn, nhưng không giấu được vẻ mặt buồn buồn! Tôi vì quá bận, nên tôi cũng muốn tránh mặt cô! Thế rồi ngày lễ trọng đại đó đã đến! Cha sở giảng, có nhắc đến công sức của tôi gần hai tháng nay đã giúp các em biết Chúa và hiểu đạo hơn, đến đây là bổn phận của cha mẹ phải giáo dục con em thành người bổn đạo thật tốt. Để rồi 14 em trai gái ăn mặc hết sức tốt đẹp, lần lượt đến trước bàn thờ để cha sở trao mình thánh Chúa. Đến đây thì tôi cho là đã xong nhiệm vụ của một thầy tu đã được thử thách đầy đủ, đã chấp nhận thử thách từ nhiều phương diện rất khác nhau, có thể cái thử thách tình cảm là nặng nhọc nhứt, phức tạp nhứt! Pauvreté (Nghèo khó), Chasteté (Trinh sạch) và Obéissance (Vâng lời). Đó là ba đức tính cũng là ba thử thách, thiết nghĩ tôi đã thành công để tự tin đi vào con đường làm linh mục đang chờ tôi.

[…] Chiều hôm đó tôi phải vội ra đi, vì còn phải ghé nhà cha sở Vĩnh Long lấy những sách vở quần áo đã gửi lại từ 2 tháng trước, từ giã và cám ơn cha Linh, bề nào cũng chính cha sở Vĩnh Long phải phúc trình và nhận xét về cá nhân tôi. Hy vọng sẽ kịp lấy chuyến xe khuya đi Trà Vinh và về đến Long Thuận trước 6 giờ sáng ngày hôm sau. May quá! Ra đến nhà cha sở Vĩnh Long trước 7 giờ, tôi có dư thời giờ để dọn đồ vô rương, để rồi sẽ ra bên xe đi Trà Vinh, kịp chuyến 9 giờ tối. Một món quà đặc biệt! Trong khi dọn đồ bỏ vào rương, tôi mở cái gói quà của bổn đạo An Hiệp cho thì… Thương quá! Đây là một xấp 3 thước vải san đầm để may áo dòng đen và một cái thơ nhỏ. Tôi nhận ngay là chữ viết của cô Huyên, cô viết:

- Em xin tặng thầy xấp vải đen này để thầy đem về may áo dòng, thầy mặc và nhớ em! Em cầu chúc thầy thành công, em chắc thầy sẽ thành một linh mục thánh thiện, giúp đời và giúp Giáo hội! Đó là tất cả sự ao ước của em! H. […]

Tôi viết trả lời:

"Cô Huyên thương! Nhận được xấp vải để may áo dòng của cô, thầy vô cùng cảm động vì món quà đầy ý nghĩa này, chẳng những là tha thứ cho thầy mà còn khuyến khích

thầy đi theo con đường thầy đã chọn lựa. Thầy cũng phải thú nhận với cô, đó cũng là tham vọng của má thầy. Hiện giờ má thầy đau nặng, ngày mai thầy sẽ đưa má thầy ở Sài Gòn để chữa trị. Thầy sẽ còn ở lại Long Thuận săn sóc cho má thầy trong 2 tháng, để rồi đến cuối tháng sẽ lên Sài Gòn học triết trong 2 năm! Chúc cô Huyên mọi sự tốt đẹp! Cố quên thầy và rán học cho giỏi nghe! Thầy L."

Đi tu, học triết (Đại chủng viện SG)

Hôm đó bệnh tình của má tôi thấy có cơ bình phục, chỉ có lâu hay mau thôi. Lòng đầy hi vọng, tôi ra đi vui vẻ và lạc quan hơn! Lên đến Sài Gòn, vào Đại chủng viện chúng tôi bắt thăm để lấy phòng. Lúc đó Đại chủng viện có một building 4 từng riêng biệt, rất khang trang, sinh viên Đại chủng viện mỗi sinh viên đều có một phòng riêng, nhỏ thôi nhưng cũng có tiện nghi vệ sinh đầy đủ! Tôi được một cái phòng thuận tiện nhứt là gần cầu thang, ít bị làm rộn như những phòng ở giữa. Thường nhập trường là chiều ngày thứ năm trong tuần, để cho sinh viên dọn phòng và gặp lại bạn học cùng lớp, trường hợp chúng tôi là phải đi làm probation cả một năm xa nhau. Hôm sau là ngày thứ sáu, tôi

và anh Điền, anh Nam, anh Nẫm dẫn nhau đi chợ Sài Gòn mua sắm vài thứ cần thiết như savon thuốc đánh răng... hay mua sách vở gì đó. Về lại trường tôi qua một đêm, một mình một phòng riêng, sao mà sung sướng đến thế được! Tôi sẽ ở đây 5 năm, 2 năm triết, 2 năm thần học và 1 năm nghỉ lễ! Chưa bao giờ tôi có một giấc ngủ yên lành như thế, đúng là "Le sommeil du Juste" (Giấc ngủ của con người lành). Sáng dậy ăn sáng, các anh em bạn học đều có đủ mặt, tha hồ mà nói chuyện, nhứt là những chuyện đi probation các nơi xa xôi... Nhưng không dè tạo hóa hay thiên Chúa đang dọn cho tôi một con đường quá trầy trật. Ngày hôm sau là ngày thứ bảy, khi ra khỏi nhà cơm ăn sáng cha bề trên Phạm Văn Thiên (mới thay thế cha Séminel bị đày đi nhận họ đạo Bào Bèo, Mỹ Tho, Cha Séminel theo phe De Gaulle nên bị Chánh phủ Decoux theo Pétain biệt xử; cha Phạm Văn Thiên sau làm Giám mục địa phận Phú Cường hay Bình Dương) cho gọi tôi lên trình diện hội đồng giáo sư đang hội. Trước khi chánh thức theo học triết lý, sau probation nhiều trường hợp sinh viên lên nhập trường rồi mới biết mình không được các cha chấp nhận cho theo lớp triết, vì lý do hạnh kiểm bê bối hay học thức quá

kém. Cho nên vừa mới lên mà bị gọi trình diện như vậy thì nguy quá, có cơ bị cho trở về nhà ngay. Cho nên tôi không tránh khỏi hồi hộp muốn vỡ lòng ngực! Biết đâu lại có chuyện lăng nhăng gì đó ở Vĩnh Long hay nhứt là ở An Hiệp, bị cha sở Vĩnh Long hay An Hiệp phúc trình sao sao đó. Má tôi đang đau mà bà biết con mình bị đuổi về như vậy thì bà sẽ phải khổ thế nào, chết đi được! Nếu phải xách rương trở về nhà lúc này thì tôi thà trốn đi vô Rạch Giá là hơn! Nhưng cái gì phải đến đã đến. Các giáo sư phân nửa Pháp phân nửa Việt (11 người) đang ngồi đợi tôi đến trình diện, phòng hội ở gốc building cũ do Nguyễn Trường Tộ cất. Tôi mở cửa bước vô, thấy bầu khí không có chút gì thiện cảm cả. Cha Thiên bảo tôi kéo ghế ngồi ở đầu bàn, người tôi muốn run lên! Các cha xử tôi vụ gì đây? Cha Thiên đứng lên nói:

- Sau khi xét hồ sơ của thầy, tất cả các cha đồng ý chỉ định thầy làm surveillant Tiểu chủng viện cho 2 niên học tới. Các cha tin chắc thầy đủ sức vừa học triết vừa làm surveillant được! Thầy NVM sẽ phụ tá cho thầy 1 năm. Thầy có ý gì không? Tôi quá chưng hững, nên cần một chút lẳng lặng... lấy lại sự bình tĩnh để chậm chậm trả lời gần như đứt khoảng:

- Con xin... cám ơn quí cha... Nhứt là cha bề trên trường lớn (Delagne) và cha bề trên trường... nhỏ tin cậy con... Con xin vâng lời và cố làm tròn phận sự,... với lời cầu nguyện của các cha! [...] Với tất cả lòng thành, làm cái gì tôi cũng cố làm đến nơi đến chốn. Cùng một lúc làm giám thị, tôi khởi sự theo học lớp triết (bằng tiếng Latinh), giáo sư của chúng tôi là cha Chánh, cha có bằng tiến sĩ triết của Université Catholique de Paris. Lưu ý: theo chương trình trung học Pháp, tú tài ban A chỉ dạy triết có 2 phần Ethics (phong hoá) và Critique (Phê bình), có năm thêm Psychologie (Tâm lý). Đang khi đó Đại chủng viện CG dạy triết cả 5 phần, tức là phải có thêm Cosmologie (Vũ trụ) và Ontologie (Hữu thể học) hay Métaphysique (Siêu hình). Ngoài triết chúng tôi còn phải học các môn phụ là lịch sử nhân loại, lịch sử các nền văn minh thế giới, lịch sử giáo hội CG. Chúng tôi học chủ nghĩa Marx, Freud cho biết thôi! Chương trình triết của chúng tôi rất nặng, nhưng tôi vẫn theo kịp chúng bạn không khó khăn lắm, vì những khi sinh viên ngủ trưa hay không có lớp (không trùng với lớp triết) tôi có thì giờ học bài của tôi. [...] Dự bị di tản đâu vào đó xong xuôi, chỉ chờ 5 ngày nữa sẽ xách vali xuống ghe

cho tàu kéo đi Cái Nhum, sinh viên ba lớn lớp nhỏ xin phép tôi tổ chức một đêm ca nhạc kịch để đánh dấu 1 ngày lịch sử của trường (lần đầu tiên trường lớn trường nhỏ 2 trường tách ra, mỗi trường đi một nơi). Thật ra tôi phải xin phép cha bề trên là cha Thiên và cha Thiên bằng lòng. Bảo tôi nên xem chương trình ca nhạc kịch trước. Và tôi đã xem trước. Thật ra chỉ có những bản ca nhạc kịch ái quốc, tức nhiên là chống thực dân Pháp, của Phong trào Thanh niên tiền phong. Từ đầu năm 1944, Phong trào Thanh niên tiền phong còn là một phong trào yêu nước thuần túy quốc gia, chưa bị CS chi phối (cho đến khi BS. Phạm Ngọc Thạch, một đảng viên CS Pháp qua năm sau về nắm chức chủ tịch) và như vũ như bão đã phát triển xuống quận xuống tới làng trong cả Nam kỳ lục tỉnh, mà phần lớn sinh viên đều tham gia khi về nghỉ hè nghỉ Tết Nguyên đán (1944). Đêm hôm đó tất cả sinh viên 2 trường hơn 200 người tập trung về nhà chơi (préau) trường lớn và tất cả các giáo sư Pháp và Việt đều được chính tôi mời đến tham dự, ghế danh dự hàng đầu dành cho cha bề trên trường lớn là cha Delagne, cũng là giáo sư thần học và kinh thánh (tôi cũng đang theo học lớp này ngoài các lớp triết của cha

Chánh). Toàn là cây nhà lá vườn, những bản ca và nhạc có tinh thần đậm đà yêu nước do sinh viên trình diễn đều thành công hơn mong muốn, các cha Tây cha Việt đều hoan hô nhiệt liệt. Nhưng đến mục chánh là một kịch nhỏ diễn tả một trận chiến giữa nghĩa quân do Trương Công Định chỉ huy phục kích quân đội Pháp, giết một số lính Pháp, giựt được cờ Tam tài, để rồi rút lui an toàn về Đồng Tháp. Chỉ có thế thôi, nhưng không dè các cha người Pháp, nhứt là cha Delagne cho là quá sỉ nhục cho chánh quyền thực dân Pháp, nên chưa kết thúc màn kịch là cha đứng dậy, tỏ vẻ giận dữ và bỏ về phòng ngay! Các cha người Pháp người Việt cũng đứng dậy lục đục lặng lẽ bỏ đi về phòng hết, trừ ra cha bề trên Thiên và 1 cha người Việt, có thể là cha Kính, giáo sư âm nhạc. Trước sự phản ứng quá mạnh như vậy, sinh viên hỏi ý kiến của tôi: Ca nhạc kịch này là cho anh em sinh viên hơn là cho các cha, anh em nên tiếp tục cho hết! […] Sáng hôm sau, sau bữa ăn sáng cha Delagne cho gọi tôi vào phòng, mời tôi ngồi và cha nói ngay là niên học triết này kể là xong, con đừng lên đây học thần học với cha nữa! Có vậy thôi! Nghĩa là cha Delagne đã đuổi tôi không cho tôi lên đại chủng viện để học thần học như

mọi người khác! Thế là rõ ràng rồi, vì không ở đâu có trường đại chủng viện dạy thần học, ngoài ra đại chủng viện St Joseph Sài Gòn.

[…]

Về sau ông Lang xin một chân dạy học ở trường Philipphê Minh ở Vĩnh Long. Ông gặp Đức cha Ngô Đình Thục, vì trường này do Đức cha sáng lập và dự kiến làm Tiểu chủng viện. Nghe kể lại hoàn cảnh bị đuổi khỏi Đại chủng viện, Đức cha Thục bằng lòng dạy ông Thần học để tiếp tục con đường tu trì. Trong thời gian dạy học, xảy ra vụ tranh cãi với cha giám đốc trường Philipphê Minh. Đức cha Thục nghe báo cáo, gọi ông vào và báo cho ông biết: "Con không có ơn gọi." (Đoạn cuối này biên tập viên tóm tắt từ sách *Ký ức Huỳnh Văn Lang* tập 1).

Chú thích

1. 1 Anh Điền sau là Tổng giám mục Huế và anh Nam là giám mục Mỹ Tho. Qua lớp nhì thì có anh Nguyễn Văn Nẫm, sau khi đậu thành chung và chịu phép rửa tội sẽ nhập lớp với chúng tôi sau và sẽ là phụ tá giám mục cho Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình, tổng giáo phận Sài Gòn. Không bao giờ có một lớp chủng viện sản sinh ra được những 3 Giám mục và Tổng giám mục như lớp của chúng tôi. Ba đấng cũng là 3 bạn

thân của tôi từ năm đó cho đến cùng, nghĩa là cho đến chết. Anh Nẫm, lúc đã là linh mục là người đã đưa tôi xuống tàu đi Pháp (1950), ĐC Điền và ĐC Nam, trước năm 1975 bao giờ lên Sài Gòn cũng không quên ghé thăm gia đình tôi, ít ra cùng ăn một bữa cơm trưa với chúng tôi, lúc nhà tôi ở đường Thoại Ngọc Hầu, Tân Bình (1967–75). Năm 1995 và 2001 hai lần về VN tôi đều tìm cơ hội thăm ĐC Nam ở Mỹ Tho và ĐC Nẫm về hưu non ở Tân Định, chúng tôi đã nhắc đến một người bạn quá cố là ĐC Điền đã chết mất từ năm bảy năm trước, mà có người cho là bị CS đầu độc khi từ Huế đã vào Sài Gòn để dưỡng bệnh, vì Đức cha Điền đã có một thái độ dứt khoát với CS, hoàn toàn trái ngược với thái độ ba phải của Đức TGM Nguyễn Văn Bình. Thiết nghĩ thái độ hòa hoãn với CS là sai lầm, vì CS không bao giờ hòa hợp với tôn giáo được, tôn giáo hòa hợp với CS thì chỉ chờ chết thôi. Hiện tình VN và các nước do CS nắm quyền chứng minh điều đó.

2. 2 Sau này, khi Việt Nam hóa hoàn toàn chương trình giáo dục (1955), Tiểu chủng viện mới trực tiếp gửi thí sinh đi thi tú tài I và tú tài II, không qua ngả Taberd nữa.
3. 3 Tuy nhiên tôi vẫn xem đây là mối tình đầu của tôi, dù là một chiều, vì có một lúc ngắn ngủi nào đó tôi yêu cô Huyên thật và luôn luôn tới ngày nay khi viết những hàng chữ này tôi vẫn còn nhớ cô đến đổi năm 1995 khi về VN tôi có đi Vĩnh Long, vô An Hiệp tìm cô Huyên, nhưng không gặp lại được. Lúc đó tôi đã 73, cô chắc cũng phải 68, 69 rồi!

SỬA LƯNG VƯƠNG HỒNG SỂN

LÊ VĨNH HUY

Con mắt hổng phải hột nhãn;
Hộp sọ có khác hũ chao.
(Trích kệ tự răn mình
- Hòa thượng Điền Bá Quang)

LỜI DẪN: *Tôi chọn cuốn "Hơn nửa đời hư" (NXB Tổng hợp TP.HCM, 1992)[1] của bực trưởng thượng được coi là học giả gạo cội từ thời Việt Nam Cộng Hòa này để sửa lưng, vì "Hơn nửa đời hư" có rất nhiều chỗ sai lạc, cho thấy tác giả thiếu căn bản thường thức về lịch sử-văn hóa.*

Ý định này ám tôi từ lâu. Hồi ông sinh tiền, tôi đã viết thơ gởi ông trình bày vài chỗ mình cho là ông viết không đúng, nhưng chớ thấy hồi âm. Có lẽ tại bưu điện thời đó làm ăn như hạch, khiến thơ từ thất lạc. Nay ông không còn, tôi gõ bài sửa lưng thì ông

không hồi đáp đặng, kể cũng thiệt thòi cho ông. Nhưng hồi nắm, ông gõ nhận định về cố Tổng thống Ngô Đình Diệm thì sao?[2] Thôi thì coi như đây là quả báo vần công, vậy đi!

Dự tính loạt bài này gồm 4 phần:

1. Vài chỗ tầm xàm trong "Hơn nửa đời hư";

2. Về nghiên mực Tức Mặc hầu của vua Tự Đức;

3. Tổng thống Ngô Đình Diệm làm phiên dịch cho Vương Hồng Sển, Phó tổng thống Trần Thành mời Sển qua thăm Đài Loan;

4. Vương Hồng Sển chỉ ra xuất xứ bảy cây Ngọc như ý của Càn Long.

Xuyên suốt cuốn "Hơn nửa đời hư" là những tin đồn, giai thoại không thể kiểm chứng, đã vậy lại có nhiều chỗ khiến người đọc nổi sảy.[3] Muốn vạch hết ra e không đáng để tốn công sức, nên tôi chỉ lẩy ra vài chỗ trong khả năng hiểu biết của mình đặng sửa lưng.

Gõ loạt bài này, tôi dặn mình phải giữ giọng bình thản, nhẹ nhàng nhất. Tuy nhiên nói là một chuyện, còn làm được không lại chuyện khác. Nên nếu có khi tôi ngứa tay quất câu nào quá trớn, mong bạn đọc chỉnh dùm!

I. VÀI CHỖ TẦM XÀM TRONG "HƠN NỬA ĐỜI HƯ"

(Phần này sửa lưng vài chỗ râu ria lịch sử-văn hóa mà Vương Hồng Sển tỏ ra hồ đồ, coi như lên dây đờn lấy hứng).

1) THANH THẾ HỌ VƯƠNG CỦA HỒNG SỂN Ở PHỦ TUYỀN CHÂU, TỈNH PHƯỚC KIẾN

Vương Hồng Sển viết về dòng họ gốc bên Tàu của mình như vầy:

(...) Không phải cốt ý khoe khoang, nhưng ba tôi có thuật lại rằng xưa kia kiểng họ Vương ở Phước Kiến vốn có địa vị khá, giữa triều Thanh đang thịnh cũng không bị bạc đãi. Một chi tiết nhỏ: Thuở ấy, cặp lồng đèn giấy treo trước cửa được phép kẻ một chữ "Vương" duy nhất, thay vì các họ khác phải viết kèm chữ "phủ", tỷ dụ Phạm phủ, Trần phủ, Quách phủ v.v... Đó là đặc ân dường như do bà Tây Thái hậu ban ra, vì bà cho rằng hễ "Vương" thì ở phủ là cố nhiên, hà tất viết dư chữ "phủ". Một giai thoại khác thuật là cũng bà Tây hậu, khi sắp hạng mười tám tỉnh dâng lễ khánh thọ cho bà thì tỉnh Phước Kiến được sắp đứng đầu, vì chữ "Phước" không thể sắp sau chữ khác. Một đặc ân khác dành cho chi họ Vương,

quán ở Quan Khảo lý, là được dùng bốn chữ "Khai Mân đệ nhứt" làm biển treo nhà, vì tương truyền họ này xưa kia có công khai phá mở mang đất Mân (Phước Kiến), biến hoang địa thành lương điền. Nói để nghe chơi chớ không dám vẽ viền nhiều, bằng sắc đâu có hòng chứng minh, khoác lác là tội. Không nên thấy người sang bắt quàng làm họ" (tr.24-25).

Chỉ một đoạn ngắn này đã có ba chỗ sai lạc:

a- CÁI LỒNG ĐÈN:

Ở Phước Kiến thuở xưa, vào những dịp hội hè, lễ tết, người ta thường treo trước cửa cặp lồng đèn đỏ, gọi Hồng đăng. Trên hồng đăng có đề thêm chữ nghĩa hoặc vẽ đồ hình ngụ ý tốt lành; lại chia ra lồng đèn treo dịp tết là Xuân đăng, mừng thọ ông bà kêu Thọ đăng, mừng đám cưới là Hỷ đăng, vân vân.

Còn lồng đèn có đề họ của chủ nhà thì chỉ treo khi trong nhà có tang, gọi Tang đăng. Loại này thường bọc giấy trắng nên còn gọi Bạch đăng, có khi chỉ treo một chiếc, trên đề họ của gia tộc kèm theo chữ "Phủ". Riêng ở Phước Kiến có tục lệ: nếu là nhà họ Vương thì không được đề "Vương phủ", để tránh hiểu ra thành phủ đệ của vương gia. Nên nhà họ Vương ở Phước Kiến khi có tang

sự, nếu là nhà quan thì trên Bạch đăng đổi viết là "Vương nha" (王衙), còn nhà thường dân chỉ đề chữ Vương. Đây không phải ưu đãi họ Vương ở Phước Kiến, mà là lệnh cấm, để người họ này khỏi tiếm xưng vương gia hoàng thất.

b- LỄ KHÁNH THỌ TỪ HY:

Từ Hy khi buông rèm nhiếp chính thường ngự ở Tây Noãn các trong Dưỡng Tâm điện, nên còn gọi Tây thái hậu. Tiếng là quyền khuynh thiên hạ, nhưng về đời tư bà lại lắm chuyện đau buồn: lúc nhỏ sớm mồ côi cha, đang độ thanh xuân đã thành quả phụ (vua Hàm Phong mất năm bà 27 tuổi), tới trung niên lại phải khóc con (Đồng Trị mất năm bà 40). Ác nỗi bởi thân làm Thái hậu khiến bà càng chịu áp lực nặng nề của thời cuộc, do triều đình Mãn Thanh ngày một suy vi. Điều này có thể nhận thấy qua mấy lần sinh nhựt (Thánh Thọ tiết) của bà, giang sơn càng bị teo tóp:

- Sinh nhựt 50 của Từ Hy nhằm mùng 10 tháng 10 năm Giáp thân (27-11-1884), thì tháng 12-1883 xảy ra Chiến tranh Thanh-Pháp kéo dài tới tháng 4-1885. Thành thử ngày đại thọ, Từ Hy chỉ được các phi tần trong cung dâng rượu mừng (Hình 1).



- Sinh nhựt 60, nhằm mùng 10 tháng 10 Giáp ngọ (7-11-1894). Tròn hoa giáp (60 tuổi) nên là lễ trọng. Trước đó một năm, triều đình đã chuẩn bị sẵn 10 triệu lượng bạc làm lễ Thánh thọ. Tới tháng 8-1894 thì xảy ra Chiến tranh Thanh-Nhựt, dẫn tới Điều ước Mã Quan nhục nhã: nhà Thanh chẳng những mất bán đảo Liêu Đông và Đài Loan cho Nhựt, còn phải bồi thường chiến phí 230 triệu lượng bạc. Vậy là Từ Hy hạ chỉ dẹp quách lễ mừng thọ; hôm ấy bà lặng lẽ một mình đếm tròn hoa giáp trong Thọ Ninh cung.

- Đại thọ 70 cổ lai hy, mùng 10 tháng 10 Giáp thìn (16-11-1904), thì tháng 8-1904 xảy ra chiến tranh Nga-Nhựt, hai bên đánh nhau giành giựt Đông Bắc tam tỉnh (Liêu Ninh, Cát Lâm, Hắc Long Giang) của Tàu. Bá tánh đương buổi lầm than mà triều đình mở tiệc cũng kỳ, nên Lão Phật Gia[4] hạ chỉ không nhận lễ vật. Bấy giờ hai đứa nịnh là Khánh thân vương Dịch Khuông và Trực Lệ tổng đốc Viên Thế Khải mới tâng công bằng cách kêu gọi bá quan mỗi người trích hai phần bổng lộc đặng mừng tuổi Thái hậu. Thành ra dịp này "mười tám tỉnh"[5] chỉ nộp ngân lượng cho giản tiện, không biện lễ vật rình rang; và đứng đầu là hai anh nịnh kể trên, hổng phải Tổng đốc Phước Kiến!

c- KHAI MÂN ĐỆ NHỨT:

Đây là danh hiệu tôn xưng ba vị: Quảng Võ vương Vương Thẩm Triều, Võ Túc vương Vương Thẩm Khuê, Trung Ý vương Vương Thẩm Tri. Ba anh em đều làm quan lớn cuối đời Đường. Năm 885, họ dắt tử đệ Hà Nam vào cát cứ Phước Kiến. Tới năm 909 thì Vương Thẩm Tri lập Mân quốc, sử gọi ba ông là Khai Mân tam vương.

Phước Kiến xưa vốn đất tộc Mân, địa thế tách biệt Trung nguyên nên hào kiệt bốn

phương bất phục triều đình thường tụ về; xứ này lại giáp biển, thuận tiện giao thương, thành thử chưa đầy 20 năm, Mân quốc đã trở nên "loạn thế Đào nguyên". Và bốn chữ "Khai Mân đệ nhứt" là do hậu thế dành kỷ công ba vị này (Hình 2), phải đâu đặc ân cho họ Vương hay họ Hà, họ Bá nào đó làm bảng hiệu treo trong nhà!



Tượng thờ trong đền Khai Mân tam vương ở Tuyền Châu, Phước Kiến .Từ trái qua phải là Vương Thẩm Triều, V. T. Khuê, V. T. Tri. Tấm bảng có cặp rồng chầu ở trên đề 4 chữ "Khai Mân đệ nhứt"

2) THIÊN ĐỊA HỘI Ở SÓC TRĂNG

Lỡ nhận gia thế thuộc hàng máu mặt, Vương Hồng Sển cao hứng phong luôn ông nội mình (1848-1895) làm thủ lãnh Thiên Địa hội:

(...) Ông nội tôi nhớ Tàu bằng cách chống

lại chế độ đàn áp độc tài của nhà Mãn Thanh. Vì vậy ông làm "tùa-hia" Thiên Địa hội, tức thủ lĩnh của hội kín ấy. Nguyên hồi Tây mới qua, gọi đời đàng cựu, tại Sóc Trăng, trong đám Minh Hương có ba đảng Thiên Địa hội:

- Đảng ở Bố Thảo (Thuận Hòa) và đảng ở Bãi Xàu (Mỹ Xuyên) nhập một, xưng Nghĩa Hữu đoàn.

- Đảng ở châu thành Sóc Trăng là Nghĩa Hưng đoàn, do ông Trần Phước Hải làm tùa-hia. Sau ông này ra giúp chánh phủ Pháp, lần lần lên đến cai tổng tổng Nhiêu Khánh, về già cáo lão, Tây phong hàm Tri phủ.

- Một đảng nữa do Nghĩa Hưng đoàn tách ra, xưng Lương Hữu hội. Cầm đầu là hai ông: ông Hưng Kỳ và ông Sếp Sầm. Sau hai ông đều ra mặt làm việc cho Tây, ông Kỳ làm đến cai tổng tổng Nhiêu Khánh, thế cho ông Phú Hải, khi mất được thăng Tri huyện hàm, nên gọi ông Hàm Kỳ; ông Sầm ra làm hương quản làng sở tại là làng Khánh Hưng, Tây phong chức Chef de la police communale, nên cũng gọi ông Sếp Sầm. Bởi đó, chức "tùa-hia" hai người nhường lại cho ông nội tôi (Hơn nửa đời hư, tr.30).

Tiếng "tùa-hia" của người Tiều nếu dịch ra tiếng ta thì là "anh hai" (Đại huynh 大兄). Có điều, khi người Tiều kêu nhau tùa-hia thì

chỉ là kiểu xưng hô xã giao thông thường, như anh hai, chị ba, chú tư, thím bảy trong tiếng Việt vậy thôi. Còn trong Thiên Địa hội, đám tử đệ phải kêu thượng cấp tới Đại gia (大爺), tiếng Tiều phát âm là "tùa-tía".[6]

Thiên Địa hội vốn hội kín, mà Sển kể vanh vách đảng này đảng nọ ở Sóc Trăng, luôn cả lai lịch mấy người cầm đầu. Sển lúc đó còn con nít mà biết rõ vậy thì Tây ắt càng tỏ tường hơn, việc họ để yên các nhánh hội kín này mới thiệt ngộ!

Với lại chức thủ lãnh phải do tử đệ trong bang hội bầu lên, đâu phải chỗ ngồi trên xe buýt mà nhường qua nhường lại?

Vậy nên tôi cho là ông nội của Sển không mắc mớ gì Thiên Địa hội. Còn ba cái lăng nhăng Nghĩa Hữu đoàn, Nghĩa Hưng đoàn, Lương Hữu hội này nọ chỉ là mấy hội tương tế mà thôi.

Rồi Sển sàng qua lôi kéo luôn hai nhân vật lịch sử thời nội chiến Nguyễn Ánh-Tây Sơn vô Thiên Địa hội:

(…) Theo ông nội tôi, Tập Đình và Lý Tài (trang 345 Việt Nam sử lược, Trần Trọng Kim) đều là người trong Thiên Địa hội, và duy Tàu Minh (Thiên Địa hội) mới biết đủ mánh lới để trị được bọn Tàu Thanh là quân Mãn Châu, đại thù địch của di thần nhà

Minh. Thành ngữ "giáo Tàu đâm Chệt" còn đó (tr.32).

Chỗ này Vương Hồng Sển nói càn, nhưng lại lươn lẹo chêm cái ngoặc đơn dẫn thêm "Việt Nam sử lược" của Trần Trọng Kim, làm như trong đó có nói Lý Tài và Tập Đình là người của Thiên Địa hội không bằng.

Tai hại nhứt là Vương Hồng Sển lại viện cha ông mình ra làm bình phong đặng nói bừa lung lăng thiên địa. Các đấng tiền bối đó dù đức cao vọng trọng đến đâu, làm sao đủ thế thần để giúp biến ba mớ giai thoại kia thành sự thật lịch sử?

3) MÓN GÀ XÉ PHAY GIA HỘI

Khúc trên là vài chỗ Vương Hồng Sển được tai nghe, còn khi ông mắt thấy thì sự thể ra sao?

Hãy đọc đoạn này, Sển nói về quán cháo gà ở đường Chi Lăng, từ cầu Gia Hội đi lên, khúc chưa tới đầu đường Nguyễn Du, vào khoảng 1965-1967:

(…) Một phen sau đó tôi ra Huế, đi một mình lại quán. Tôi để ý mụ chủ quán trộn gà cách nào để ăn cắp nghề, và muốn tìm hiểu sao nó ngon đến thế. Té ra cái bí quyết chuyên môn chỉ dồn trong hai bàn tay trầu của mụ. Mụ đứng bán từ xế chiều đến xẩm tối, tuy trước bụng mụ có nịt tấm khăn

choàng khá sạch, nhưng miệng vẫn nhai trầu, tay vẫn xỉa thuốc. Khi khách gọi gà luộc thì cũng bàn tay ấy mụ xé thịt; xé chớ không xắt không chặt. Khách gọi xôi thì mụ cũng bốc xôi với bàn tay xỉa thuốc ấy. Đến lượt tôi dặn ba món cháo gà, gà xé phay và đĩa xôi, thì mụ vẫn y tay ban nãy vốc một mớ rau thơm, lấy ngón tay ngắt vụn bỏ vào đĩa, một tay sửa cục thuốc xỉa cho đừng rớt, quẹt sơ tay vào khăn choàng bụng. Xong rồi lấy tay ấy xốc xốc trong tô gà xé rời, lựa mấy miếng cho vừa giá tiền, xé vụn ra cho vào tô vào đĩa, bốc thêm mỗi món trong rổ lớn nào phao câu, nào đùi gà, nào chéo cánh như tôi đã dặn. Đoạn dùng trọn hai bàn tay còn trầu vừa nhồi vừa trộn xốc xáo, vừa bóp nặn cho đến khi thịt gà thật nhão mềm, thấm thía chất ngọt. Kế đó mụ lanh lẹ thò vá vào nồi cháo sôi sục múc một vá nước cốt gà nóng hổi cho vào tô vào đĩa, rắc sơ ba hột tiêu lên mặt rồi sai bưng lại tôi. À há! Nói có hai bên vai vác chứng miêng, và xin các bạn Huế chớ phiền: sở dĩ tô cháo gà và đĩa gà xé phay Gia Hội ngon không đâu bì, bí quyết là vì nơi xứ khác làm gì có bàn tay trầu mụ bán cháo Huế? (tr.433-434)

Phải công nhận đoạn này Vương Hồng Sển tả tài tình, khiến hoạt cảnh như hiện

tiền sống động ngay trước mắt người đọc. Nhưng vì ông tả tài quá, khéo quá nên bật ra câu hỏi: Mình mới đọc ông tả thôi đã nhợn tới cổ, vậy mà Sển vẫn ăn ngon lành được?

Và mấu chốt là ở câu "vừa nhồi vừa trộn xốc xáo, vừa bóp nặn cho đến khi thịt gà thật nhão mềm, thấm thía chất ngọt". Dạ thưa ông Sển: khi làm món xé phay cần để ý xé cho vừa miếng thịt, bét nhứt cũng nhỉnh hơn nửa phân; xé tơi quá thì thành thịt vụn, hết ngon. Với lại gà đã ngọt thịt sẵn, chỉ cần pha thêm chén nước mắm đường rưới lên là vừa, cần gì phải bóp? Quỷ ơi! Gà luộc chớ đâu phải gà móng đỏ mà đã xé ra rồi còn phải vừa nhồi vừa xốc, vừa bóp nặn nhão nhề cho đã tay?

Vậy nên tôi cho đoạn văn trên gồm tám phần thêm thắt cộng với phần rưới sự thật. Đã gọi hồi ký thì khi viết phải bám sát sự thật, nhưng trong "Hơn nửa đời hư", Vương Hồng Sển lại thả cho trí tưởng tượng mặc sức tung hoành, thành chẳng ra đám ôn gì!

4) ÁO TẦM-VÔNG

Vương Hồng Sển có chiêu kịch độc, là thỉnh thoảng lại gài chú thích đá giò lái. Chú thích dưới đây trong "Hơn nữa đời hư" thuộc loại này, lại siêu việt ở chỗ đặt điều tầm xàm,

vừa trật chìa vừa lăng dang, tục tĩu:

"Áo tầm-vông: Áo dài đàn bà Miên. Cổ khoét để khoe ngực, khi có chồng thì gài nút lại, ý nói hoa đã có chủ. Thân dưới áo may bít bùng và bó sát khoe vóc mình. Khi mặc phải tròng từ đầu tròng xuống. Bà Nhu bắt chước kiểu áo này, dân ghét, gọi kiểu áo lồn trâu" (Chú thích tr.42).

Thiệt tội quá đi! Áo tầm-vông còn gọi là áo cổ vòng, vì vòng chéo qua cổ để hở một bên vai (không hề khoe ngực), là trang phục truyền thống của phụ nữ Miên. Áo này ngắn (không phải áo dài), may bằng tơ tằm thêu chỉ kim tuyến, có khi đính thêm kim sa hột lựu tôn vẻ kiêu sa. Gái chưa chồng thì chỗ hở vai hơi nới xuống, vừa đủ để người ta phiêu phiêu thần hồn; gái có chồng thì phải tém chỗ hở lại cho kín đáo, kẻo thằng chồng ghen. Dù có chồng hay chưa chồng thì khi mặc áo tầm-vông, phụ nữ Miên luôn vắt thêm tấm khăn lụa dài phất phơ gọi khăn "sbay", để tránh mấy ánh mắt lục lọi sổ sàng. Áo này mặc tròng đầu, làm gì có nút mà gài? Còn chỗ Vương Hồng Sển nói "thân dưới may bít bùng" đó, đúng ra là cái xà-rông, tức tấm thổ cẩm thêu hoa văn cổ truyền, khổ rộng một thước, dài ba thước rưỡi. Xà-rông được quấn quanh eo, bó sát thân dưới, làm mấy

đường cong phần này thêm nổi bật. Nhưng ai đó đừng vội mừng, vì đã có tấm khăn sbay đủ dài che bớt, chỉ chừa thiên hạ ngó thấp thoáng! (Hình 3)



Bộ Tầm Vông vừa đằm thắm vừa kiêu sa của phụ nữ Kh'mer,

Còn áo dài bà Nhu, cũng gọi "áo dài cổ thuyền"[7] là kiểu áo dài phụ nữ Việt Nam được bà Nhu cách tân, khoét hơi rộng cổ để khoe bả vai (Hình 4).

Hai thứ áo này nếu có dính líu nhau chăng thì chỉ là chỗ cả hai đều dùng che thân, vậy



Bà Nhu với áo dài cổ thuyền.

mà Vương Hồng Sển vẫn thản nhiên kết luận áo dài cổ thuyền của bà Nhu là bắt chước… áo cổ vòng của Miên, để rồi văng luôn câu kết kinh hồn!

Câu kết đó đâu chỉ nhục mạ bà Nhu, mà còn phỉ báng cả văn hóa miền Nam. Ở đâu không biết, riêng trong Nam đã chửi là chửi ngay bản mặt, ai đâu rảnh hơi đi chửi tấm áo manh quần; và "chửi" bằng cách so sánh ý nhị chớ hiếm khi buông tiếng tục. Thí dụ:

"mặt như cái húm", "mặt bằng cái bụm", hoặc gợi hình hơn thì "mặt bằng hai ngón tay tréo" ("tréo" chớ không phải "chéo". Phải đánh lưỡi chữ "tréo" cho bật ra như bung hai ngón tay đang trẹo nhau mới là nói đúng chữ!)

Cho nên chỗ này, ý riêng tôi cho là lời Sển chửi bà Nhu song lại núp lén, đổ thừa là dân chúng buông lời tục tĩu.[8]

* * *

"Lên dây đờn" nhiêu đó là vừa, còn phải chừa khúc hay cho mấy phần sau. Ở đây tôi chỉ nhắn thêm là: trong hồi ký "Hơn nửa đời hư", Vương Hồng Sển thêm mắm dặm muối đủ điều, ai thích dóc láo cứ chịu khó đọc sẽ mở mang nhiều. (Hết phần I)

Chú thích

1. Link PDF: **https://online.fliphtml5.com/oimsx/omub/#p=1**. Để đối chiếu mấy chỗ tôi dẫn trong sách, chỉ cần thay "=1" bằng "=x", với x là số trang tôi đã dẫn. Bản sách này là bản in lần đầu, câu văn luộm thuộm với chữ "và" minh thiên địa, có khi trong một câu có tới bốn năm chữ "và"; có khi tác giả không cần chấm phết, lắm lúc lại chơi toàn dấu phết, khiến một câu có khi dài gần nửa trang giấy; rồi xuống hàng ngắt đoạn không chừng không đỗi; viết hoa vô tội vạ (Thí dụ: khi nhắc cha mình, Vương

Hồng Sển viết hoa "Ba tôi", chừng nhắc mẹ hoặc ông nội lại viết thường, là "mẹ tôi", "ông nội tôi"); rồi phiên âm tiếng Quảng, tiếng Tiều ra Việt ngữ trật lất... khiến người đọc phát mệt (vì ông phải gõ bằng máy đánh chữ, nên khó lòng sửa chữa đẽo gọt câu văn trên giấy như bây giờ mình dùng computer).

Tôi chụp lại bản mình có trong tay (giấy xấu lại lem nhem do đã lâu ngày), rồi chuyển file ảnh ra Word bằng phần mềm ABBYY FineReader 15 (phần mềm này nhận dạng chữ Việt không chính xác mấy, sai tùm lum). Sau đó lại so sánh bản Word với bản PDF kể trên để biên tập lại "Hơn nửa đời hư" cho sáng sủa, mạch lạc hơn. Bản Word đã qua biên tập này là bản tôi dùng để trích lại Vương Hồng Sển trong loạt bài này.

2. Thí dụ đoạn này, Vương Hồng Sển nói về việc Ngô Đình Điệm chưng tấm hình Ngô Đình Khả trong văn phòng Phủ tổng thống, mà Sển nói đó là "thờ":

(...) Trong khi Tổng thống mãi bận trả lời trong điện thoại, tôi chợt đưa mắt lên đầu chiếc tủ giữa, bỗng thấy một khuôn hình lớn vẽ dầu màu, họa chân dung cụ cố Ngô Đình Khả, mình mặc sắc phục võ tướng, hai tay giụm lại đứng chống gươm xem rất oai nghi, nhưng sao trong mắt tôi lúc ấy lại thấy dường như bơ vơ trơ trọi trên đầu loại tủ đựng áo quen mặt bằng gỗ liền này. Trong bụng tôi suy nghĩ bâng quơ: Hỡi trời? Đã tột bực đỉnh chung, lên ngồi trên cả thiên hạ, thế mà tìm không được một chỗ thờ cha cho xứng đáng. Hãy chừa cho bọn thơ ký nghèo như chúng tôi thờ cách ấy! Nếu ông là người Công giáo thuần túy, không

nhìn nhận sự thờ phượng ông bà, không muốn bắt chước bọn bên lương lập bàn thờ thờ cúng tổ tiên, thì cứ việc làm theo Tây, tốn một cây đinh đóng lên vách như treo hình đức Chúa hay hình ký kiểu La Joconde chẳng hạn, bằng không nữa thì thà đừng thờ mà chỉ "tâm thờ", thờ trong lòng, trong tư tâm cũng được đi, chứ thờ làm chi trên đầu tủ. Bọn tiểu công chức nhà như ổ chuột, trong nhà chỉ có cái tủ áo là cao, cũng không đành thờ cha mẹ ông bà như thế (tr.475).

3. Như đoạn ông "nói ra sự thật" về nguyên nhân gây ra thảm kịch Tết Mậu thân 1968, khiến hàng ngàn nóc gia ở Huế chung một ngày tang:
   (...) Đầu năm Mậu thân, ở đâu mà không có cảnh bị bắn giết đốt phá? Chính Gia Định cũng có cảnh nhà cửa tan ra cát bụi, bàn ghế của tiền thập vật cháy ra khói tro. Chỉ vì người cầm quyền ngoan cố, bám theo chánh sách Mỹ và Thiệu, chúng nó vãi tiền ra cho đồng bào ta cùng một giống cầm súng bắn lẫn nhau, như vậy họ mới có dịp đục nước béo cò. Không khác những tên tớ gian tham, khi chủ sai đi mua vịt quay gà quay, giả lựa chọn con này nắm kéo con kia, liếm mỡ dính tay cho đã rồi đem về con gà con vịt chỉ còn bộ xương dưới lớp da khô đét, mỡ và thịt ai kia đã rút rỉa hết rồi! Nghĩ cũng thẹn cho con nhà văn trói gà không chặt, phải giả dại qua ải lúc thế bọn ấy đang mạnh, đợi đến nay chúng đã cút mất, mới dám nói ngay sự thật (tr.418).
4. 4] Lão Phật Gia: tiếng tôn xưng Từ Hy.
5. Vương Hồng Sển cương ẩu. Đời Thanh chia

Trung Hoa làm 22 tỉnh chớ không phải 18, gồm: Trực Lệ, Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Liêu Ninh, Cát Lâm, Hắc Long Giang, Giang Tô, An Huy, Giang Tây, Phước Kiến, Chiết Giang, Hồ Bắc, Hồ Nam, Thiểm Tây, Cam Túc, Tân Cương, Tứ Xuyên, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu.

6. Gia 爺 có nhiều nghĩa: 1) Là tiếng con dùng để gọi cha; 2) Tiếng cháu gọi ông nội; 3) Tiếng hậu bối tôn xưng bực trưởng thượng; 4) Tiếng xưng hô dùng chỉ quan trên, thượng cấp hoặc ông chủ mình; 5) Tiếng xưng hô với thần minh (như ông trời còn được gọi là Lão thiên gia 老天爺, thần tài là Tài thần gia 財神爺). Ở đây, tụi Thiên Địa hội dùng theo nghĩa thứ tư.
   Nhân tiện nói thêm: Ở Nam kỳ Lục tỉnh, dân quê thường gọi cha mình là tía. "Tía" này chính là mượn từ tiếng Tiều (Gia theo nghĩa thứ nhất). Tới nay, miệt miền Tây vẫn còn dùng tiếng "tía".
7. "Áo bà Nhu" là tên gọi phổ biến của dân miền Nam thời đó. Vài chục năm sau, có tụi xàm xí mứng nổi máu sĩ diện cách mạng củ nừng, không muốn gọi hai tiếng "bà Nhu", chúng nói tránh đi thành "kiểu áo dài Trần Lệ Xuân"!
8. Trong "Hơn nữa đời hư", mỗi lần nhắc tới bà Nhu là Vương Hồng Sển lại buông lời miệt thị, đay nghiến thậm tệ.
   #Vương_Hồng_Sển #Hơn_nửa_đời_hư

CÁC -ISM TRIẾT HỌC
(PHIÊN BẢN TỐI GIẢN)

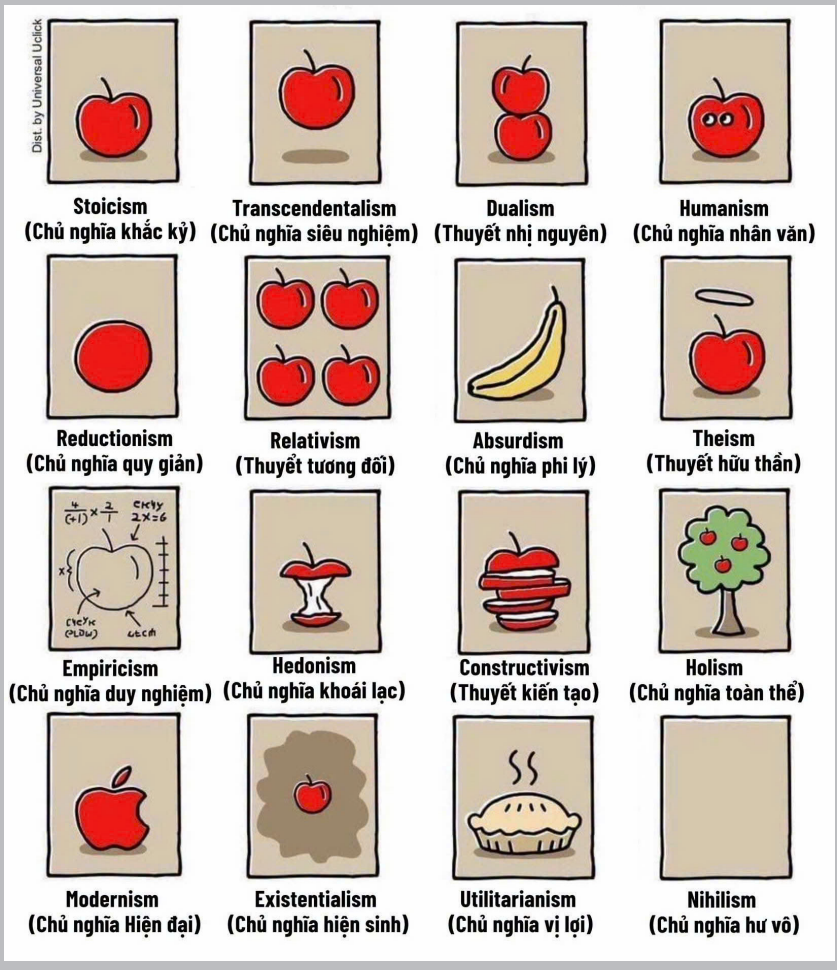

HỒI ĐÓ

LÊ HỒNG BẢO SB72

Lần hồi ta tìm ta hồi đó
Thênh thang nắng sớm ngóng mưa chiều
Chưa kịp đón dáng ai qua ngõ
Buồn chân khăn gói trốn mất tiêu!

Hồi đó ta tập tành hảo hán
Đi hoài chẳng gặp Kiều Nguyệt Nga
Đã lắm lần bươu đầu sứt trán
Nhìn mình cứ tưởng tắc kè hoa...

Hồi đó ta cười ta nông nổi
Chẳng thèm suy tính chuyện thiệt hơn
Bi - Hài tập tễnh đời sân khấu
Khép tấm màn nhung – rạp trống trơn.

Hồi đó ta gặp ta lang bạt
Xôi mè, cơm tấm cứ cầm hơi
Sân ga chẳng cần ai đưa tiễn
Bận lòng chi kể kiếp rong chơi!...

Hồi đó ta tha hồ bầu bạn
Đứa già đứa trẻ đứa choai choai
Áo bạc vai sờn ai mua bán?
Cho hết tâm tư lẫn hình hài…

Hồi đó đâu hay ta mắc nợ
Nụ cười bẽn lẽn thuở giao mùa
Má thắm môi hồng ươm nắng Hạ
Bất chợt Thu về mắt ướt mưa…

Hồi đó ta lêu bêu lắm nỗi
Nghẹn ngào thế sự chực chìa vai
Mỉa mai giễu cợt đời quen thói:
“Giang sơn đâu phải của riêng mày!”

Chạnh lòng ta thèm ta hồi đó
Lì lợm, ngang tàng đến hụt hơi
Mặc kệ tai bay hay vạ gió
Ta vẫn cứ ta… một trận cười!

Vọng 60 năm SB67

ẢNH NGUYỄN TRỌNG HƯƠNG SB67










MỪNG ANH EM
CCS SAO BIỂN
VỀ CÂY VÔNG DỰ HỘI NGỘ 55 N
(1967-2022)
Cây Vông, ngày 18/06/2022
























QUANG VINH
Hotel

ĐẤT THÁNH
(LOẠT PHÓNG SỰ XƯA NAY VỀ OSAKA)

THẾ HY SB71

Minh Trí Ngọc, Akechi Tama bước chân vào dinh thự nhà Hosokawa (Tế Xuyên) năm mười lăm tuổi. Cuộc hôn nhân dưới sự sắp đặt của lãnh chúa Oda Nobunaga. Trong vài năm ngắn ngủi, họ sống với tình yêu tĩnh lặng.

Một đêm tháng Sáu năm 1582, cha nàng, Akechi Mitsuhide, tạo phản lãnh chúa Oda. Trong khoảnh khắc đó, cái tên của phu nhân Tama biến thành một vết nhơ. Tadaoki không muốn giết bà để giữ danh dự võ sĩ đạo theo truyền thống, ông giấu bà, đưa vào vùng núi sâu hẻo lánh Midono.

Ở nơi chỉ có tiếng gió rít qua kẽ lá và tuyết trắng phủ dày suốt mùa đông, Tama học cách đối diện với sự cô đơn mòn mỏi. Bà bắt đầu lắng nghe những thanh âm từ bên trong tâm hồn mình.

Hai năm sau, khi được đón trở về Osaka, bà sống trong dinh thự ở Tamatsukuri rộng lớn của chồng nhưng ngột ngạt như một chiếc lồng son được canh giữ. Trong khoảng trống mênh mông của sự giam cầm tinh thần ấy, bà tìm thấy đức tin Kitô giáo; xin rửa tội và mang tên thánh Gracia dưới sự chống đối khe khắt của chồng. Tên gọi mới mang lại cho bà một khoảng trời tự do vô hình mà không bức tường đá nào ngăn cản được.

Mùa hè năm 1600, chiến trường Sekigahara gọi lãnh chúa Hosokawa Tadaoki lên đường. Ông theo quân miền Đông của Mạc phủ Tokugawa, chống lại Toyotomi. Chẳng bao lâu sau, quân đội của Cận thần Ishida đang phò thiếu vương nhà Toyotomi bao vây dinh thự Tamatsukuri, muốn bắt phu nhân Tama làm con tin. Lửa bắt đầu bén vào những bức rèm lụa. Khói đen cuộn lên, che khuất bầu trời Osaka.

Bên ngoài cánh cửa gỗ, tiếng hò reo của binh lính và mùi khói khét bắt đầu len qua từng khe hở.

Trong căn phòng tĩnh lặng giữa tâm bão, Gracia đặt tay lên chuỗi tràng hạt giấu trong lớp áo kimono lụa trắng. Bà không cảm thấy sợ hãi, cũng chẳng còn chút vướng bận nào với thế gian ngoài kia. Bà lặng lẽ gửi

lời từ biệt cuối cùng đến cuộc đời ba mươi tám năm đầy sóng gió và trả lại cho nhà Hosokawa danh dự mà họ hằng tôn thờ. Đức tin cấm bà tự sát, nhưng danh dự của một người phụ nữ dòng dõi võ sĩ không cho phép bà khuất phục. Cánh cửa trượt mở ra, ánh lửa bập bùng phản chiếu trên lưỡi trường thương lạnh lẽo. Gracia khẽ mỉm cười, cúi đầu đón nhận một nhát đâm từ người gia nhân thân tín. Ngọn lửa nuốt trọn dinh thự. Mọi thứ tan vào tro bụi.

Chiến thắng ở Sekigahara mang lại cho lãnh chúa Hosokawa Tadaoki danh vọng và lãnh địa rộng lớn, nhưng khi vó ngựa dừng lại trước cổng dinh thự Tamatsukuri, tất cả vinh quang ấy bỗng chốc nhẹ bẫng như sương khói. Trước mắt ông chỉ là một khoảng không gian xám xịt, phẳng lặng.

Tadaoki đứng bất động rất lâu, chạm những ngón tay chai sạn vào lớp tro nguội lạnh. Cả đời ông đã tìm cách giam giữ Tama sau những bức tường cao của Tamatsukuri, nhưng chính ngọn lửa này đã giải thoát cho bà, đưa bà đến một nơi thánh thiêng mà ngay cả thanh kiếm của ông không bao giờ chạm tới.

Thời gian lặng lẽ phủ lên vết thương của lịch sử. Vùng đất Tamatsukuri nơi vốn mang ý nghĩa "Tạo ngọc" tưởng chừng đã chôn vùi

mãi mãi câu chuyện về viên ngọc quý mang tên Tama.



Thánh đường Tamatsukuri. Hình: Thế Hy

Nhưng hạt giống đức tin gieo xuống từ tro tàn chưa bao giờ tắt. Năm 1894, ngay trên mảnh đất cũ của dinh thự nhà Hosokawa, một ngôi thánh đường nhỏ mang tên Thánh Agnes đã được dựng lên. Dù đến năm 1945, ngọn lửa chiến tranh một lần nữa ập xuống và thiêu rụi ngôi nhà thờ ấy, sự hồi sinh vẫn không ngừng tiếp diễn. Năm 1949, nhân kỷ niệm 400 năm ngày Thánh Phanxicô Xaviê đặt chân đến Nhật Bản truyền đạo, một ngôi thánh đường tạm đã được tái dựng từ đống đổ nát. Và rồi đến năm 1963, ngôi Đại thánh đường Maria uy nghiêm chính thức được hoàn thành, sừng sững như một biểu tượng bình yên giữa lòng Osaka hiện đại.



Tượng đá của phu nhân Gracia. Hình: Thế Hy

Ngày nay, ngay trước sân tiền sảnh của Đại thánh đường, bức tượng đá của phu nhân Gracia đứng lặng lẽ như một góc nguyện cầu thanh tịnh, gợi nhắc người qua lại về một chứng nhân đức tin kiên trung. Bước vào bên trong không gian thanh mịch của nhà thờ, ánh nắng chiều xuyên qua những ô cửa kính màu đổ xuống nền đá lạnh

những vệt sáng dịu dàng. Trên bức tường chính, bên cạnh bức họa Đức Mẹ hiển vinh là bức tranh khắc họa hình ảnh phu nhân Hosokawa Gracia bình thản trước giờ phút lâm chung, người phụ nữ đã trở thành biểu tượng hào hùng trong tâm thức các tín hữu Công giáo vùng Đại Bản.

***

Cách đó chỉ vài bước chân, nằm nép mình bên chiếc giếng cổ Việt Trung Tĩnh phủ đầy rêu xanh, là tấm bia tưởng niệm nơi Bà Gracia đã hy sinh. Viên ngọc của quá khứ đã tan vào ngọn lửa, nhưng còn đó những dòng thơ khắc họa.

散りぬべき 時知りてこそ 世の中の
花も花なれ 人も人なれ
Chỉ tới khi biết rõ
thời khắc mình tàn phai,
Hoa mới trở thành hoa,
Và người mới là người.
(Hy Nguyễn phỏng dịch)

Chú thích thêm: Sau cái chết của bà Gracia và với chiến thắng Sekigahara, lãnh chúa Hosokawa Tadaoki không quay về sinh sống tại dinh thự Tamatsukuri đã bị thiêu rụi hoàn toàn trong biến cố năm 1600. Ông được

Mạc phủ Tokugawa ban thưởng lãnh địa lớn ở vùng Buzen (nay thuộc tỉnh Fukuoka và Oita), sau đó gia tộc chuyển hẳn về cai trị vùng Kyushu. Tuy nhiên, ông đã tổ chức tang lễ trọng thể cho bà tại Osaka (ở một ngôi chùa tại Sakai) dưới sự chủ trì của linh mục Dòng Tên trước khi rời khỏi vùng này.

Phần đất dinh thự xưa của gia tộc Hosokawa trở thành tài sản của Giáo hội Công giáo nhờ quá trình mua lại đất đai kéo dài qua hai giai đoạn lớn vào cuối thế kỷ 19 và sau Thế chiến thứ hai.

Sau khi Nhật Bản bãi bỏ lệnh cấm đạo vào năm 1873, các nhà truyền giáo thuộc Hội Thừa sai Paris (MEP) tìm kiếm đất đai tại khu vực Tamatsukuri để lập cơ sở giáo dục và bác ái. Khoảng năm 1893, Giáo hội lập cơ sở nuôi dạy và chăm sóc trẻ em mang tên Joseph Chiiku-in (Viện Dưỡng dục Thánh Giuse) tại đây, và đến năm 1894 thì mua được phần đất trên nền khu vực dinh thự cũ để xây dựng Nhà thờ Thánh Agnes (tiền thân của nhà thờ Tamatsukuri).

Năm 1945, bom đạn chiến tranh thiêu rụi hoàn toàn ngôi thánh đường cũ cùng khu dân cư xung quanh.

Sau chiến tranh, Giám mục giáo phận Osaka lúc bấy giờ là Đức cha Yoshigoro

Taguchi (sau này là Hồng y) đã sử dụng nguồn quỹ viện trợ từ châu Âu và Hoa Kỳ để thu mua lại từng mảnh đất nhỏ xung quanh khu vực này.

Việc kiên trì gom mua lại toàn bộ khu đất rộng lớn này nhằm mục đích xây dựng một ngôi nhà thờ chính tòa xứng tầm cho giáo phận, đồng thời bảo tồn và tôn vinh chính mảnh đất thiêng nơi bà Hosokawa Gracia đã sống và giữ trọn đức tin Công giáo cho đến lúc qua đời.



Nhà thờ Chính tòa Đức Bà Maria Osaka (Tamatsukuri). Hình: Thế Hy

Nhà thờ Chính tòa Đức Bà Maria Osaka (Tamatsukuri) là một kiệt tác giao thoa độc đáo giữa kiến trúc thánh đường hiện đại

phương Tây và nghệ thuật hội họa truyền thống Nhật Bản. Điểm nhấn linh thiêng và nổi bật nhất bên trong thánh đường là bộ ba bức tranh tường khổ lớn do danh họa Nhật Bản Domoto Insho sáng tác vào năm 1963.

Họa sĩ bậc thầy của dòng tranh truyền thống Nhật Bản (Nihonga) Domoto Insho (1891–1975) đã thực hiện ba tác phẩm này ở tuổi 72 theo phong cách hội họa thời Azuchi–Momoyama (thế kỷ 16) đầy rực rỡ.

Nhờ công lao sáng tạo kiệt tác này, ông đã được Giáo hoàng Gioan XXIII trao tặng huân chương cao quý.

- Bức đại bích họa Đức Maria Vinh Hiển (Chính diện cung thánh). Nằm ngay phía sau bàn thờ chính, tác phẩm khắc họa Đức Mẹ bồng Chúa Hài Đồng trong bộ kimono truyền thống Nhật Bản (kosode và uchikake) thêu hoa văn lộng lẫy, ngự trên đám mây ngũ sắc thay vì ngai vàng châu Âu. Xung quanh Đức Mẹ là các thiên thần và tín hữu Nhật Bản mặc trang phục cổ thời Chiến quốc.

- Bức tranh Những ngày cuối cùng của bà Gracia (Cánh phải cung thánh). Tác phẩm tái hiện khoảnh khắc bi tráng năm 1600 ngay tại chính mảnh đất này. Bà Hosokawa Gracia mặc bộ kimono gấm vóc quỳ trước

cây thánh giá nhỏ trong căn phòng rực lửa, ngước nhìn lên ánh sáng thiên đàng cầu nguyện lần cuối trước khi vị gia thần bước vào từ cửa kéo để giúp bà giữ trọn danh dự.



Bức tranh Những ngày cuối cùng của bà Gracia. Hình: Thế Hy

***

Chuyến lưu đày tới Luzon của Takayama Ukon (Cánh trái cung thánh). Bức họa mô tả cảnh lãnh chúa Takayama Ukon đứng bên bến tàu chuẩn bị lên thuyền đi lưu đày sang Philippines vào năm 1614. Ông mặc trang phục võ sĩ đạo thanh tao, bình thản ngoái nhìn lại quê hương lần cuối bên cạnh các linh mục và tín hữu cùng cảnh ngộ.

***

Lãnh chúa Takayama Ukon (1552 – 1615) - Chân phước Justo Takayama Ukon là một Đại danh (Daimyo, giai cấp lãnh chúa đứng đầu một số Samurai). Sinh ra trong gia đình theo đạo từ nhỏ tại vùng Takatsuki (nay thuộc tỉnh Osaka), ông là vị tướng thiện chiến dưới trướng Oda Nobunaga và Toyotomi Hideyoshi. Khi Hideyoshi ban hành sắc lệnh trục xuất các nhà truyền giáo và ép các lãnh chúa bỏ đạo vào năm 1587, Takayama Ukon đã dứt khoát từ bỏ toàn bộ lãnh địa rộng lớn của mình thay vì chối bỏ Chúa.

Sau khi mất hết địa vị, ông sống cuộc đời thanh bần tại vùng Kaga (tỉnh Ishikawa ngày nay) dưới sự che chở của gia tộc Maeda. Ông không chỉ giữ vững đức tin cho bản thân mà còn cảm hóa được nhiều quý tộc khác tìm hiểu đạo, trong đó có chính lãnh chúa Hosokawa Tadaoki (chồng bà Gracia) từng rất kính trọng nhân cách của ông.

Năm 1614, Mạc phủ Tokugawa ban hành lệnh cấm đạo triệt để trên toàn quốc và trục xuất Takayama Ukon cùng khoảng 300 tín hữu sang Philippines. Kiệt sức vì tuổi cao và hành trình vượt biển gian khổ, ông qua đời tại Manila vào tháng 2 năm 1615 chỉ 40 ngày sau khi đặt chân đến đây, và được

chính quyền Tây Ban Nha tổ chức tang lễ trọng thể như một vị thánh tử đạo.

Vào ngày 7 tháng 2 năm 2017, Giáo hội Công giáo đã chính thức cử hành lễ phong Chân phước cho Takayama Ukon tại Osaka, ghi nhận ông là vị tử đạo vì đức tin của Nhật Bản.



Giếng nước Việt Trung. Hình: Thế Hy

LÊ HỒNG BẢO SB72

Có một người đi về phía biển
Chỉ để nghe tiếng sóng chạm bờ
Chỉ để nhốt trùng khơi vào đáy mắt
Để bước chân trần chạm cõi hoang sơ

Có một người đi bên cạnh đại dương
Như sóng đôi cùng bạn bè muôn thuở
Buồn – Vui - Giận - Hờn được chăng hay chớ
Triệu năm rồi biển vẫn cứ màu xanh

Có một người tránh né mọi đua ganh
Bởi thấy mình thật nhỏ nhoi trước biển
Mặc kệ những dối gian - lưu manh - đê tiện
Biển cứ lặng thầm nuốt mặn đắng vào trong

Có một người giống hệt kẻ đi rong
Không cầu mong những điều phù phiếm
Bước ngang đời không cần giấu diếm
Thân phận mình chỉ là kẻ đi rong...

CÓ MỘT NGƯỜI...

MÀU ĐEN TRONG ẨM THỰC

NGỮ YÊN SB67

Đen tượng trưng cho bóng đêm, nhưng đen trong thực phẩm sáng lóng lánh. Ấn tượng đen để lại trong tôi là chuyến thăm viếng vua Solomon của nữ hoàng da đen Sheba.

Đệ nnhất danh nấm Sheba

Câu nói nổi tiếng của bà làm đậm thêm ấn tượng thuở mới lớn của tôi: "Em tuy đen, nhưng em xinh" (Nigra sum sed formosa). Tất nhiên, Formosa này không có nghĩa là tai họa như mới đây. Câu nói trên được cho là của nữ hoàng Sheba.

Sách Kebra Nagast (Vinh quang của Đức vua) của Ethiopia ghi lại truyền thuyết cho rằng nữ hoàng này tên cúng cơm là Makeda. Trong câu chuyện giữa bà và Solomon, bà đã thốt lên một câu: "Về phần mình, thần chỉ

ước sao thần có thể trở thành một tỳ nữ nhỏ bé nhất của ngài, để thần có thể rửa chân cho ngài, lắng nghe trí tuệ của ngài, thấu hiểu sự thông tuệ của ngài, phục vụ uy nghi của ngài và tận hưởng trí tuệ của ngài."[1] Nói vậy là biết nàng điếu đổ chàng cỡ nào.

Nên tôi đã gọi món mắm mực là mắm Sheba, tuy đen nhưng ngon. Nhưng mắm mực sẽ nói ở sau.



Nấm truýp vỏ đen lòng trắng được ví như kim cương trong ẩm thực. Hình: Tư liệu

Tôi bắt đầu với cái ngon của nấm truýp đen. Gọi nấm Sheba chăng? Nhưng cái ngon này chỉ là hàm thụ từ sách vở, chớ tôi cỡ nào mà đoái tưởng đến nó, với giá từ 1.000 đến 2.000

euro/kg. Đầu tiên, người ca ngợi nấm truýp là nhà khẩu vị học Jean Anthelme Brillat-Savarin. Khi nói đến thứ nấm này, ông lại ca ngợi nấm truýp sa mạc ở Lybia là nhứt hạng. Nhưng nấm này, tuy là vàng của châu Phi, nhưng không phải màu đen, không nằm trong ẩm thực phổ của bài này.

Brillat-Savarin phong cho nấm truýp là "viên kim cương của nhà bếp"[2] (Kim cương này mà chứng thực ở PNJ, coi như tác giả câu nói nổi tiếng "*Hãy nói cho tôi biết bạn ăn gì, tôi sẽ nói cho bạn biết bạn là ai*" chết toi). Nhưng món mà ông khen lấy khen để là món gà Tây nhồi nấm truýp đen, tôi chưa được ăn, nhưng bất phục. Lý do là thịt gà Tây dở òm. Không lẽ nhờ nấm truýp mà gà tây là chú vịt xấu xí bỗng thành thiên nga! Nhưng tôi vẫn cho rằng việc phong thần cho nấm truýp của ông là úy tín nhứt. Tạm bỏ qua chuyện *à la mode* chắc thời của ông ai không ăn gà tây sẽ không lớn mãi thành "tinh hoa".

Phải mà nấm truýp nấu với gà kiến Việt Nam, chắc thịt gà thơm ngon không biết cỡ nào mà tả.

Brillat-Savarin còn một hai khẳng định nấm truýp có đức tính ân ái. Theo ông, khám phá này dẫn dắt ông đi thỉnh ý quý bà. Ai

cũng lẫn tránh câu trả lời. Chỉ có một quý bà kể lại chuyện bà ta suýt lâm nạn ngoại tình với một anh bạn của chồng trong một bữa ăn nấm truýp nhồi gà vỗ béo Bresse. Bữa đó ông chồng đi phương xa làm ăn. Bạn muốn đọc câu chuyện đó có thể tìm sách trong phần chú thích có dẫn.

Nhà khẩu vị học viết xuống một câu: "Nấm truýp là một chất kích dục thực thụ, và trong những hoàn cảnh nhất định, nó làm cho phụ nữ hiền thục hơn, và đàn ông dễ mến hơn."

Theo ông, nước Pháp, nơi có sản lượng nấm truýp cao nhất hiện nay, nấm truýp ngon nhất đến từ Périgord và vùng thượng Provence. Có lẽ vậy nên món "Truffes à la provençale" *được ông thần khẩu vị khen ai nghe nói tới mà không chảy nước miếng. Đó là* món trứng bác nấu cùng nấm tr*úyp* đen hay còn gọi là *rabasse*—trong đó trứng được ủ hương nhờ tiếp xúc với nấm truýp, kết hợp cùng một chút bơ, muối, tiêu và đôi khi thêm chút tỏi hoặc kem tươi.

Ai cũng khen nấm truýp thơm lừng một thứ mùi gộp chung từ xạ hương, rễ cây phơi sương và lá rừng rụng, mùi đất. Thoáng hương sô cô la.

Trong cuốn Đại tự điển Ẩm thực, Alexandre Dumas ghi nhận về loài nấm này:

"Chúng ta giờ đây đã đến với chốn thiêng liêng nhất của những nhà thuật ẩm thực, đến với cái tên mà không một người sành ăn nào xướng lên mà không chạm tay lên mũ.

"Những bậc thông thái nhất đã được hỏi về bản chất của loại củ này, và sau hai ngàn năm tranh luận và thảo luận, câu trả lời của họ vẫn y hệt như ngày đầu tiên: chúng ta không biết. Bản thân những quả nấm truýp cũng đã bị chất vấn, và chúng chỉ trả lời đơn giản: hãy ăn chúng tôi và ngợi ca Chúa."[4]

Đến nay, người ta được biết nấm truýp đã tồn tại và tiến hóa trong tự nhiên từ hàng triệu năm trước. Theo các nghiên cứu và quá trình giải mã bộ gen vào năm 2010, môi trường sống của nấm truýp đen, đặc biệt là loại "*Tuber melanosporum*" tập trung chủ yếu ở Nam Âu, gồm Tây Ban Nha, Pháp, Ý và Croatia. Đây được cho là những khu vực mà các loài cây cộng sinh đã trú ngụ trong Kỷ Băng hà gần đây nhất nơi rễ các cây túc chủ – sồi, phỉ, dẻ gai, v.v. Nấm mọc sâu dưới đất và phát triển qua hình thức cộng sinh với rễ cây túc chủ.

Nấm truýp bên Pháp nổi tiếng ngon và giá bán trồi sụt thất thường. Mùa vụ của nấm do bất canh nên ngẫu thu. Nói như Dumas "hãy ăn chúng tôi và ca ngợi Chúa."

Thế là xảy ra vụ rửa nấm, như kiểu người ta rửa tiền. Bên Tàu, có một loại nấm giống y chang nấm truýp có tên khoa học là Tuber indicum – tạm gọi là nấm củ Tàu – giá trị như thau so với vàng. 30-100euro/kg so với 1.000-2.000euro/kg. Nhiều đường dây tải nấm của Tàu về trộn với nấm truýp của Pháp và đàng hoàng đóng mác Made in France. Trời còn độ cho gian thương khi chúng đem trộn Joséphine với Dương Quý Phi. Dương Quý Phi nhanh chóng nhiễm mùi cực thơm của Joséphine. Không biết đến mũi chó có phân biệt được không. Không biết chó hải quan Pháp có ngậm phong bì không. Ngày lâu lắc người ta dẫn heo vào rừng săn nấm, nhưng heo săn nhiêu ăn hết nhiêu. Thế là chó phải vào cuộc. Chó không ăn nấm, chỉ ăn cái gì khác thôi.

Ai đã có duyên thực nấm Sheba, xin chia sẻ cùng Yên này.

Chú thích

1. *Kebra Nagast* (Vinh quang của Đức vua), Thu thập, biên tập và dịch sang tiếng Anh bởi Miguel F. Brooks, The Red Sea Press, Inc., 1995, trang 24.
2. Jean Anthelme Brillat-Savarin, The Physiology of taste, MWP version, 2025, trang 158.
3. Sđd, 159-162

4. Alexandre Dumas, Le Grand Dictinonnaire de Cusine (bản tiếng Anh do Louis Colam, biên tập, giản lược và dịch), Routledge, trang 245-247

Bánh kẹo sheba xứ Việt

Muốn ăn bánh ít lá gai
Lấy chồng Gia Lái sợ dài đường đi

Do đất trời chuyển dịch, nên phải chỉnh câu ca dao bằng phép ngữ pháp bút tre cho nó đúng thời cuộc. Chớ nguyên cẩu là "Lấy chồng Bình Định", mà Bình Định giờ đã mất tên.

Có ca dao làm cho người ta dễ nghĩ rằng bánh ít lá gai gốc ở xứ nẫu. Anh thơ đồng Gemini của tôi cũng mở miệng ra là một hai bánh ít lá gai quê ở miền Nam Trung Phần.

Còn nhớ hồi nhỏ, mỗi lần xe đò dừng nghỉ cho khách xả nước cứu thân ở Hố Nai, Biên Hòa (của hồi nhỏ, bây giờ không biết là gì), hàng chục mâm bánh ít lá gai đội trên đầu chào khách trên xe. Bánh ít lá gai Hố Nai gốc Bắc là chắc. Nó hình vuông cạnh cỡ chừng tám, chín phân, dày non phân rưỡi, gói lá chuối, mặt trên có dán miếng nhãn đỏ. Lâu quá không nhớ miếng nhãn ấy ghi những gì.

Trời ạ! Hồi đó thèm cái bánh ít lá gai gì đâu. Nhưng nhà kém điều kiện, mỗi đứa chỉ

được chia nửa cái. Còn nhớ bánh có lớp vỏ đen bóng bên trong là nhưn đậu xanh giã nhuyễn trộn dừa nạo ngào đường. Còn nhỏ, sức đang lớn, đứa nào chẳng khoái béo của dừa, bùi của đậu và ngọt của đường.



Bánh ít lá gai Bình Định khét tiếng. Hình: Tư liệu

Hố Nai có nhưng chẳng hiểu sao bánh ít lá gai Bình Định lại đi vào ca dao thành một cách siêu tiếp thị miễn phí cho xứ nẫu. Nhưng quanh đi quẩn lại, nó chỉ là một phiên bản như tôi từng được ăn ở Hố Nai. Có lẽ do người xứ nẫu đưa món bánh này vào bất cứ sự kiện gì trong xóm làng. Tần suất xuất hiện nhiều trong đời sống giúp cho nó đi vào ca dao. Bánh được gói theo dạng kim tự tháp như nhiều loại bánh ít và bánh bá

trạng của người Việt và Hoa. Kim tự tháp có lẽ là biểu tượng cho sự bền vững, ổn định. Đương nhiên là ổn hơn kiềng ba chân.

Nhưng hỏi lại bánh ít lá gai hà phương gốc? Ngọng, vì chẳng có manh mối gì trong lịch sử. Sách nói về bánh xưa nhứt là cuốn từ điển Hán Nôm "Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa" có nói đến quyển bính (bánh cuốn), họa bính (bánh vẽ), nhưng chẳng thấy nói đến trữ ma bính – bánh ít lá gai xứ nẫu hay bánh gai xứ Bắc.

Lá gai là lá to như bàn tay, có hình trái tim được trồng làm nguyên liệu, mọc nhiều bên Tàu và Đông Nam Á. Người ta hái những lá xanh sẫm, tước bỏ cọng đem luộc và xay/giã nhuyễn, vắt lấy nước để trộn với nếp. Thêm nước tro tàu, giúp bánh không bị khô cứng, lên màu.

Người Tàu và người Hàn cũng dùng lá gai như một chất tạo màu trộn vào bột. Bánh Tàu gốc Hẹ làm bằng bột nếp có tên là Thô Diệp Bản (粗叶粄) cũng tạo màu bằng lá gai nhưng chỉ đạt tới độ xanh thẫm. Cũng vậy bánh bán nguyệt Songpyeon của Hàn Quốc làm từ bột gạo ăn trong dịp tạ ơn sau mùa gặt nhằm vào trung thu, cũng dùng lá gai tạo màu xanh thẫm. Chỉ có Việt Nam đặc biệt là tạo được màu đen huyền, được nước

tro tàu nhuận sắc thêm, nghe đâu là vậy.

Buồn một nỗi là bánh của Tàu và Hàn xuất hiện trong văn bản Tiếng Anh khi tra cứu lá gai, nhưng chẳng nói gì đến bánh ít lá gai của người Việt.

Bạn ăn bánh đã rồi. Mời ra uống nước trà với thèo lèo cứt chuột. Một loại kẹo cũng đen thui như nữ hoàng Sheba. Kẹo này có sắc đen nhờ vào nguyên liệu mè đen. Tên của nó nguyên là trà liệu (茶料), người Tiều đọc là "tề liếu"/ "tề léo", người Việt nghe thành "thèo lèo". Món này là một trong những "liệu" dùng để nhâm nhi khi uống trà. Chữ "cứt chuột" kèm theo có lẽ là sự phát minh của "GenZ" thuở xưa bây giờ đã già đầu, theo kiểu xem hình bắt dáng.

Người ta rang mè đen cho đến khi lỗ mũi nhận ra đúng là hương mè là bắc xuống để nguội. Sau đó thắng đường thật khéo để làm thành một thứ "xi măng" gắn kết các hột mè với nhau và tạo hình thành những thỏi hình trụ vuông bề ngang.

Hồi xưa, thèo lèo cứt chuột thường được làm và đem cúng ông Táo về Trời. Ông Táo quanh năm ở dưới bếp, lọ nghẹ lấm lem, nên thèo lèo đen thui coi như là hình tượng để tưởng niệm ông.

Bây giờ thèo lèo đã bị các loại bánh chế

biến sâu "cáp duồn" (chặt đầu). Có giai thoại cho rằng thời xưa, người ta làm thèo lèo bằng đường thảo mộc. Nhưng giai thoại này không khớp ở chỗ "thèo lèo" là gốc Tàu. Người Tàu không thể đem món này qua đây thời Lê Trung hưng như giai thoại kể mà không nêu nguồn.

Ngoài bánh kẹo, người Việt trong các dịp lễ, hội, còn có món xôi nếp than hay xôi nếp quạ. Có giống nếp đen như quạ ở một số vùng miền xứ ta, người Việt không đem làm bánh mà chỉ nấu xôi đãi khách vào những dịp có sự kiện.

Nếp quạ hay nếp than còn là nguyên liệu để chưng cất rượu. Nhưng thôi để nói vào bài khác.

Màu đen là của bóng tối, của chết chóc, nhưng lại đầy dẫy trong ẩm thực là thứ tồn sinh. Như là một thứ mỹ học của cái xấu.

Một chút bóng tối trong cái chai

Ông bạn từ bóng tối trong buồng bước ra ngoài phòng khách nhiều ánh sáng tay cầm một tiểu bóng tối.

Đó là chai rượu nếp than chưng cất từ giống nếp cố tình "không tên Vũ Thành An" của nhà nông phiệt cây lúa Hồ Quang Cua.

Noah, sau trận đại hồng thủy, làm nông và trồng một vườn nho. Một hôm ông tình cờ thử cái nước lên men từ những trái nho chín và say mèm nằm tênh hênh không quần áo. Con trai thứ là Ham nhìn thấy cảnh tượng ấy, liền ra kể cho hai người anh em bên ngoài là Sem và Gia-phết. Hai người mới lấy một chiếc áo choàng đi giật lùi vào lều để đắp cho cha, tránh nhìn tình trạng lõa lồ của phụ thân… Lúc tỉnh dậy, hay chuyện, Noê đã chúc dữ cho Ham. Thiệt là một hậu quả nặng nề của kẻ tuy không gây tai nạn như tài xế BMW nọ mà thấy kẻ gặp sự cố cần giúp đỡ lại bỏ đi.

Lúc tỉnh dậy tôi quờ tìm khắp chỗ nằm, đương nhiên không phải tìm nước mưa như nhạc sĩ sọc dưa nọ mà tìm cái Note 20. Tâm trạng hoàn toàn bối rối, tuột không còn chút "mood" nào.

Hậu quả không nói, nhiều người cũng đoán ra là do người em nếp than tửu Hồ Quang Cua, em giả ngoan hiền dưới lớp điêu ngoa như người em gái Bắc của Nguyễn Tất Nhiên (Em cứ điêu ngoa nhưng giả bộ ngoan hiền).

May quá, cuối cùng thánh Antoine de Padoue cũng linh ứng cho tôi nghĩ đến hốc kẹt bên hông xe. Và tìm thấy trong đó. Những báo động các mật khẩu mật khiết về

gia đình, được phục hồi lại. Tôi xuống xe, mood bật lên lại cao ngất.

Mà cái rượu màu tía đen ấy ngon thiệt. Vừa thơm vừa ngót ngót vừa nồng. Người nấu rượu cho bác Cua thông tin, ngọt tự nhiên không chao đường, chỉ dùng men Khmer. Chắc cũng phần nào giống men làm cơm rượu. Cơm rượu không phải ngọt như nhiên sao.



Rượu nếp than độ cồn thấp nhưng mau say. Hình: Tư liệu

Là tôi chỉ nhâm nhi chưa tới một xị mà đã đi hầu chuyện đức Khổng tử. Nhà sư hay ngủ gục giữa giờ thiền dùng uyển thành ngữ "đi gặp Đức Khổng tử" để trả lời học trò của ông về chuyện ông ngủ gục. May mà tôi không

hoàn cảnh như ông Noê, không lái xe…

Ở Việt Nam nhiều nơi có giống nếp than nổi tiếng. Phú Thọ có nếp quạ đen. Loại nếp thân cây cao, phải hái chớ không gặt.

Nếp cẩm Tây Bắc, trồng nhiều ở Điện Biên. Hột nếp to, tròn ú, vỏ màu tím sậm nhưng bụng hột thường ngả sang vàng nhạt.

Nếp than Pa Kô và Bru-Vân Kiều gieo dưới dạng lúa nương, khe suối ở Quảng Trị, Quảng Bình. Đây là một giống lúa mùa, sinh trưởng dài ngày.

Nếp than Tây Giang ở Quảng Nam là một trong những giống lúa cổ địa phương cho hột đen dẻo. Nhưng canh tác theo phương thức truyền thống năng suất khá thấp.

Những giống nếp đen dài ngày, năng suất thấp, nếu được tiếp tục giữ gìn tức là giữ được những thứ sản vật đặc hữu của địa phương. Chúng mang trong mình chúng bao nhiêu là lớp thông tin lịch sử hàng ngàn năm.

Ông bạn Tư lúa mùa, một tay học phiệt văn hóa lúa mùa, dưới Cù Là, Rạch Sỏi, buồn bã than: Hồi năm 2018, 2019, em có phục hồi giống nếp than ruột đen, nhưng trổ sớm, chim chuột ăn không còn một hột. Đủ biết lúa nếp than ấy dễ nghe than thở và ngon biết chừng nào.

Chất tạo đen trong lúa hay bắp là anthocyanin – sắc tố chống oxy hóa màu tía đen. Các nhà khoa học phát hiện ra rằng mã gen *Kala4* chủ yếu kiểm soát tính trạng màu đen. Ở lúa đen, vùng khởi động của gen này đã trải qua một đột biến cấu trúc cả ngàn năm.

Tuy nhiên, việc xác định *Kala4* vẫn chưa được khám phá, và cơ chế phân tử cơ bản về nguồn gốc của gạo đen vẫn chưa được làm sáng tỏ hoàn toàn. Ở đây, chúng tôi đã chứng minh về mặt di truyền rằng gen *Kala4* liên quan đến nguồn gốc của gạo đen.[1]

Rượu nếp than ở Việt Nam có hai loại: chưng cất và không chưng cất. Loại thứ nhất được chưng cất như rượu gạo. Nếp được đồ chín và trộn men đều, để một thời gian cho lên men. Rồi đem nấu lấy rượu qua hệ thống ngưng tụ.

Loại thứ hai là làm cơm rượu nếp, sau đó xay nhuyễn trộn vào với nước rượu từ cơm rượu ức ra. Ta có một loại rượu nếp than hơi sánh, khi uống phải lắc đều lên. Mà dân uống rượu thường kỵ lắc. Loại rượu này nồng độ cồn cỡ chừng sake của Nhật hay soju của Hàn. Nhưng coi chừng cái bẫy ngoan hiền như điêu ngoa.

Rượu đi vào thi ca từ rất lâu rồi. Tôi cũng đã lang thang ở miền thi ca lâm tửu này nhiều. Nhưng còn đọng lại là bài hát *Buồn* của Y Vân.

Tôi hay chép lại những bản nhạc cũ cả lời và nhạc. Và đã chép bài *Buồn* của Y Vân, chẳng nói năng gì đến Tạ Ký.

Đại khái: "Buồn như ly rượu đầy không có ai cùng cạn/ Buồn như ly rượu cạn không còn rượu để say/ Buồn như trong một ngày hai đưa không gặp mặt/ Buồn như khi gặp mặt không còn chuyện để vui."

Mấy năm sau, nghe ông bạn Xuân Minh tưởng niệm giáo sư Tạ Ký dạy văn ở Petrus Ký, tôi mới lang thang tìm thử về nhân vật này nghe nói làm thơ hay.

Tôi tìm thấy tập thơ "Sầu ở lại" trong một hình thức tiều tụy. Trong đó có bài thơ "Buồn như", khổ thơ đầu như sau:

"Buồn như ly rượu cạn
Không còn rượu cho say
Buồn như ly rượu đầy
Không còn một người bạn"

Tạ Ký buồn hơn, tuột hết mood khi ông gieo vần tức tưởi như vậy.

Lúc đó tôi mới té ngửa, thì ra ông Y Vân lấy hứng bài *Buồn* của ông từ tứ thơ của Tạ Ký. Có kẻ sau này lên Facebook còn nói một

câu rất kiểu một số người Việt: Nhờ Y Vân mà người ta biết đến Tạ Ký. Lý luận một người nổi tiếng nhờ một người ăn trộm nổi tiếng. Đạo thi ca là thế. Không phải thi ca đạo. Một đằng đạo là động từ một đằng là danh từ. Một đằng là xấu xa, một đằng là cao cả. Kẻ biện minh kia biến một câu chuyện thành bi hài kịch phi thẩm mỹ.

Cuối cùng, phải nói rượu nếp than của người Việt ngon, nhưng chỉ mong nó ngon qua chế biến thủ công, lâu lâu được mời vài ly là quý. Kỹ nghệ hóa nó sẽ đẻ ra nhiều bất cập. Nhứt là lấy rượu "công xy" pha hương nếp và phẩm tía đen vào như bọn nước mắm công nghiệp đang làm.

Chú thích

1. https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC4815089/

Nhớ con mắm mực nhớ cà dĩa xanh

Ông bạn trẻ Trần Gia trương 2 hũ mắm mực lên facebook; qua comment, tôi than: "Thèm thiệt"! Thế là hôm nay ngày 5 tháng 9, ngày Quốc tế từ thiện (International Day of Charity), tôi được từ thiện hai hũ mắm mực, một hũ mắm cái cá cơm và một

chai nước mắm An Dũ đời 3.0 – cái nút đóng chai đã tân tiến hơn.



Con mực còn nguyên màu, nhưng nước đen thu. Hình: Trần Gia

Trở lại với món trân tu mắm mực. Xin nhại lại hai câu âu ca nữ nhơn của nguyên Cu (Q.) Tổng biên tập Sài Gòn Tiếp Thị: "Em ơi em đẹp vô cùng, vì em có cái lạ lùng bên trong": Mắm đen mắm xấu vô cùng, Nhưng em ngon lạ ngon lùng em ơi!

Mắm mực đen thui, có người nhìn thấy đã nhờn nhợn. Vậy mà với tôi, từ lần ăn trước, khi Sài Gòn ngưng phong thành chống dịch Vũ Hán hai tháng, được ăn mắm mực cho tới lần ăn này vùn vụt đã cách bốn thu. Cũng là

mắm mực từ thiện của An Dũ. Mùa dịch Vũ Hán nhiều người dân Sài Gòn có cơ hội ăn qua nước mắm An Dũ từ thiện.

Tập trung tinh hoa trải nghiệm của lần trước, lần này pha mắm xong phải chờ mắm thấm đường để che bớt độ mặn, mới bắt đầu cho gia vị sả, tỏi, ớt. Đặc biệt là cho thêm đậu phộng rang đâm vào chén mắm. Ôi, chén mắm có một hương vị phức cảm dị kỳ. Cà đây em đã sẵn. Mắm mực với cà dĩa là cái ngon nguồn cội mộc mạc thanh bần của người Việt. Nếu bạn còn nhớ đến thứ ngon ấy là cái gốc bạn còn to như cây da tỏa bóng mát mênh mông cho cõi đời thăng trầm khốn khó.

Tây gặp nhau thường phân biệt: mày ăn trưa chưa, mầy ăn tối chưa? Người Việt gặp nhau chỉ độc có: ông/ bà/ cô/ dì/ chú/ bác/ anh/ chị/ em ăn cơm chưa? Dạ, chỉ là cơm với mắm với cà là đã thấy mình tri túc tiện túc.

Tôi ăn mắm và nhớ lại điều mình viết khi chưa đến An Dũ: đó là cửa biển một thời nổi tiếng về hoạt động ngư nghiệp, tàu bè vào ra tấp nập. Nhưng thủy thần tác quái nơi này không ít. Con sông đổ ra cửa này là Lại Giang, sông lớn thứ hai sau sông Côn của tỉnh Bình Định. Người ta biết nhiều đến sông Côn qua tiểu thuyết Sông Côn mùa lũ của Nguyễn Mộng

Giác, tuy rằng Lại Giang mùa lũ nhiều tai ương không kém. Có thể nói cửa An Dũ là cửa biển 'biết đi' và có xu hướng 'đi' về hướng bắc.

Khi đã đến An Dũ, tôi bắt gặp lại cái hệ sinh thái sống của mình ở làng Thanh Hải, Nha Trang, trước nhứt là mùi mặn tanh của gió. Tôi gặp lại những nào là cây bồn bồn, cây hoa bụi ngũ sắc mà thuở nhỏ chúng tôi gọi là cây nho rừng, vì trái chúng chín ăn được tuy nhỏ rứt, cây lưỡi long và đặc biệt là cây thùy dương. Tôi gặp lại Phạm Duy đang nằm trên bãi biển ôm người đẹp của Nha Trang miền thùy dương cát trắng.

Cửa sông An Dũ hỡi ôi đã "thùy" như dương. Chỉ còn hẹp re. Có lẽ An Dũ rồi cũng thương hải tang điền như cảng Nước Mặn!

Tôi nhớ lại sinh thành của mắm mực. Muốn ăn mắm mực ngon phải có trình độ ăn mắm mực. Trình độ ấy không thể nào "trúng số" được mà phải trải nghiệm tích lũy hết lần nầy đến lần khác.

Ngày xưa, mực nhiều đến nỗi mấy ông ngư dân Đầm Môn than như bọng. Mỗi lần chạy ghe ra biển, bật dàn đèn neon mấy chục bóng treo hai bên hông ghe, là mực say ánh sáng như thiêu thân say lửa xáng tới dày đặc bên hông ghe. Phải chi hồi nhỏ tôi say ánh sáng sách vở như chúng!

Mực ấy là mực nhỏ con trung bình hơn/thua cỡ ngón tay chút đỉnh. Họ phải tắt đèn chạy ghe đi nơi khác. Đến khi kiếm được mớ cá tôm, họ mới bắt đầu vớt mực. Rồi về bắc nồi cháo to, cho vào đấy cả rổ mực còn tươi nguyên chẳng rửa ráy gì cả! Nồi cháo đen hơn ông Obama, đen thui.

Một fbooker thấy người ta để cả túi mực khi chế biến đã phải hô hoán lên coi những cách ăn như thế giống thuở hồng hoang. Nhưng phải nói là mực cơm làm túi không xuể nên để luôn cho vào khạp ủ mắm chẳng chết chóc gì. Còn ăn hấp thì cứ để vậy nấu, túi mực tự đông lại khi mực chín. Nói để túi mực cho ngọt là nói lấy được.

Chẳng biết ai là tổ sư bồ đề mắm mực. Có lẽ đâu tận vùng biển xứ Quảng, ra ngoài hơn nữa, biển cạn; có nơi người ta phải đi cà khêu đánh bắt cá. Tổ sư mắm mực phải ở trong vùng biển có mùa mực, tên tôi suy đoán từ xứ Quảng bên này đèo Hải Vân. Nhưng xứ Quảng ấy không thuận cho mắm vì thiếu nắng. Xê vào trong nữa là Bình Định nhờ nắng lên nên má cô em Bình Định hồng mà nước mắm cũng vàng ươm.

Qui luật của hồi xưa là hễ trúng mùa là mực cơm lũ khũ. Ăn không hết, nhứt là vào thời nặng về tự cung tự cấp, thì mực cũng

theo quy luật nằm vào khạp mắm. Muối hai ba lần ăn mắm bắt đầu thấy ngon vì đã chỉnh sửa "muối mực pháp" hay gọi cho sạch sẽ tiếng Hán Việt hơn là "hàm vưu pháp". Ăn càng ngày càng thấy ngon là trình độ ăn mắm mực bắt đầu từ sơ cấp lên dần đến cao cấp. Ông bà ta vẫn dạy "ăn phải học" đó sao!

Cũng như hôm nay khi nhai miếng mắm có pha đậu phộng giã cộng với và cơm (vị ngọt của bột đường), tôi bèn thấy tăng đô ăn mắm mực. Còn cà dĩa phải mua cà già thịt cứng, cà non ăn có hại. Hại như thế nào thì nên hỏi ông bạn Vũ Thế Thành.

Như trên đã nói hễ mực trúng mùa là dội chợ vì giá rẻ, nên tha hồ ủ mắm. Tiếc sao quy luật ấy đã sai. Cũng y như cái tủ lạnh ra đời vẫn không giết được đồ khô và đồ ủ muối, xông khói. Khác gì cái nồi cơm điện ra đời người ta lại nhớ cơm niêu, cơm nấu nồi đồng miếng cháy ngon bể mình. Món mắm mực ngon nên giá mực cỡ nào cũng phải chịu. Mực cơm ngay tại chợ cá Vạn Giã cũng đã 250.000 đồng/kg. Vào Sài Gòn đồng giá nhưng lại kém tươi hơn, nhưng vẫn làm mắm được nếu bạn có máu phiêu lưu như Robinson Crusoë.

Chẳng hiểu tại sao Bình Định món ngon nào cũng đen. Mắm mực đen, tôi cho là thứ

mắm ngon nhứt Việt Nam. Bình Định còn có một món đen thui nữa là bánh ít lá gai. Ai cả gan biểu bánh ít này không ngon? Chỉ có điều cô gái vì phải tật say sóng mới khóc qua câu ca dao kia: "Muốn ăn bánh ít lá gai, Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi!"

Tạ ơn An Dũ, tạ ơn Ngày Quốc tế từ thiện.

Trứng bắc thảo thúi thơm

Trong loạt bài "màu đen trong ẩm thực", lần này tôi tám về cái duyên đen đúa của quả trứng thoạt trông thật khó ưa. Hột dịt bắc thảo.

Bọn tôi thỉnh thoảng ghé vào một cái quán trên đường Hoàng Sa, phía dưới cầu Hoàng Hoa Thám. Món startup bao giờ chúng tôi cũng gọi trứng bắc thảo, tôm khô, củ kiệu.

Ở đây củ kiệu dòn, trứng bắc thảo chắc thịt, tôm khô ngọt đúng bản chất và nghe thoáng hương Cà Mau.

Hồi xuống tận Đất Mũi Cà Mau lần đầu tiên tôi thấy ở mọi nơi cao ráo có chỗ trống là tôm được phơi lềnh khênh. Nhưng chuyện đó chỉ là mở mang con mắt nhiều hơn về cách làm tôm khô miệt cực nam đất nước.

Chuyện ngạc nhiên hơn mới đáng nói. Một quần thể kiến trúc Đất Mũi. Bữa đó đi chung xe hơi với Võ Đắc D. Tôi buột miệng

hỏi: "Ông dân Cà Mau, biết ai xây khu quần thể xấu xí như thế này không? D. nói nhẹ nhàng: "Con vợ kiến trúc sư của thằng Nguyễn Trọng T. chớ ai!"

Có dịp ghé nhà D. uống rượu, thấy nhà treo đầy tranh, tôi hỏi nhỏ Nguyễn Trọng T.: "Ai vẽ tranh mà xấu đớn xấu đau mà thằng D. treo đầy nhà. T. nói lớn, như để trả thù vụ quần thể xấu xí ở Đất Mũi: "Vợ nó vẽ chớ ai, họa sĩ chuyên vẽ tranh chép mà!" Câu chuyện tôm khô Cà Mau đã đi xa như Cà Mau.

Nhơn loại Đông Nam Á biết ăn trứng cầm cách đây khoảng hơn 3500 năm, nhưng phải 3.000 năm sau, tức cách đây 500 năm mới phát minh ra cách làm trứng cầm chín không cần lửa mà bằng cách tạo môi trường kiềm ủ cho trứng chín đến độ lòng trắng trứng đen thui dưới hiện tượng Mallard.

Theo cách làm thủ công truyền thống, trứng vịt sống được áo bởi một lớp hỗn hợp gồm trà, vôi sống, muối và tro bếp, rồi lăn qua trấu để các quả trứng không bị dính vào nhau.

Trong quá trình hỗn hợp vừa kể lên men, natri hydroxít có tính kiềm mạnh hình thành từ hỗn hợp áo trứng tác động xuyên qua vỏ trứng giúp phân giải một số protein và chất béo phức tạp trong trứng, chuyển hóa chúng thành các thành phần đơn giản

và giàu hương vị hơn.

Nói xuyên qua chưa hẳn chính xác. Sau này người ta còn trộn vào hỗn hợp một thứ làm bít kín các lỗ hổng của vỏ trứng, để hạ tỷ lệ trứng bị hư do lớp áo nhiễm vào bên trong vỏ trứng.

Mới đầu ăn, tôi còn lạ lẫm với thứ hương vị của hột dịt bắc thảo. Càng ăn càng thích thứ "của lạ" đó. Cái hương mà mọi người cho là khai mùi nước đái ngựa. Đó là cách so sánh "copy" của nhiều người viết thậm chí còn chưa kinh qua mùi nước đái của con vật ngày càng lùi ra khỏi nền văn minh hiện đại.

Hồi những năm 1990 Sài Gòn còn những chuyến xe ngựa khuya ba bốn giờ chở hàng từ Củ Chi về kinh kỳ Sài Gòn. Bây giờ còn đâu nữa. Muốn cỡi ngựa chụp hình phải lên tận Đà Lạt, nhưng mấy ai nghe mùi khai nước đái ngựa.

Hồi từ khu Ngã Ba Ông Tạ về Đồng Đế, ba má tôi thuê một căn nhà của một bà dì ở làng Thanh Hải. Ông Dượng Năm là người thường xuyên đánh xe ngựa từ nhà vô Hòa Tân thăm rẫy. Mùi nước đái ngựa thì tôi từng trải. Làm chó gì hương trứng bắc thảo khai đến cỡ đó!

Năm 2011, một bài viết trên CNN, cái đài chết tiệt chuyên bịa chuyện vừa bị tống cổ

khỏi tòa Bạch Ốc do ông Trump đang đương kim chủ nhơn, đã công bố danh sách những món ăn kinh tởm nhất thế giới, trong đó đứng đầu bảng là trứng bắc thảo.

Tác giả một bài viết chửi cha món trứng bắc thảo là một người sống ở Texas cho rằng nó trông như thể món ăn do quỷ sứ chế biến và mô tả hương vị của nó là một "thứ gì đó từng là trứng nhưng trải qua một kiếp vận thực tởm lợm".

Đương nhiên là bài báo và bảng xếp hạn bị ném đá. CNN phải rối rít tạ lỗi và đổi thừa cho người viết thuộc loại bút không chuyên nghiệp. Làm như bút chuyên nghiệp của nó ngon lắm vậy. Viết bậy đến độ ông Trump kể ra từng chi tiết.

Cách đây vài ngày, tôi vừa ăn một tô cháo với cái trứng bắc thảo chế biến công nghiệp. Ngon. Chẳng thấy chút mùi nước đái ngựa của mấy cái mũi Tây phương. Tròng trắng đen hin và dẻo như thạch, tuy chẳng có hương gì, nhưng cấu trúc làm cho ta thích miệng. Tròng đỏ béo một cách dị thường, thoảng chút hương ngai ngái. Trứng làm cho món cháo trở thành thiên thần truyền tin tốt lành cho một bữa sáng.

Tôi đồ rằng quá trình biến đổi kỳ diệu bên trong một thế giới vừa bao hàm quá

khứ, thiệt tại và tương lai ấy là một dạng lên men vô cơ. Thay vì nấm men hay vi khuẩn, tác nhân chính của quá trình sinh thành là các thành phần có tính kềm từ vôi sống và tro. Mùi amoniac chứng tỏ trứng đã "thúi" dưới một dạng mà những người sành ăn cảm thấy ngon miệng. Khác nào kiểu thúi từ nước mắm và các dạng mắm của người Việt.

Phải nói là cho đến nay vẫn chưa có một cuộc cách mạng nào mới hơn đối với việc làm chín trứng theo kiểu trứng bắc thảo. Người ta nói rằng nó là một tai nạn chớ chẳng phải là phát minh. Một tại nạn được giữ lại quá trình và cải tiến dần dà để đạt đến quá trình như cái hột dịt bắc thảo bây giờ. Thế nếu cục đá thay cho quả táo rơi trúng đầu nhà toán học Newton thì có phát minh định luật hấp dẫn không vậy trời!

SỰ THẬT KHÔNG THỂ BỊ GIẾT
- LỜI AI ĐIẾU DÀNH CHO CHARLIE KIRK

JAYD HENRICKS,
Chuyển ngữ: KIM NGÂN SB59

Ghi chú: Tôi đang ở Utah, "vào kỳ nghỉ," và tạt ngang qua Orem, địa điểm nơi Charlie Kirk đã bị ám sát, trước ngày diễn ra biến cố. Dĩ nhiên tất cả những người đứng đắn đều đau buồn về sự kiện ghê tởm này, và chúng ta phải làm tất cả những gì có thể làm trong cuộc sống cá nhân chúng ta và trong những mối tương tác của chúng ta với những người khác – như chính Charlie đã từng làm – để hoạt động không mệt mỏi chống lại mọi hình thức bạo lực chính trị. Trong mục báo ngày nay, người bạn Jayd Henricks chúng ta nhắc chúng ta nhớ lại một số thực tại vô cùng quan trọng sẽ lưu lại trong tâm trí chúng ta hiện nay cũng như trong những tuần lễ và tháng năm sắp tới. Hãy cầu nguyện cho linh hồn Charlie được

an nghỉ – và cũng hãy cầu nguyện khẩn xin lòng thương xót và hồng ân Thiên Chúa xuống trên quốc gia cực kỳ rối ren của chúng ta. – Robert Royal



Charlie Kirk và Tổng thống Mỹ Donald Trump. Hình: https://www.britannica.com/

Việc ám sát Charlie Kirk không phải là việc giết chết một tài năng trẻ trung sáng giá, một người chồng, và một người cha; đó là một nỗ lực nhằm giết chết một sự thật. Đó là một nỗ lực nhằm triệt hạ một phong trào của những người thành niên đang dấn thân vào cuộc tranh luận công khai về những sự thật cốt yếu của nhân loại. Và đó là một nỗ lực hủy diệt xã hội văn minh.

Điều này không có nghĩa tất cả những gì Charlie nói là đúng; Tôi không nghĩ đó

là trường hợp cho bất cứ ai trong chúng ta. Nhưng Charlie Kirk tham gia vào đấu trường ý tưởng một cách can đảm hơn, mạnh mẽ hơn, lịch sự hơn, và với đức tin hơn là về bất cứ ai ở nơi công cộng hiện nay, đây là lý do vì sao anh có một số đông bạn trẻ như thế lắng nghe anh. Anh thật khác biệt.

Như tôi có thể nói, anh đã không dùng ngôn ngữ kích động rất phổ biến trong bài thuyết trình trước công chúng hiện nay. Anh hiển nhiên là một người bảo thủ trung thành đồng thời là người có đức tin đích thực, với những niềm tin mạnh mẽ và một năng khiếu siêu phàm về tranh luận, tất cả những điều này khiến cho anh bị giết. Nhưng xu hướng bảo thủ của anh không mang tính ý thức hệ hay phe phái. Điều đó xuất phát từ niềm tin, niềm tin được lập luận một cách hợp lý.

Cái chết của Charlie Kirk do bàn tay của một kẻ thực hành thứ văn hóa chết chóc là một thảm kịch đối với quốc gia từ khi anh ta, hơn bất cứ người nào khác, thực hiện những nỗ lực của đức tin vững vàng để tạo mô hình cho bài thuyết trình và tranh luận dân sự ở nơi công cộng. Dấu hiệu đặc trưng của anh là sử dụng lời nói, tính kiên nhẫn, lòng tử tế, không bạo lực, để nói về những vấn đề thường gây chia rẽ. Các bạn có thể không

đồng ý với anh, nhưng anh thành thật lắng nghe bất cứ ai và trả lời ngay sau đó.

Tên sát nhân và những người nào vui mừng với sự kiện Charlie Kirk không còn ở trên đấu trường công cộng nữa, họ không hiểu rằng điều bị tấn công không phải là một người đàn ông cho bằng ý tưởng về sự thật có sức mạnh hơn là một viên đạn.

Thứ bạo lực này là một sự thừa nhận ngầm rằng những lời nói dối không đủ sức mạnh để chiến đấu với sự thật. Đó là sự hèn nhát, nhưng đó cũng là hậu quả của sự thất bại của những lời nói láo. Đúng vậy, cái chết của Charlie là sự mất mát sâu đậm, nhưng sự thật mà anh ta không ngừng theo đuổi không thể bị giết chết. Cuối cùng, sự thật sẽ thịnh hành.

Chỉ bằng cách nói lên sự thật, chúng ta có thể đánh bại cái ác xấu xa. Tôi hy vọng đây là một phần di sản của Charlie. Cách tốt đẹp nhất để đáp trả cho thảm họa này là đồng hành với sự thật, bởi vì ánh sáng sự thật là biện pháp tiêu diệt những lời dối trá, ngay cả những lời dối trá hung bạo.

Chúng ta đang sống qua một thời điểm cam go của lịch sử. Những cuộc chiến tại Ukraine và Trung Đông đang đe dọa cuộc sống và nền hòa bình ở khắp nơi. Chiến tranh

lạnh nội bộ tồn tại trong đất nước chúng ta đang nóng lên và báo hiệu bạo lực lan tràn. Thừa nhận những sự thật hiển nhiên này đang trở nên càng ngày càng nguy hiểm.

Hơn nữa, mỗi người chúng ta có nhiệm vụ nói lên sự thật. Chúng ta có lẽ không thể làm điều đó một cách thông minh như Charlie đã làm, nhưng chúng ta phải mong muốn liều lĩnh mọi thứ vì sự thật. Chúng ta phải hiến mình cho sự thật với niềm tin rằng ngay cả trong cái chết, sự thật vẫn chiếm ưu thế. Chỉ bằng cách nói ra sự thật, cái ác và những lời dối trá sẽ bị đánh bại.

Chúng ta đang tranh đấu một cách nghiêm chỉnh cho sự tự do và nền văn hoá của chúng ta, và vụ sát hại Charlie Kirk hình như là một điểm biến tố. Chúng ta đi về đâu từ điểm này? Có điều nguy hiểm là cái chết của anh sẽ dẫn đến bạo lực nhiều hơn nữa. Sự tức giận về cái chết của anh chắc chắn được thanh minh, nhưng bạo lực sẽ không chiến thắng ánh sáng ban ngày. Những đức tính mà Charlie đã biểu lộ là những đức tính cần thiết: sự nhẫn nại và lòng tử tế với sự tận tâm vững chắc cho sự thật.

Điều đáng buồn là sự thù địch bạo tàn công khai và đôi khi hướng đến những người theo đức tin truyền thống trong đất

nước này đang trở thành một chuẩn mực mới. Vâng, có những tấm gương của những kẻ bảo thủ cư xử một cách tồi tệ, nhưng dĩ nhiên việc thiết lập bạo lực trong đất nước chúng ta được nhắm đến những người có đức tin truyền thống.

Chúng ta không đối diện với cuộc bách hại có hệ thống của Nero, tuy nhiên cuộc bách hại là có thực. Những sinh mạng đang bị mất mát, nhưng nền văn hoá chết chóc đang tàn phá bằng những cách khác nhau. Cả hai đứa con thiếu niên của tôi cũng đều là những đứa trẻ hâm mộ Charlie Kirk. Vào ngày thứ Tư, tình trạng ngây thơ của chúng đã bị đánh mất. Bây giờ chúng biết rằng nắm giữ các ý tưởng là việc xung đột với phe Cánh Tả cấp tiến có nghĩa là chúng cũng bị căm ghét và lòng căm thù có thể biến thành bạo lực.

Sau cùng, dĩ nhiên câu trả lời chỉ có thể là một sự tận tâm không nao núng đối với những sự thật của Phúc Âm. Việc thuộc về Chúa cho phép chúng ta đánh bại những lời dối trá và lừa gạt. Charlie Kirk là một Kitô hữu và công khai đức tin của anh. Chúng ta cũng được biết vợ anh đi tham dự Thánh Lễ hàng ngày và đôi khi cùng đi tham dự với cô. Vụ án mạng của anh không thể bị tách

rời khỏi sự kiện anh có một đức tin cá nhân sâu đậm.

Đức tin Kitô giáo là không an toàn. Nó cần đến một sự tận tâm đối với sự thật đòi hỏi sự hy sinh. Chúng ta hãy hy vọng, không phải sự hy sinh cuộc sống của một ai đó, nhưng cuộc sống của chúng ta là hướng về vĩnh cửu, nó đòi hỏi sự tận tâm đối với sự thật. Nếu cần thiết, đó là sự tận tâm của một vị tử đạo.

Chúng ta hãy cầu nguyện để cuộc sống của Charlie sẽ truyền cảm hứng một cách can đảm hơn nữa cho chúng ta để tận tâm với sự thật mà không hề quan tâm đến sự rủi ro.

Thứ Sáu 12/9/2025

"HẠNH ĐẦU-ĐÀ" LÀ GIỐNG ÔN GÌ?

LBT: *Hạnh đầu-đà đang nằm trong dòng thời sự mạng xã hội từ vài năm nay. Chúng ta thử tìm hiểu lối tu tập này.*

LÊ VĨNH HUY

"Ngày nay, người ta chỉ có thể tìm thấy tinh thần đạo Phật ở những nơi ngoài cửa chùa" (Krishnamurti).

Đầu-đà 頭陀 là thuật ngữ Phật học phiên âm từ tiếng Phạn, dùng chỉ các tu sĩ theo phép khổ hành. Đây là một chi phái của Phật giáo nguyên thủy, tức Đầu-đà chi 頭陀支. Phép tu của các Đầu-đà vì vậy được kêu là "Hành đầu-đà" 頭陀行.

Tới đây, ắt có người cự: Phải là "Hạnh" đầu-đà, chứ hành hẹ gì ở đây? Vậy hãy dông dài chuyện chữ nghĩa trước đã: Là "Hạnh đầu-đà" hay "Hành đầu-đà"?

I. HÀNH HAY HẠNH?

Dù Hành hay Hạnh đều cùng một chữ 行. Chữ nầy đã có trong lối Giáp cốt từ đầu nhà Thương (khoảng thế kỷ 17trCn). Ban đầu, đây là hình vẽ ngã tư đường, về sau nó được mở rộng để chỉ các việc đi đứng, hay đang làm vụ gì đó (Hình 1)… với hơn 30 nghĩa và hằm-bà-lằng cách kết hợp.

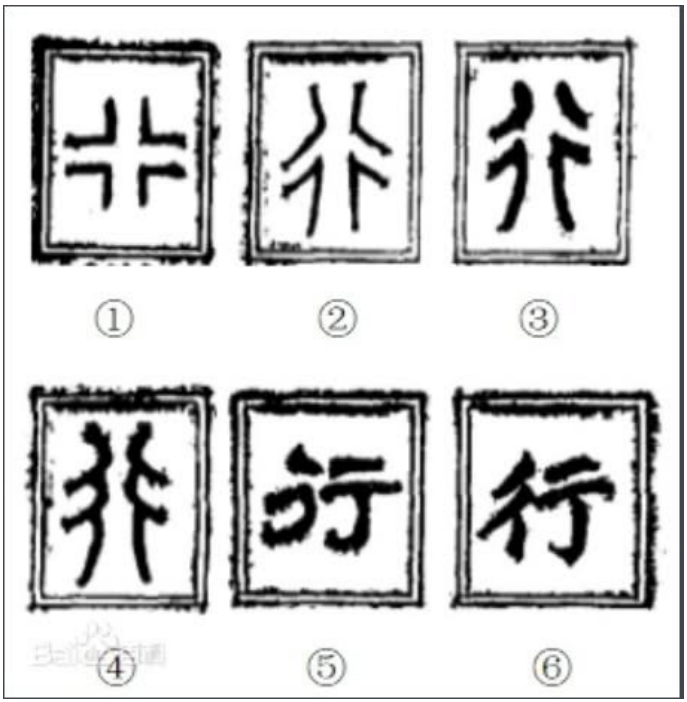

Tùy ngữ cảnh, 行 có bốn âm:

1. Hành (động từ): như hành động 行動, hành vi 行為, vận hành 運行, thi hành 施行…

2. Hàng (danh từ): như ngân hàng 銀行, hàng ngũ 行伍, vân vân.[1]

3. Hạng (tính từ): như hạng hạng 行行 (nghĩa là cứng cỏi)...

4. Chỉ khi dùng chỉ cái nết (tính từ) mới đọc là Hạnh, như đức hạnh 德行, phẩm hạnh 品行...

Vụ Đầu-đà nầy, hầu hết kinh sách ở ta đều phiên âm là "Hạnh Đầu-đà".[2] Nhưng ở đây, 行 là động từ (thực hành), hổng phải tính từ (phẩm hạnh); nên đúng ra phải phiên là Hành. Trong kinh Thập nhị Đầu-đà, Thích Ca nói rõ: "Tỳ-kheo ở A-lan-nhã xa lìa hai việc đắm chấp. Thân và tâm thanh tịnh, thực hành phép đầu-đà" (và từ đầu chí cuối kinh nầy, chớ hề thấy nhắc tới thứ "hạnh" nào).

Chưa hết, không chỉ Đầu-đà, tới Bồ-tát cũng chịu chung cái cảnh, tức là phải "hành" cái... "hạnh Bồ-tát"!

Bồ-tát là bậc đã giác ngộ nhưng chẳng khứng nhập Niết bàn, vẫn lưu lại ta-bà để ra vô địa ngục cứu độ chúng sanh. Mấy kinh Kim cương, Bát nhã, Hoa nghiêm, Pháp hoa toàn nói những việc Bồ-tát phải làm (Hành Bồ-tát), nhưng các bản dịch Việt ngữ đều một lượt phiên âm thành "Hạnh Bồ-tát"!

Việc đổi Hành ra Hạnh nầy tràn lan trong sách vở. Phổ biến nhứt là chữ "Khổ hạnh",

thiệt ra đó là Khổ hành (thực hành khắc khổ). Cả Chúa lẫn Phật đều không khuyến khích tu ép xác, nên khó mà biểu đây là một thứ "hạnh".[3]

Không sao kể xiết ba mớ "Hạnh" trong kinh sách Việt ngữ, ở đây dẫn một đoạn trong "Thiền luận", do Trúc Thiên dịch:

(…) "Mật hạnh" là một trong những nét đặc thù nhất của kỷ luật Thiền. Mật hạnh có nghĩa là làm việc thiện mà không nghĩ-biết gì về việc thiện; người khác không biết, mà chính mình cũng không biết. Người Công giáo có thể gọi đó là "vâng ý Cha". Một em bé rớt xuống sông, tôi nhảy xuống nước, và em bé được vớt lên. Cái gì phải làm đã làm xong, không còn gì phải nghĩ. Tôi quay đi, không bao giờ xây lưng lại. Mây qua và trời lại xanh, bát ngát như thuở nào. Thiền gọi đó là "hành động không công đức", ví như việc làm của người xúc tuyết lấp giếng. Đó là giá trị tâm lý của mật hạnh. Còn về mặt tôn giáo, đó là nhìn và hưởng dụng thế gian một cách kính cẩn, đầy lòng biết ơn, cảm như ta mang trên vai tất cả tội lỗi của thế gian (Thiền luận - bộ Thượng, luận Bảy, tiết IX: Mật hạnh).

Dễ dàng nhận ra cái đang nói đó là "Mật hành".

Người đọc nhận ra, chẳng lẽ người viết - một học giả uyên bác[4] - lại hổng nhận ra? Tuy nhận ra làm vậy, song Trúc Thiên vẫn gõ là "Mật hạnh".

Sao kỳ vậy ta?

Là vì vào thời Trúc Thiên, việc đôn chữ Hành lên thành Hạnh chỉ là lối mỹ từ pháp[5] để tỏ ý trân trọng Phật đạo; tuy đôn lên, nhưng ai nấy đều hiểu "Hạnh" đây chính thiệt là "hành".

Tới thời nay thì chữ nghĩa dần mai một, người ta đọc bằng mắt chớ hổng đọc bằng trí nữa. Cứ đánh vần hờ-a-ha-nhờ-hanh-nặng-hạnh, rồi thì biết Hạnh là… hạnh, chớ thèm thấy là có chữ Hành lấp ló đàng sau. Riết rồi mỗi khi nghe/đọc kinh sách, tới tiếng/chữ "Hạnh", ai nấy đều cho đây hẳn là thứ "phẩm hạnh" hay "đạo hạnh" gì đó.

Sự tình càng đi xa khi đám thầy chùa thành tinh lợi dụng chỗ mơ hồ lung linh giữa Hành với Hạnh để đặt ra đủ thứ hết hồn, từ Hạnh bố thí tới Hạnh cúng dường, Hạnh cúng vong, thậm chí có luôn Hạnh chuyển khoản, Hạnh ăn uống, Hạnh vỗ tay… mới vui!

Thôi thì người ta đã đọc bằng con mắt trắng, mình cũng chìu mà gõ trắng ra là Hành, đách bóng bẩy hạnh nầy hạnh nọ chi thất công.

Dông dài nhiêu đó đã đủ. Trước khi vô nội dung chánh của hành Đầu-đà, tôi thiệt lòng xin lỗi hết thẩy quý ông tên Hành, quý bà tên Hạnh, vì đã nhắc tới quý vị hơi nhiều. Thôi kệ đi, tập nhảy mũi ách-xì vài cái cho mau lớn he!

II. THẾ NÀO LÀ HÀNH ĐẦU-ĐÀ?

A. KHÁI NIỆM ĐẦU-ĐÀ

Tưởng nên nhắc lại: Phần lớn thuật ngữ Phật giáo đều mượn của Bà-la-môn giáo, chữ Đầu-đà 頭陀 cũng không ngoại lệ. Đây là phiên âm từ tiếng Pali[6] "Dhuta". Các bản dịch cũ (Cựu dịch) từ thời Tây Tấn (265-316) trở về trước, như kinh Tạp A-hàm do Cầu-na-bạt-đà-la dịch, đều phiên là Đầu-đà. Còn các bản dịch mới (Tân dịch) phần lớn theo sư Huyền Trang đời Đường, phiên là Đỗ-đa 杜多.

Đầu-đà/Đỗ-đa của Bà-la-môn là lối khổ tu nghiêm ngặt nhằm thanh lọc thân tâm để đạt chánh giác.

Thích Ca cũng từng tu lối nầy.

Hồi đó, Cồ-đàm vô rừng, lấy lá cây che thân, nằm trên đống cỏ gai. Mùa đông phơi sương gió lạnh lùng, mùa hè dang nắng phỏng da. Tiết trời nóng nực không tắm, đợi khi lạnh giá thì ra suối lội chơi ngày mấy cữ. Râu tóc rậm

rạp thây kệ. Mỗi ngày chỉ ăn vài hột mè, hột lúa. Nhờ vậy mà tay chưn Cồ-đàm héo queo như cọng cỏ, mắt thụt sâu như lỗ mọi, da đầu nhăn nheo như trái bí khô, da bụng dính sát xương sống…[7] (Hình 2).



Cứ vậy khổ tu một lèo sáu năm mà chớ chứng ngộ, Cồ-đàm mới xả khổ hành, trở lại ăn ngủ bình thường, rồi ra gốc bồ đề tĩnh tọa mà chứng đạo.[8]

Quá rành khổ hành, nên sau nầy Thích Ca dung hòa phép Đầu-đà Bà-la-môn để đặt ra các giới điều cho những ai muốn hành Đầu-đà theo Phật pháp.

Đạo Phật chủ yếu dựa trên tu tập cá nhơn để diệt tham-sân-si hầu đạt giải thoát. Tu là phải hành, nên mới kêu "tu hành". Và Đầu-đà của Phật giáo là phép thực hành đặc thù, được cho là giải trừ triệt để phiền não.

Có cỡ vài chục bản kinh Phật giáo định nghĩa chữ "Đầu-đà", ở đây xin dẫn định nghĩa tôi riêng cho là đầy đủ, rành rẽ nhứt[9]: "Đỗ-đa, xưa kêu Đầu-đà, là bậc nhiều công đức. Họ bỏ bớt ham muốn và biết vừa đủ. Nghĩa của đỗ-đa là rời bỏ. Rời xa bà con quyến thuộc, dứt bỏ tham lam. Người đó nhìn thấu mọi điều ác do ham muốn đẻ ra. Họ vui mặc vải thô, tránh xa những ham muốn cũng như danh lợi tầm thường. Công đức của đỗ-đa là được thanh tịnh, thoát khỏi những lo âu phiền não cản trở việc tu tập (*Du-già sư địa luận lược toản*,[10] quyển 43).

B. CÓ BAO NHIÊU HÀNH ĐẦU-ĐÀ?

Tuy là pháp môn đặc thù, nhưng cũng như các pháp môn khác của Phật giáo, Hành đầu-đà phải trải qua thực chứng nhiều đời mới được định hình. Vì vậy không lạ khi các kinh điển ghi chép khác nhau về hành đầu-đà.

* Theo kinh Tạp-a-hàm,[11] quyển 41, Phật chỉ đề xướng ba giới điều là: Ở nơi A-lan-nhã, mặc phẩn tảo y, và đi khất thực.

Đây là ba nhu cầu thiết yếu trong sanh hoạt thường ngày. Trải qua kinh nghiệm thực hành của các cổ đức, hành đầu-đà được bổ sung thêm giới điều, nhưng đều xoay quanh ba nhu cầu thiết thực nầy.[12]

* Theo Kinh Tăng-nhứt A-hàm,[13] quyển 46, có 11 phép đầu-đà.

* Các kinh Đại Bát nhã, Hoa nghiêm, Thập nhị Đầu-đà, Tỳ-ni Mẫu, và Luật Tứ phần cho là có 12 phép đầu-đà.

* Kinh Đại Niết-bàn và Giải thoát Đạo luận, Thanh tịnh Đạo luận: có 13 phép đầu-đà.

* Đại thừa Nghĩa chương:[14] có 16 phép đầu-đà.

C. NỘI DUNG HÀNH ĐẦU-ĐÀ

[Phần nầy dựa theo bản dịch Hán ngữ "Phật thuyết thập nhị Đầu-đà kinh" (Hình 3 trang sau) của Cầu-na-bạt-đà-la,[15] và bản Việt ngữ trên trang Tạng thư Phật học. Do cả hai bản nầy đều cô đọng tới mức tối nghĩa, lại không chú giải, tôi mạn phép trình bày theo cách mình hiểu, nếu cần sẽ trích dẫn thêm các kinh khác.]

Nhìn chung, mười hai điều răn nầy bàn quanh ba mục thiết yếu trong sanh hoạt thường ngày là ăn-mặc-ở. Đây chỉ là phương cách tu hành, không phải mục đích tối hậu

của Đầu-đà. Tu kiểu nào tu, mục đích cuối cùng của thầy chùa vẫn là đạt thành chánh quả, thoát khỏi luân hồi.



清刻龍藏佛說法變相圖

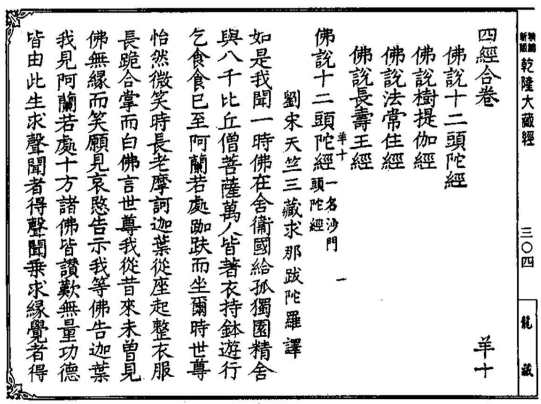

新編乾隆大藏經 三〇四 乳 鐵

四經合卷 羊十

佛說十二頭陀經

佛說樹提伽經

佛說法常住經

佛說長壽王經 羊十

佛說十二頭陀經 羊十一名沙門頭陀經

劉宋天竺三藏求那跋陀羅譯

如是我聞一時佛在舍衛國給孤獨園精舍與八千比丘僧菩薩萬人皆著衣持鉢遊行乞食食已至阿蘭若處跏趺而坐爾時世尊怡然微笑時長老摩訶迦葉從座起整衣服長跪合掌而白佛言世尊我從昔來未曾見佛無緣而笑願見哀愍告示我等佛告迦葉我見阿蘭若處十方諸佛皆讚歎無量功德皆由此生求聲聞者得聲聞乘求緣覺者得

1. Ở NƠI A-LAN-NHÃ

A-lan-nhã (Araĩa) là chốn vắng vẻ, tĩnh mịch cách xa làng mạc. Tỳ-kheo đã thọ pháp đầu-đà tức đã xa lìa trần cấu, nên cần tránh nơi ồn ào để thân tâm được thanh tịnh. "Thanh tịnh Đạo luận" nói rõ là phải ở nơi

cách xa làng mạc, không nghe tới tiếng trâu kêu bò rống, ít nhứt cho tới khi mặt trời mọc.

2. THƯỜNG ĐI KHẤT THỰC

"Khất thực" tiếng Pali là "bhikkhu", nghĩa là xin ăn. Nhưng đầu-đà khác ăn xin ở chỗ phải giữ oai nghi của vị tỳ-kheo.

Muốn vô chỗ xóm làng khất thực, trước hết họ phải dọn mình, thâu giữ sáu căn để không đắm chấp vô mấy thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cũng không phân biệt thí chủ là nam hay nữ, xin được hay không đều như nhau, hổng thương ghét riêng ai.

Khất thực có ý nghĩa quan trọng đối với tỳ-kheo nói chung, không riêng gì đầu-đà. Bởi chữ "khất thực" (bhikkhu) bao hàm nhiều nghĩa: vừa là tỳ-kheo, vừa là người khất thực, người đã phá trừ phiền não, người đã thọ đủ giới luật…

Ở miền Nam trước 1975, người ta thường thấy các tăng ni khất thực. Họ ôm bình bát, mắt nhìn xuống chóp mũi, không ngó ngang liếc dọc, miệng khép kín, chân bước thong dong. Đó là hiện thân của Thích-ca Mâu-ni giữa thế gian.

Sau khi "thống nhứt đất nước", chánh quyền viện cớ phòng ngừa tệ nạn mượn lốt cà-sa đặng xin tiền, đã không cho phép tăng

ni tự ý đi khất thực. Nhưng thiệt ra rất dễ phân biệt tỳ-kheo khất thực với tụi giả tu. Tỳ-kheo y áo nghiêm chỉnh, lặng lẽ thẳng đường mà đi, không nhìn liếc lơ láo. Lộ trình khất thực cũng theo quy định nghiêm ngặt: không đi qua mấy chỗ tụ tập đông người như chợ búa, rạp hát; hoặc chốn ô uế như ổ điếm, sòng bài; hoặc nơi có sát khí như lò mổ, trại lính. Họ chỉ nhận đồ ăn, không nhận tài vật. Nhận đủ rồi thì thôi, không nhận thêm.

Ở miệt Lục tỉnh ngày nay, sắc tộc Kh'mer vẫn giữ được tập tục "dưng cơm cho lục". Ở các phum sóc, tới trưa là có vài "ông lục"[16] mang bình bát ra chỗ quy định, có đứa nhỏ đi theo gõ kẻng làm hiệu. Bà con người Miên mình nghe kẻng thì xúm nhau đem cơm canh nóng ra dưng.

Các tăng ni miền Nam khất thực đó là tu sĩ Tịnh độ tông, còn tu sĩ Kh'mer khất thực đó là theo giáo lý Phật giáo nguyên thủy. Họ chỉ thực hành khất thực, nên đều hổng phải đầu-đà.

3. XIN ĂN KHẮP CỬA

Bản Hán văn dịch là "thứ đệ khất thực" 次第乞食, tiếng Pali "Sapadāna", có nghĩa là tuần tự. Tức lần lượt xin ăn từng nhà, không phân biệt nhà giàu hay nhà nghèo.

Luật Tứ phần (còn gọi Luật Tỳ-kheo) giải thích thêm: Nếu xin nhà đầu tiên chưa đủ ăn thì qua tiếp nhà khác, tới nhà thứ bảy thì dừng, đủ ăn hay không cũng thôi, không xin tiếp; nếu mới xin một hai nhà đã đủ ăn cũng dừng.

4. NGÀY ĂN MỘT BỮA

Một bữa ăn đã đủ phiền phức, nếu thầy chùa còn ăn sáng ăn trưa ăn chiều ăn tối thì thời giờ đâu mà tu? Vậy nên Thích Ca dạy đầu-đà mỗi ngày chỉ nên ăn một bữa, để có thể chuyên tâm tu tập.

Lần đầu tiên Phật lập giới luật nầy là trong kinh Trung A-hàm:[17] "Này các tỳ-kheo, ta chỉ ăn một bữa, do đó thân thể nhẹ nhàng không bịnh tật, khỏe khoắn yên vui. Các ngươi cũng nên chỉ ăn một bữa để được như vậy" (Bài 194, Bạt-đà-hòa-lợi).

5. ĂN VỪA ĐỦ NO

Ăn dộng cho cố vô chỉ tổ nặng bụng khó tiêu, thành thử Phật biểu chỉ nên ăn vừa đủ duy trì sự sống, để thân thể nhẹ nhàng, ích lợi cho tu tập. Do đó đầu-đà không chỉ ăn một bữa, mà còn đem bữa ăn đó sớt ra một phần ba, để ở chỗ sạch sẽ, đặng bố thí cho các loài cầm thú; đầu-đà chỉ ăn hai phần ba còn lại của bữa ăn.

6. QUÁ NGỌ KHÔNG UỐNG NƯỚC TRÁI CÂY

Uống nước trái cây làm nẩy sanh cảm giác thèm ăn. Nếu cơn thèm ăn nầy lại không được thỏa mãn sẽ gây khó, khiến người ta không thể chuyên tâm tu tập.

7. MẶC ĐỒ VẢI VỤN

Bản Hán ngữ dịch là "Phẩn tảo y" 糞掃衣 (paṁsukūlacīvara). Phẩn là cứt, tảo là quét. Ý nói mấy thứ vải dơ dáy bị người ta quét bỏ, coi như rác rến.

Đầu-đà vô chỗ xóm làng lượm mấy thứ vải vụn người ta bỏ đi đó, đem giặt sạch rồi khíu lại làm áo che thân. Thầy chùa mà mặc đồ lành, đồ tốt chỉ tổ rước họa vào thân (bởi họ quấn nguyên tấm vải bự chảng, đây là thứ thời xưa ở cả bên Ấn lẫn bên Tàu đều được cho là tài sản đáng giá).

Theo Luật Ngũ phần (Mahīsasakavinaya), có mười loại vải phẩn tảo: Vải bị trâu bò nhai, bị chuột cắn, bị cháy nám, vải do đàn bà xài khi tới tháng, vải xài khi đỡ đẻ, vải trong miếu (lâu ngày người ta thay vải mới, bỏ vải cũ), vải gió thổi rơi rớt nơi đồng hoang mả quạnh, vải liệm, vải cũ người ta giục bỏ, vải xài trong đám ma (Đại chánh tạng, quyển 22).

8. CHỈ GIỮ TAM Y

Y đây là trang phục thầy chùa, Tàu dịch Cà-sa (Cīvara). Ba y là Tăng-già-lê (saṁghāti) như áo choàng, để quấn bên ngoài; An-đà-hội (antaravāsaka) quấn che thân dưới; Uất-đà-la-tăng (uttarāsavga) quấn thân trên (Hình 4).

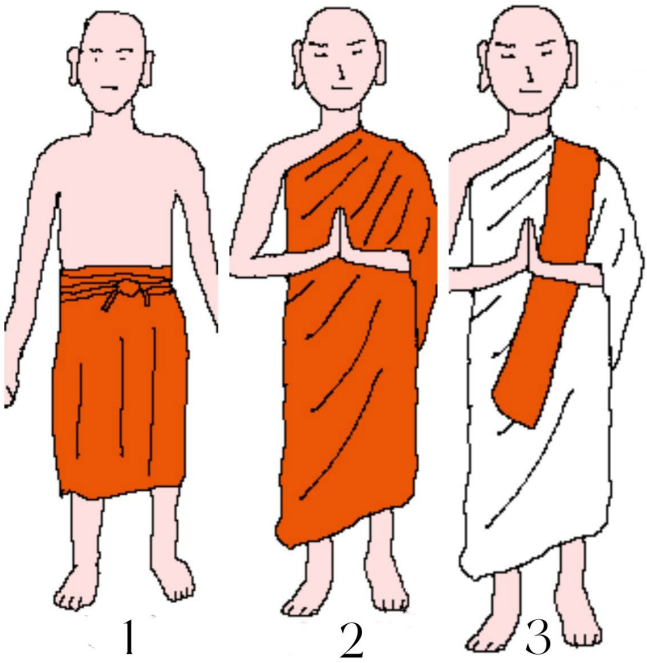

Người tu chỉ cần mặc đủ che thân và giữ ấm, nên tam y là vừa, không hơn không kém. Và tuy tiếng là ba y, nhưng thiệt ra chỉ một bộ dính da.

9. Ở NƠI GÒ MẢ

Bản Hán văn dịch "Trủng gian trú" 塚間住. Trủng là mồ mả. Khái niệm vô thường là cánh cửa đầu tiên để người ta bước vô Phật học. Đầu-đà ra ở nơi gò mả là để nghiệm lẽ vô thường hầu đạt tới tánh Không, thoát khỏi mọi ham muốn phù du trong cõi thế. Điều nầy cần thiết cho tu tập.

10. NGỒI DƯỚI GỐC CÂY

Hầu như các giai đoạn quan trọng trong đời Thích Ca đều gắn liền với gốc cây (theo Tứ phần luật quyển 3, chương 21, Đầu-đà hành nghi): "Phật sanh ra dưới gốc vô ưu (saraca indica), thành đạo dưới gốc bồ đề, quyết định chuyển bánh xe pháp dưới gốc cát tường (ajapala), nhập diệt dưới gốc sa-la (shorea robusta)". Nên gốc cây là nơi lý tưởng để đầu-đà tĩnh tọa.

11. NGỒI NGOÀI ĐẤT TRỐNG

Nếu ngồi hoài dưới gốc cây sẽ quen với bóng mát, dễ sanh tham luyến. Chỗ gốc cây lại ẩm ướt, nhiều phân chim và côn trùng. Vì vậy buổi tối đầu-đà cũng nên ra chỗ đất trống quang đãng để phơi sương, tắm trong ánh trăng, cho tâm được sáng suốt, dễ dàng nhập định.

12. CHỈ NGỒI CHỚ NẰM

Thân người có bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) thì ngồi là oai nghi nhứt. Tư thế nầy giúp dễ tiêu hóa cũng như điều hòa hơi thở. Muốn cầu đạo mà nằm ườn ra thì dễ bị ba mớ ham muốn, phiền não quấy rầy. Bởi vậy đầu-đà chỉ nên ngồi, đừng để lưng dính chiếu.

D. HÌNH THỨC CỦA ĐẦU-ĐÀ

Một thân một mình vân du khắp chốn ắt phải đem theo chút đồ nghề phòng thân. Kinh Phạm võng[18] chép là đầu-đà được đem theo bên mình 18 món (Thập bát vật):

1- Xỉ mộc 齒木 (danta-kāṣṭha): là miếng gỗ dương liễu để uýnh răng, cạo lưỡi (Hình 5).



2- Tháo đậu 澡豆: bột đậu nành (dùng làm xà-bông để tắm rửa).[19]

3- Bộ cà-sa (tam y).

4- Bình đựng nước uống - "Ba ngàn oai nghi của đại tỳ-kheo"[20] chép mười phép tắc xài bình nầy: 1- Luôn châm nước đầy bình. 2- Không để bình giữa đường đi. 3- Khi dùng bình nước phải ngồi chồm hổm, để nước lỡ văng không làm ướt áo quần. 4- Không kê miệng vô miệng bình để hớp nước xúc miệng (muốn xúc miệng phải rót nước ra ngoài). 5- Không dùng tro để chà rửa bình. 6- Không để bình ở chỗ dễ rớt bể. 7- Mùa hè nóng bức, phải luôn thay nước mới. 8- Không để bình chỗ sàn nước. 9- Phải ôm bình bằng hai tay, không được xách một tay. 10- Khi châm nước, không đặt bình trên bồn nước (tránh nước tràn bình chảy trở vô bồn nước sạch).

5- Bình bát.

6- Bồ đoàn (nisadana): cái nệm tròn đan bằng cỏ bồ, để lót ngồi khỏi đau đít.

7- Tích trượng (khakkhara): cây gậy cầm tay, đầu gậy gắn vài cái vòng hoặc miếng đồng hình lá bồ đề, để khua leng keng báo hiệu (Hình 6). Gậy nầy còn có công dụng tỏa tựa đả cẩu bổng của Cái bang (đi đường lỡ như gặp chó điên, hổng lẽ biểu đầu-đà để yên cho nó cắn?)



Hình 6

8- Lò hương: để xông trầm lúc tĩnh tọa.

9- Túi lọc nước (Hình 7).



10- Khăn tay (snatra-sataka) - "Ba ngàn oai nghi của đại tỳ-kheo" chép năm phép tắc xài khăn nầy: 1) Chia làm hai phần để xài. 2) Một phần để lau tay, phần kia lau mặt. 3) Không dùng lau mũi. 4) Nếu lau mồ hôi phải giặt khăn liền. 5) Không dùng lau mình.

11- Dao găm (sastraka): còn gọi Giới đao 戒刀 (Hình 8), là vật tùy thân dùng cắt vải, cạo đầu, làm móng.



12- Đồ đánh lửa.

13- Cây nhíp (ajapadaka-danda): để nhổ lông mũi hoặc nhổ gai.

14- Thằng sàng 繩牀 (Periha): tức cái ghế bố (Hình 9).



15- Kinh.

16- Luật (văn bản giới luật).

17- Tượng Phật nhỏ.

18- Tượng Bồ-tát.

Đầu-đà phải giữ kỹ mười tám món nầy. Nếu để mất cà-sa sẽ phạm tội nặng;[21] mất bình bát là tội vừa; mất các thứ còn lại là phạm tội nhẹ.

E. PHƯƠNG THỨC THỌ TRÌ[22] ĐẦU-ĐÀ

Hồi đó, bên Ấn Độ, khi nghe Phật giảng xong kinh Thập nhị đầu-đà, "hết thẩy đại chúng đều hoan hỷ phụng hành". Khốn nỗi Phật giáo lại không thịnh hành ở Ấn, nên ngày nay người ta thường chỉ biết tới mỗi tên tuổi vị người Ấn đầu tiên thực hành đầu-đà, là Tôn giả Ma-ha Ca-diếp (Mahakassapa) (Hình 10).



Theo kinh Tỳ-ni Mẫu,[23] Tôn giả họ Ca-diếp, tên Tất-ba-la-diên, sanh trưởng trong gia đình giàu có thuộc dòng dõi Bà-la-môn. Ông tu khổ hành Bà-la-môn 12 năm, đạt được ngũ thông thì bế tắc, vô phương tiến triển, nên đã tìm tới Thích Ca. Nghe Phật giảng tới ngày thứ tám thì ông đắc Lậu tận thông, chứng quả A-la-hán.

Là học trò xuất sắc của Thích Ca, ông được giao giám sát việc tu tập của các tu sĩ trong tăng đoàn. Là Đệ nhứt Đầu-đà, ông được Thích Ca khen: "Hương thơm của hoa không ngại ngược gió, người đức hạnh có thể tỏa hương khắp nơi. Gỗ đàn hương thơm, hoa sen cũng thơm, nhưng không bằng hương thơm của người giữ giới (chỉ Ca-diếp)" (Xuất diệu kinh, quyển 9, Giới phẩm).

Kinh Tạp A-hàm (quyển 41) còn chép Phật biểu là: "Ma-ha Ca-diếp cũng đạt được những công đức phi thường y như ta".

Tới khi tuổi đã cao, ông vẫn kiên trì thực hành Đầu-đà không lúc nào ngơi. Có thể nói nhiệt thành tu tập của Ca-diếp đã truyền nhiều cảm hứng cho đời sau.

Đầu-đà là phép khó theo, nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong Phật giáo. Thích Ca không khuyến khích đệ tử theo phép nầy. Ai theo thì tốt, không theo cũng hổng sao; như

lỡ thực hành mà thấy khó, phải bỏ nửa chừng cũng chẳng bị chỉ trích hay bắt tội (không như Giới luật là thứ phải giữ gìn luôn luôn, nếu vi phạm là mang tội).

Phép đầu-đà không chỉ ưu tiên giống đực, mà tỳ-kheo-ni cũng có thể thực hành. Kinh Tăng-nhứt A-hàm, quyển 3, phẩm Tỳ-kheo-ni nói: "[Có thể] Thực hành phép đầu-đà vượt qua mười một chướng ngại, chính là tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá Cồ-đàm-di."[24]

Muốn hành đầu-đà phải theo mùa, hổng phải cứ tự ý vân du, tha hồ luông tuồng mút mùa Lệ Thủy. Kinh Phạm võng, quyển 2 nói thời điểm thực hành đầu-đà là hai mùa xuân-thu, từ rằm tháng giêng tới rằm tháng ba, và từ rằm tháng tám tới rằm tháng mười (dù sao cốt của đầu-đà vẫn là tỳ-kheo, nên tới kỳ kết hạ an cư vẫn phải về chùa theo giới luật). Vì vậy người ta còn kêu đầu-đà là "Nhị thời Hành giả".

F. ĐIỀU KIỆN ĐỂ HÀNH ĐẦU-ĐÀ

[Đã bàn về đầu-đà thì không thể làm lơ, bỏ qua "hiện tượng" Lê Anh Tú mới nổi lên gần đây. Nhưng làm vậy ắt không khỏi khiến giang hồ nổi giận. Tật tôi lại chết nhát, trời gầm là rụt cổ, chó sủa cũng giựt mình, huống hồ búa rìu dư luận. Bởi vậy phần nầy để đệ

tử tôi là Đầu-đà Điền Bá Quang ra mặt.

Quang lúc trước được tôi truyền cho Thái Hoa thần công mà lừng danh Thái Hoa dâm tặc. Sau nó bị ni Nghi Lâm dụ, đâm đầu gia nhập phái Hằng San. "Xử" xong chưởng môn Nghi Lâm thì nó bỏ trốn, từ đó hành nghề đầu-đà, coi bộ cũng êm. Hiện nay Quang hành cước ở núi Rau Răm, thuộc thành Củ Cải, xứ Xí-hụt Cà-na, cõi Nam-thiệm-bộ châu.]

Muốn hành đầu-đà, trước hết phải là tỳ-kheo.

Tại sao vậy?

Tại vì chỉ khi đã thọ đủ giới luật, được ấn chứng tỳ-kheo rồi, mới đủ tư cách hành đầu-đà. Không phải cứ tuyên bố khơi khơi, kiểu "con tu theo 13 hạnh đầu-đà" như Lê Anh Tú nọ là thành đầu-đà ngang xương.

Ấn chứng tỳ-kheo tức là công nhận một tu sĩ đã giữ được giới luật, đủ tư cách một thầy chùa.

Giới luật là căn bản của đạo Phật. Theo kinh Trường A-hàm (Quyển 2, Phần 3), Thích Ca biểu là sau khi ông nhập diệt, các đệ tử phải lấy giới luật làm thầy. Suốt 2.500 năm qua, Phật giáo tuy trải nhiều bước thăng trầm nhưng vẫn tồn tại và phát triển được là nhờ ở giới luật.

Mà phải giữ giới suốt đời, không được phút giây lơi lỏng. Đây hổng phải chuyện dễ. Xin lấy tấm hình Thích Tuệ Sỹ làm thí dụ (Hình 11).



Trong hình nầy, Tuệ Sỹ đang ngồi gác tay lên đầu gối, miệng cười nhe răng.

Điều nầy là phạm giới.

Bởi theo "Ba ngàn oai nghi của đại tỳ-kheo", thầy chùa không được ngồi duỗi hai chưn, ngồi chàng hãng, ngồi tréo chân chữ ngũ, ngồi lệch một bên, ngồi rung giò…

Tất nhiên đây chỉ là tội nhẹ, chỉ cần ăn năn tự trách là được.[25]

Thử nghĩ, tới Tuệ Sỹ là bậc tỳ-kheo đã thọ Cụ túc giới[26] mà còn có lúc sơ sẩy phạm lỗi.

Tới như Lê Anh Tú chưa từng thọ giới sa-di, lấy đâu ra tư cách xưng đầu-đà?

Cỡ đâu vài tháng trước, có vụ ì xèo quanh cái bằng cấp. Lúc đó tên Điền Bá Quang nổi hứng, có làm câu đối như vầy:

Trong Nam đúc cử nhân, tại chức hữu dư anh Tấn Dũng;

Ngoài Bắc rèn tiến sĩ, phổ thông bất cập chú Chân Quang.

Hổng biết Tấn Dũng là anh nào, còn Chân Quang thì là Hồ Tấn Việt. Chú nầy chưa đậu trung học phổ thông nhưng có bằng tiến sĩ. Dư luận cho đó là việc bất bình thường.

Còn như Lê Anh Tú, cậu nầy còn chẳng phải sa-môn đã tuyên bố mình "tu 13 hạnh đầu-đà" thì sao ta?

* * *

Nói nghe nè, vụ tu theo mấy phép đầu-đà đó toàn là do Tú tự thuật và được tụi Youtuber mần chứng. Cái nầy kêu là khẩu thiệt vô bằng, không đáng để tin.

Ở đây không rảnh để hài ra những chỗ luộm thuộm trong y bát của Lê Anh Tú đã làm mất oai nghi con nhà Phật,[27] hoặc ba mớ tầm xàm mà Tú thao thao thuyết giảng. Chỉ xin lẩy ra một phép sau chót, cũng là phép khó nhứt trong 12 phép đầu-đà để đặt nghi vấn: Chỉ ngồi chớ nằm - tức là phải ngủ ngồi.

Ngồi đây là ngồi đúng điệu thầy chùa, giữ đúng oai nghi. Cái khó không phải ngồi kiết già, với thân hình thẳng đứng như cọc đóng chắc xuống đất; mà là ở cái cần cổ. Phải tập làm sao để ngủ ngồi mà đầu không gục xuống như con gà mắc toi?

Người Tàu hay kể tấm gương hiếu học của Tăng Quốc Phiên đời Thanh. Phiên thường đọc sách thâu đêm, để khỏi ngủ gục, va mới cột bím tóc lên xà nhà.

Nhưng thầy chùa không có tóc, hổng lẽ máng cần cổ lên? Mà mình đã ngủ, làm sao biết lúc đó cổ có thẳng hay không. Bởi vậy phải có vài tỳ-kheo khác hỗ trợ, luân phiên canh chừng. Hễ người muốn hành đầu-đà kia mà hơi nghiêng hoặc cúi đầu là đập cho một thước bảng ngay trán để y tỉnh ngủ. Lâu ngày chầy tháng, qua được cái ải tập ngủ ngồi nầy rồi mới rời chùa mà hành đầu-đà.

Dám hỏi anh Tú lấy gì bảo đảm là mình thiệt đã ngủ ngồi đúng điệu suốt đêm?

Cho nên vụ nầy chỉ có thể nói là Lê Anh Tú tu đầu-đà theo kiểu của ảnh, không phải phép tu đầu-đà của Phật giáo.

G. PHỤ LỤC

1. ĐẦU-ĐÀ TRUNG HOA[28]

Từ xưa, bên Tàu đã có loại "đầu-đà" mà hổng phải đầu-đà.

Hãy đọc một đoạn trong truyện Thủy hử, hồi 44: "Khoảng giữa canh năm, chợt thấy một đầu-đà xách cái mõ gỗ đi tới đầu hẻm dòm ngó dáo dác. Thạch Tú liền nhảy tới tóm lấy, kề dao vô cổ va mà nói nhỏ..."
Thiệt ra đó chỉ là anh báo canh giờ, tức thứ bên ta kêu "thằng mõ". Chỉ người cùng đinh mạt hạng mới làm nghề nầy, nên họ ăn mặc lôi thôi; lại vì đồ nghề của va là cái mõ nên được người ta kêu giỡn "đầu-đà", kêu đầy đủ thì là "Báo hiểu đầu-đà" 報曉頭陀 (Đầu-đà báo sáng sớm).

Tôi lại tào lao dông dài rồi, để trở lại chuyện đầu-đà thiệt thọ.

Tàu có bốn bộ "Cao tăng truyện"[29] chép hành trạng của gần sáu chục đầu-đà, dưới đây kể chơi vài chuyện.

*** Đời Đường:**

- Sư Huyền Lãng thực hành đầu-đà. Do thường tĩnh tọa trên tảng đá ven suối nên được kêu Tả Khê tôn giả. Hơn bốn chục năm chỉ ngồi mỗi một bồ đoàn, rách nát vẫn không thay cái mới. Buổi tối trừ lúc đọc kinh ra, không khi nào ông thắp đèn cầy. Khỉ vượn trong núi cũng được cảm hóa, mỗi lần ông xuống suối rửa bình bát là tụi nó xúm lại phụ. Thứ sử xứ đó là Vương Dung nhiều

lần thỉnh ông vô thành đặng cúng dường, ông đều thác bịnh tật để từ chối.

- Thiền sư Thông Tuệ xuất gia lúc 30 tuổi. Ông không tích trữ lương thực, hễ đói thì ăn rau trái, khát ra suối. Thường suốt ngày tĩnh tọa dưới gốc cây. Cứ vậy suốt 5 năm. Bữa nọ tình cờ nghe tiếng cành cây gãy mà hoát nhiên chứng ngộ. Tới mấy năm cuối đời, ông cũng chỉ có chiếc khố rách với đôi giày nát.

- Thiền sư Trí Tắc vốn người Trường An, tánh tình phóng túng vô cương, chỉ mặc chiếc áo rách, quần thì dài quá gối. Trong buồng ông, ngoài chiếc giường đơn sơ ra chỉ có một chén sành với cái muỗng gỗ. Có thầy chùa cho ông là khùng. Ông thở dài đáp: "Coi ông kìa, đã xuất gia mà chớ thấy tu hành, tối ngày toàn lo lắng bận bịu chuyện áo cơm. Đó mới là khùng".

- Thiền sư Tuệ Hy sống một mình trong hang núi, không nhận nhà cửa thí chủ cúng dường cho. Mỗi ngày chỉ ăn một bữa giác trưa, dồn cỏ dại làm đệm ngồi. Có cái áo rách te tua thì chỉ mặc mùa đông, tới hè máng lên vách. Người ngưỡng mộ tìm tới thăm phải canh mấy ngày mới gặp.

*** Đời Tống:**

- Thiền sư Đạo Pháp người huyện Đôn Hoàng, chuyên tu Thiền định. Sau vân du

tới Thành Đô, được mời làm trụ trì hai chùa Hung Nhạc và Hương Tích. Ông không chỉ khép tăng chúng vô kỷ luật mà còn nghiêm khắc với chính mình, không nhận lời mời dự tiệc chay của bất cứ ai. Tự đi khất thực, bằng không thì ăn đồ ăn dư của chim chóc, côn trùng. Ban đêm lại cởi hết áo quần ngồi im, dâng máu nuôi muỗi. Về sau, ông đang nhập định thì cảm thấy có vầng sáng phát ra từ huyện Đan điền (vùng rún). Từ đó càng tinh tiến, chỉ ngồi không nằm. Viên tịch năm 475, lúc đương nhập định.

- Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm có lần rầy tăng chúng: "Người xuất gia phải quên danh lợi, chẳng màng thế sự, để đạo tâm được tròn đầy. Hòa thượng Biển Đam cả đời chỉ ăn hột dẻ; đại sư Vĩnh Gia không ăn rau cải do người trồng; cao tăng Huệ Hưu ba mươi năm chỉ mang một đôi giày, gặp chỗ đất mềm thì đi chưn không. Còn các ngươi nay quen thói tiện nghi, chưa đói đã ăn, chưa lạnh đã khoác thêm áo, chưa buồn ngủ đã lên giường. Đường tu không chút thành tựu, phiền não ngày một thêm dày, vậy mà cũng được ư?"

- "Tống cao tăng truyện" có chép chuyện một đầu-đà vô danh. Ông con nhà nghèo, tánh nết hiền lành từ nhỏ. Tía má làm nghề

xay mướn. Thương con lừa kéo cối xay nặng nhọc, chú nhóc thường thả nó ra cho đi ăn cỏ, rồi tự mình kéo cối thay lừa. Lớn lên xin vô chùa Long Hưng ở Trấn Châu (Hà Bắc) và chọn hành đầu-đà. Suốt 30 năm chỉ mặc y nguyên một bộ phẩn tảo y không đổi.

* Từ Tống trở về sau, đầu-đà ngày càng hiếm, gần như… tuyệt chủng. Có lẽ vì phép tu nầy quá khó, ít người theo nổi. Mặt khác cũng tại người tu đầu-đà thường xa lánh thế nhơn, và chưa từng có ai tự xưng mình đang hành đầu-đà.

2. Ở XỨ TA

Việt Nam có ba vị đầu-đà.

Theo Đại Việt sử ký Toàn thư, hồi thế kỷ 13, ngoài Bắc có một người tên Trần Khâm. Người nầy vốn là vua Đại Việt, đang lúc vận nước lung lay thì nhường ngôi cho con rồi lên núi cạo đầu, khoác áo nâu sồng, tự xưng Trúc Lâm đầu-đà. Vị đầu-đà nầy chưa từng buông bỏ thế sự. Ông lên núi Yên Tử lập tịnh xá, tụ tập tín đồ. Lại lấy hiệu là Giác hoàng Điều ngự. Qua danh hiệu nầy cho thấy ông vẫn lưu luyến vương vị chưa nguôi. Tuy xuất gia song vẫn can thiệp triều chánh, ông qua Chiêm Thành lập mối liên minh, đem gả con gái Huyền Trân cho vua Chiêm. Nói tóm lại,

tiếng đầu-đà đó chỉ là tự xưng. Khi ông mất, người ta không kêu đầu-đà nữa, mà đưa ông vô lăng tẩm, tôn thụy hiệu là Trần Nhân tôn.

Qua thế kỷ 20, tới phiên trong Nam mọc ra một… đầu-đà cư sĩ, là ông Trúc Thiên. Bằng chứng là bài thơ tự vịnh theo lối thủ vĩ ngâm nầy:

Trúc Thiên nay đã trúc đầu đà
Gậy vác ngang vai la lý la
Vứt hết sau lưng ba tiếng khóc
Reo vang giữa cuộc một lời ca
Hẹn cùng thế sự câu vô sự
Góp với phồn hoa cảnh giả hoa
Chớ hỏi thị phi nhiều nỗi bận
Trúc Thiên nay đã trúc đầu đà

Đầu-đà thứ ba là anh Lê Anh Tú mới tỏa sáng trên mạng gần đây.

Xin lỗi, he he! Khúc nầy chỉ là nói giỡn thôi, chớ xứ mình xưa nay không hề có truyền thống hành đầu-đà.

Mà nói giỡn kiểu vậy có xóc óc lắm hông ta?

Chú thích

1. Sẵn tiện kể nghe chơi. Tàu có câu ngạn ngữ 同行如敵國. Ông nọ phiên âm là "Đồng hành như địch quốc", rồi thắc mắc: Đã đồng hành sao còn coi nhau như địch quốc? Thiệt ra đó là

"Đồng hàng như địch quốc" (Làm cùng nghề thì ghét nhau như kẻ thù). Còn tại sao ghét nhau như kẻ thù thì cứ coi vụ đụng độ văng cứt giữa hai Youtuber lừng danh Ba Vàng-Giác Ngộ là rõ.

2. Ngoại trừ mỗi bản dịch "Phật thuyết Thập nhị Đầu-đà kinh" của trang Tạng thư Phật học (**https://tangthuphathoc.net/kinh-thap-nhi-dau-da/**) là phiên âm "Hành Đầu-đà", tuyệt không động tới "Hạnh". Nhưng các bài khác cùng chủ đề trên Tạng thư Phật học vẫn kêu là "Hạnh Đầu-đà". Cho thấy việc "gọi Hành là hành" chỉ là quan điểm riêng của người dịch kinh, không phải chủ trương của Tạng thư Phật học.
3. Phật giáo và Công giáo đều xài chữ "Khổ hạnh". Nhưng ngoài Khổ hạnh ra, Công giáo không còn xài thứ "Hạnh" nào khác. Nên "Khổ hạnh" chỉ có thể do Công giáo mượn của Phật giáo.
4. Trúc Thiên (1920-1972): Cư sĩ, học giả, giáo sư Đại học Vạn Hạnh. Tên thật Nguyễn Đức Tiếu, quê ở Nha Trang. Ông đóng góp rất nhiều cho văn học Phật giáo Miền Nam.

   Biên khảo-dịch thuật: Cốt tủy của đạo Phật (NXB An Tiêm, Saigon 1968); Thiền luận (Bộ Thượng - NXB An Tiêm, Saigon 1968); Tuệ Trung ngữ lục (NXB An Tiêm, Saigon 1968); Hiện tượng Krisnamurti (NXB An Tiêm, Saigon 1969); Đường vào hiện sinh (NXB An Tiêm, Saigon 1969); Sáu cửa vào động Thiếu Thất (NXB An Tiêm, Saigon 1969); Chứng đạo ca (NXB Lá Bối, Saigon 1970); Tranh chăn trâu Đại thừa và Thiền tông (NXB An Tiêm, Saigon 1972)...

   Thơ: *Chuyển một hướng say* (NXB An Tiêm, Saigon 1970); Trường ca Kalinga (1965)...

5. Mỹ từ pháp: Cách hành văn bóng bẩy để thêm đẹp câu văn. Sách giáo khoa Ngữ văn Bắc Việt kêu là "biện pháp tu từ" (theo kiểu "Tu từ thủ pháp" 修辭手法 của Tàu).
6. Các phiên âm Pali trong bài là tham khảo từ trang Từ điển Tam tạng Pali **http://anicca.online-dhamma.net/**
7. Theo Đại kinh Saccaka, bài 36.
8. Nói vậy không hề có ý cho khổ hành Bà-la-môn là trái với "chánh đạo", mà chỉ để nhấn mạnh: Thích Ca không khuyến khích khổ hành. Nên nhớ, Bà-la-môn giáo tới nay vẫn phát triển mạnh mẽ. Đầu-đà Bà-la-môn vẫn luôn hiện diện bên sông Hằng. Cồ-đàm rồi A-nan, tới Ma-ha Ca-diếp sau nầy, sở dĩ đều tu khổ hành Bà-la-môn không thành, chỉ có thể là tại căn cơ họ không hợp lối tu nầy.
9. Phần lớn các đoạn kinh trích trong bài viết nầy chưa được dịch ra Việt ngữ, hoặc đã dịch nhưng có phần tối nghĩa tới mức rối rắm. Tôi dịch lại theo chỗ mình hiểu, tới đâu hay đó.
10. Du-già sư địa luận lược toản 瑜伽師地論略纂 (16 quyển): do Khuy Cơ 窺基 soạn vào đời Đường. Sách này chú giải luận Du-già sư địa (瑜伽師地論 Yogācārabhūmi-Śāstra), là tác phẩm quan trọng của tông Pháp tướng, tương truyền do Vô-trước (Asaṅga) chép lại lời giảng của Bồ-tát Di-lặc. Soạn giả Khuy Cơ là cao đồ của sư Huyền trang, và cũng là Sơ tổ của tông Pháp tướng.
11. Kinh Tạp A-hàm 雜阿含經 (Saṃyukta Āgama): Một trong "Tứ A-hàm" (bốn bộ kinh căn bản của Phật giáo sơ kỳ), chứa đựng nhiều giáo lý quan trọng mà Thích Ca dạy các đệ tử khi ông còn tại thế. Về nguồn gốc ban đầu chưa

xác định, phần nhiều học giả cho là kinh nầy do Cầu-na-bạt-đà-la đem từ Ấn Độ qua Tàu. Tạp A-hàm chủ yếu bàn về ngũ uẩn, lục nhập, nhân duyên, tứ điệu đế v.v... tập hợp nhiều kinh văn ngắn và các bài kệ được biên soạn theo tám nhóm, phần lớn tương ứng với các bài kinh của Tương ưng Bộ, vì vậy còn gọi là "Tương ưng A-hàm". Tuy nhiên do nội dung dàn trải đủ thứ nội dung và nhiều phần trùng lặp, nên được đặt tên Tạp A-hàm.

12. Ngay từ đầu, khi mới đặt nền tảng cho phép hành đầu-đà, đã nẩy ra tranh luận thảm khốc trong tăng đoàn nguyên thủy.

Số là lúc đó ảnh hưởng của đầu-đà Bà-la-môn rất sâu đậm. Không chỉ Cồ-đàm, mà cả người em chú bác của ông là A-nan cũng từng tu tập đầu-đà Bà-la-môn. Do ảnh hưởng đó, Đề-bà-đạt-đa (Devadatta), anh ruột A-nan, cũng là người có ảnh hưởng lớn trong tăng đoàn, đã đề xướng năm giới điều cho đầu-đà là: phải khất thực tới cuối đời, mặc phẩn tảo y tới cuối đời, ở ngoài trời tới cuối đời, không ăn bơ sữa và muối tới cuối đời, không ăn thịt cá tới cuối đời (Phật giáo nguyên thủy vốn không buộc tu sĩ ăn chay trường). Thích Ca cho làm vậy là cực đoan. Từ đó nẩy ra tranh luận lớn tới nỗi tăng đoàn rạn nứt (theo bản Hán văn Phật-đà-da-xá [Buddhayaśas] của Trúc-phất-niệm, "Đại chánh tạng" quyển 22).

Theo kinh Tăng-nhứt A-hàm, Đề-bà-đạt-đa sau đó bị kết tội là phạm ngũ nghịch, phá hoại tăng đoàn, giết hại A-la-hán, nên phải đọa địa ngục một đại kiếp (cỡ một ngàn ba trăm triệu năm). Nhưng thiệt ra sau khi Đề-bà-đạt-đa

mất, giáo phái của ông vẫn tồn tại. Sư Pháp Hiển đời Đông Tấn, sư Huyền Trang đời Đường khi qua Ấn Độ làm chứng điều nầy. Huyền Trang nói thêm là giáo phái nầy chỉ tôn thờ ba vị Phật quá khứ, không thờ Thích Ca.

13. Kinh Tăng-nhứt A-hàm (Ekottara Āgama): Một trong "Tứ A-hàm", là tập hợp những bài giảng do Thích Ca tùy thời giáo hóa loài người và chư thiên.
14. Đại thừa Nghĩa chương 大乘義章: Bộ luận thư 20 quyển. Nội dung là những câu hỏi của sư Tuệ Viễn (334-416) và lời giải đáp của Cưu-ma-la-thập (Abhidharma, 344-413). Cuộc vấn đáp nầy đã đối chiếu tư tưởng, văn hóa Trung Hoa với Ấn Độ. Bộ nầy dẫn chứng rộng rãi, nghĩa lý rõ ràng, có thể nói đây là từ điển bách khoa giải thích thuật ngữ Phật giáo.
15. Cầu-na-bạt-đà-la (Guṇabhadra, 394-468): Theo Cao tăng truyện, sư gốc ở Trung Ấn, thuộc giai cấp Bà-la-môn. Lúc trẻ đã thông thạo thiên văn, toán học, y dược, mật chú. Nhân đọc Tạp-a-tỳ-đàm-tâm luận (Saṃyuktābhidharmahṛdaya), bèn quy y Phật pháp. Sau đó ông chuyên tâm nghiền ngẫm hai bộ kinh Hoa nghiêm, Bát nhã, và thọ giới Bồ-tát.

    Lúc đầu ông qua Sri Lanka hoằng pháp, năm 435 tới Quảng Châu (Trung Hoa) nhằm thời Lưu Tống, được Tống Văn đế nghênh đón long trọng.

    Cầu-na-bạt-đà-la tinh thông cả ba tạng pháp điển, dịch nhiều kinh Phật ra tiếng Tàu (tổng cộng 13 bộ, 73 quyển), nhất là bộ kinh Lăng-già ảnh hưởng lớn đến Thiền tông Trung Hoa. Văn dịch của ông tuy lời lẽ chất phác nhưng ý tứ

cao sâu, đã góp phần đặt nền móng cho Phật giáo Trung Hoa.
Bản dịch kinh Thập nhị đầu-đà của ông ở đây: **https://cbetaonline.dila.edu.tw/zh/T0783**

16. "Lục": Tiếng tôn xưng dành cho nhà sư hoặc nam giới đã tu học. Thanh niên Kh'mer tới 15 tuổi là vô chùa tu học. Họ được dạy chữ viết cũng như phong tục Kh'mer, cùng giáo lý Phật giáo Nam tông. Sau đó tùy ý, có thể xin ra hoặc ở lại chùa tu tiếp. Cho dù có xin ra để về sống với đời thường, họ vẫn được kêu là "lục". Người có tiếng "lục" kèm trước tên gọi (thí dụ "lục Kh'en") luôn có uy tín và được bà con kính trọng.
17. Trung A-hàm (Madhyama Āgama): một trong Tứ A-hàm, gồm 15 chương, với 152 bài giảng không dài không ngắn, nên kêu tên làm vậy. Đây là bộ kinh dành cho người căn cơ đã vững.
18. Phạm võng (Brahmajāla Sutta): Bài kinh đầu tiên trong Trường A-hàm, nội dung giảng về các giới luật và chỉ ra các loại tà kiến.
Trường A-hàm kinh (Dīrgha Āgama) là một trong "Tứ a-hàm", tập hợp các bài giảng dài thoòng loòng. Trong đó Thích-ca thuật lại những việc ông đã trải qua trong nhiều kiếp trước. Trường A-hàm trình bày nhiều vấn đề, chứa đựng nhiều giáo lý căn bản, diệu nghĩa sâu xa.
19. Bột đậu nành: Từ đời Đường, người Tàu đã biết chế xà-bông từ đậu nành, có cho thêm tinh dầu, thảo dược dưỡng da. Tới đời Tống lại phát hiện trái bả đậu có hoạt chất giúp tẩy rửa, nên đã có kỹ nghệ làm xà-bông cục từ bột đậu nành với bả đậu.
20. Ba ngàn oai nghi của đại tỳ-kheo 大比丘三千威儀: Sách do sư Tam tạng An Thế Cao đời Hậu Hán (947-950) dịch.

21. Trong "Chu Dịch huyền giải", Nguyễn Duy Cần có kể câu chuyện, đại khái:
"Đạo sư nọ từ bỏ mọi của cải thế gian, trên mình chỉ còn hai cái khố.
Có vị quốc vương hâm mộ, bèn thỉnh đạo sư đến thuyết giảng diệu nghĩa của đức Xả. Đang khi thầy thuyết giảng thì cung điện nhà vua phát hỏa, ngọn lửa bốc cao phừng phừng. Quốc vương vẫn điềm nhiên chăm chú nghe giảng, nhưng đạo sư thì nhảy dựng lên, hộc tốc chạy về hướng cung điện.
Cái khố thứ hai của thầy đang phơi ở gần đó".
Rồi Nguyễn Duy Cần phê là vị quốc vương đã đạt được đức Xả; còn đạo sư nọ tuy tiếng là đã xả bỏ mọi thứ, nhưng vẫn không thể bỏ được cái khố.
Phần tôi lại cho rất có thể "đạo sư" đó là một đầu-đà, sư không thể để cháy y (Nguyễn Duy Cần kêu là khố) vì sợ mang tội với Phật.
22. Thọ trì 受持 (thuật ngữ Phật giáo): Thọ là nhận lãnh, trì là giữ gìn.
23. [Kinh Tỳ-ni Mẫu: Còn gọi Tỳ-ni Mẫu luận 毗尼母論. Gồm 8 quyển, không biết tên người dịch. "Tỳ-ni" có nghĩa là diệt trừ các pháp ác. Kinh nầy có thể định nghĩa chính xác, không ngược với những điều các kinh khác đã nói, nên gọi là kinh Mẫu.
24. Cơ-lê-xá Cồ-đàm-di 機梨舍瞿曇彌 (Kisā-Gotamī): Một góa phụ. Cha mẹ chồng con đều chết hết, bà đau buồn thiếu điều phát điên. Được nghe Thích Ca giảng pháp, bà liền liễu thông Tứ diệu đế, chứng được quả vị. Phật khen là người giỏi giữ giới luật bậc nhứt.
Sở dĩ nói "Mười một trở ngại" là vì thời đó Thích Ca không cho phép tỳ-kheo-ni ngụ trong

A-lan-nhã (để tránh đực cái chung chạ). Nên tỳ-kheo-ni chỉ thực hành 11 phép đầu-đà.

25. Tội đã sám hối thì được bỏ qua, nhưng nếu tái phạm thì tội nhỏ sẽ thành tội vừa vừa, tái phạm nữa thì thành tội nặng.
26. Cụ túc giới 具足戒 (Upasampadā): Giới luật mà thầy chùa phải thọ trì. Khi thọ Cụ túc là chính thức thành tỳ-kheo. Nguyên trong giới luật có 250 giới dành cho tỳ-kheo tăng, 348 giới cho tỳ-kheo ni. Trước đó sa-môn có thể tùy căn cơ mà rút ra năm bẩy giới làm phương tiện tu tập lần lần. Chừng nào giữ được đầy đủ hết thẩy các giới luật đó mới được thọ giới Cụ túc. Kèm theo nhiều điều kiện: tuổi sa-môn đó phải từ 20-70, thân thể tráng kiện, tinh thần khỏe khoắn, có đủ lục căn (không bị mù, câm, điếc, lé...), không có tiền án, đủ tướng xuất gia (không bị gù, niễng). Thọ giới Cụ túc tức là đã đủ sức xa lánh mọi tội ác trong mọi hoàn cảnh. Khi thọ giới Cụ túc, phải có đủ ba thầy truyền giới, bảy vị chứng minh v.v...
27. "Này các tỳ-kheo, hãy tự nhiếp tâm, gìn giữ oai nghi đầy đủ. (...) Thế nào là tỳ-kheo đầy đủ oai nghi? Ở đây, tỳ-kheo khi đi thì biết là đi, dừng thì biết là dừng, quay nhìn tả hữu, co duỗi, cúi ngước, mang y cầm bát, cho đến việc ăn uống, thuốc thang đều không để mất nghi tắc. (...) Đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ hay thức, nói năng hay im lặng đều nhiếp tâm đừng cho loạn động. Đấy gọi là tỳ-kheo đầy đủ oai nghi" (Trường A-hàm, Quyển 1, Kinh Du hành).
28. Chỉ có đầu-đà Trung Hoa chớ không có đầu-đà Trung quốc. Vì sau khi nắm quyền trên toàn Hoa lục, Trung cộng đã cấm mọi hình thức lang thang khất thực khó kiểm soát.

29. Cao tăng truyện 高僧傳: Do sư Tuệ Kiểu soạn vào thời Nam Bắc triều (420-589), chép sự tích 274 thầy chùa nổi tiếng của Tàu từ lúc Phật giáo mới du nhập cho tới đầu nhà Lương. Tới đời Đường, sư Đạo Tuyên lại soạn "Tục cao tăng truyện" 30 quyển. Đời Tống, sư Tán Ninh soạn "Tống cao tăng truyện" 30 quyển. Đời Minh lại có Như Tinh soạn "Đại Minh cao tăng truyện" 8 quyển. Đời sau gộp chung bốn bộ nầy, kêu là "Tứ triều Cao tăng truyện".

NUỐI TIẾC DOANH TRẠI

LBT: *Hãy trở lại với thế giới sách giáo khoa Au Jardin des Lettres.*

ALPHONSE DAUDET,
NGUYỄN KIM NGÂN SB59 chuyển ngữ

Sáng nay, khi những tia sáng bình minh đầu tiên đang ló dạng, tiếng trống nổi lên kinh hoàng làm tôi giật mình tỉnh giấc… Ran plan plan! Ran plan plan!...

Một hồi trống trong rừng thông của tôi vào giờ như thế này ư!... Đây có thể là điều đặc biệt.

Tôi nhảy xuống khỏi giường thật nhanh và chạy ra mở cửa.

Không có ai! Tiếng ồn im bặt… Từ giữa những bụi cây nho dại ướt đẫm, hai hoặc ba chú chim choắt mỏ cong vỗ cánh bay lên… Một chút gió hiu hiu rì rào trong những khóm cây… Về phía đông, trên đỉnh cao thanh thoát của dãy núi Alpilles, dồn đống

một lớp bụi vàng, từ nơi đó mặt trời dần dần xuất hiện..Tia sáng đầu tiên lướt nhẹ qua mái nhà cối xay gió. Cùng lúc đó, chiếc trống, vô hình, bắt đầu vang lên ở ngoài cánh đồng dưới lùm cây… Ran… plan… plan, plan, plan!

Con quỷ dưới lớp da lừa! Tôi đã quên mất thứ đó. Nhưng cuối cùng, cái gã rừng rú nào lại đến đón chào bình minh ở tận sâu trong xó rừng với một cái trống như vậy nhỉ?... Cho dù tôi cố gắng nhìn, tôi cũng chẳng nhìn thấy gì… Chỉ có những bụi oải hương, và những cây thông ngã nghiêng xuống tận bên dưới phía trên đường cái… Có lẽ ở đó, trong lùm cây, có một con yêu tinh nào đó lẫn trốn đang giễu cợt tôi… Chắc đó là Ariel, hay ông chủ Puck. Có lẽ tên kỳ cục này sẽ tự nhủ khi đi ngang qua trước cối xay gió của tôi:

- Ông bạn người Paris này quá im lặng ở trong đó, chúng ta nên đến chiêu đãi một bản hòa nhạc ban mai cho ông ấy thôi.

Ngay tức thì, y cầm lấy một cái trống thật to, và… ran plan,plan!... ran plan plan!... Mi có im không, tên Puck vô lại ơi! mi sẽ đánh thức những chú ve sầu của ta mất.

Không phải là Puck.

Đó là Gouguet Franç ois, biệt hiệu Pistolet, tay trống của trung đoàn 31, và lúc này, y đang nghỉ phép lục cá nguyệt. Pistolet buồn chán ở trong xứ , y đang nhớ nhà, chiếc trống này– khi người ta sẵn lòng cho anh ta mượn nhạc cụ của thị xã – anh buồn rầu đi đánh trống trong khu rừng, đồng thời hồi tưởng đến doanh trại Prince-Eugène.

Hôm nay anh ta đã đến mộng mơ trên chính ngọn đồi nhỏ xanh tươi của tôi… Anh đang có mặt ở đó, đứng tựa vào một gốc thông, trống kẹp giữa hai chân và lòng thỏa thuê thích thú… Những tiếng đập cánh của những chú gà gô hoảng sợ vụt bay ở chân anh nhưng anh chẳng nhìn thấy gì. Hoa *férigoule* tỏa hương thơm lừng xung quanh anh, nhưng anh không ngửi thấy.

Anh cũng không thấy những mạng nhện mỏng manh đu đưa run rẩy dưới ánh nắng mặt trời giữa các nhánh cây, anh cũng không nhìn thấy những lá thông nhảy nhót tung tăng trên mặt trống của anh. Hoàn toàn đắm mình vào giấc mơ và âm nhạc, anh âu yếm nhìn những que trống tung bay nhảy múa và khuôn mặt bành ngớ ngẩn của anh hớn hở thích thú với từng tiếng trống tùng tùng.

Ran plan plan! Ran plan plan!…

“Ôi đẹp biết bao, doanh trại mênh mông

với mảnh sân lát những tấm đá thật to, những hàng cửa sổ thật ngay ngắn, binh lính của nó đầu đội mũ trùm của cảnh sát, và những mái vòm thấp lè tè ngập tràn tiếng ồn của những chiếc gà mèn!...”

Ran plan plan! Ran plan plan!...

“Ồ, chiếc cầu thang kẽo kẹt, những hành lang quét vôi, phòng tập thể có mùi thơm lựng, những dây thắt lưng bóng loáng, bàn dọn bánh mì, những lọ xi đánh giày, những chiếc giường ngủ bằng sắt với chăn đắp màu xám, những cây súng rực sáng trong máng cỏ gia súc!”

Ran plan plan! Ran plan plan!...

“Ồ! Những ngày huy hoàng của đội phòng vệ, những bản đồ làm các ngón tay dính nhựa, con đầm bích gớm ghiếc với những thú vui viết lách, lão già Pigault-Lebrun cô độc đang khật khừ trên giường doanh trại!...

Ran plan plan! Ran plan plan!...

“Ồ! Những đêm dài canh gác ở cửa ra vào các bộ phủ, chòi gác nơi mưa tạt vào, những bàn chân lạnh cóng!... Những chiếc xe dành cho lễ hội bắn bùn tung tóe vào người bạn lúc chúng chạy ngang qua!... Ồi, công việc phục dịch bổ sung, những ngày cắm trại, chậu gỗ hôi thối, tấm ván gối đầu, kèn hiệu báo thức lạnh lùng vào những buổi sáng trời mưa, việc

giải tán hàng quân trong sương mù vào giờ bật khí gaz, tập họp điểm danh buổi chiều lúc mọi người hổn hển mệt nhoài!"

Ran plan plan! Ran plan plan!...

"Ồ! Rừng Vincennes, những đôi găng tay to bằng vải bông trắng, những chuyến đi dạo trên các công sự... Ô! Rào chắn của Quân Trường, những cô gái ranh mãnh, sinh viên của Salon de Mars, rượu ngải đắng trong những quán rượu tồi, những lời tâm sự giữa hai tiếng nấc cụt, những quẹt lửa loé sáng, khúc nhạc tình ca cất cao với một bàn tay trên ngực!..."

Mơ mộng đi, mơ mộng đi, hỡi người đàn ông đáng thương! Không phải tôi cấm đoán anh làm điều đó... ; hãy mạnh dạn gõ trống, hãy gõ lần lượt hai cánh tay. Tôi không có quyền nhìn thấy anh lố bịch.

Nếu bạn nuối tiếc doanh trại của bạn, phần tôi, tôi lại không nuối tiếc doanh trại của tôi hay sao?

Parí̀s của tôi truy đuổi tôi đến tận đây cũng như Paris của bạn. Bạn chơi trống dưới những cây thông ư! Phần tôi, tôi cũng thực hiện bản sao ở đó...

À! Chúng ta cũng là những người Provence tốt bụng biết chừng nào! Kìa, trong những doanh trại của Paris, chúng ta tiếc nuối

dãy núi Alpilles xanh lơ của chúng ta và mùi hương hoang dã của những đám oải hương; bây giờ, tại nơi đây, ngay giữa miền Provence, chúng ta không còn doanh trại, và tất cả những gì nhắc nhớ lại nó đều thân thiết đối với chúng ta biết bao!...

Tám giờ gióng lên ở ngôi làng. Pistolet, tay không rời khỏi que trống, đã bắt đầu đi vào làng ... Mọi người nghe tiếng y vừa đi xuống dưới cánh rừng vừa đánh trống... Riêng tôi, nằm dài trong lớp cỏ, lòng buồn nhớ quê hương, hòa mình vào tiếng trống đang rời xa dần, tôi tưởng mình nhìn thấy toàn thể Paris của tôi đang diễn hành giữa những hàng thông xanh ngắt...

Ôi! Paris... Paris!... Paris muôn thuở!

(Nguyên tác: Nostalgie de caserne (Lettres de mon moulin)

VỀ TÁC GIẢ "CÁI NHÀ LÀ NHÀ CỦA TA"

NGUYỄN VĂN NGHỆ SB74

Tác giả bài hát "Cái nhà" là một Linh mục Công giáo tên là Nguyễn Văn Thích. Linh mục Giuse-Maria Nguyễn Văn Thích sinh ra trong một gia đình nhà Nho tại làng Niêm Phò, tổng Phước Yên, huyện Quảng Điền, Thừa thiên.

Thân sinh linh mục là ông Phó bảng Nguyễn Văn Mại (1858-1945). Phó bảng Nguyễn Văn Mại hiệu là Lô Giang, tự là Tiểu Cao. Cuối đời ông Nguyễn Văn Mại có viết cuốn *Lô Giang tiểu sử* chia làm 4 tập: Xuân, Hạ, Thu, Đông: "để lại cho con cháu, khiến cho chúng biết nhất sinh hành vi của ông cha, có điều thiện thì bắt chước, có điều bất thiện thì tránh, thì tập tiểu sử này, dầu vô ích cho xã hội, cũng có ích cho gia đình vậy" (Lời bài tự).

Trong "Tập lưu niệm về cụ Tiểu Cao và hậu duệ", bà Cao Thị Bích Quy gọi Linh mục Giuse Maria Nguyễn Văn Thích là cậu ruột viết về ông ngoại của mình: "Ông ngoại tôi không phải là một Phật tử. Nếp sống hằng ngày của ông là thuần Nho giáo, có pha tính cách truyền thống dân tộc. Vì thế hầu hết con cháu trong nhà đều sống theo như vậy".

Ông Nguyễn Văn Mại có tất cả 4 bà vợ. Chánh thất là Thân Thị Vỹ (1862-1946). Bà sinh tất cả 6 nam, 4 nữ và Linh mục Nguyễn Văn Thích là con của bà chánh thất. Cũng nhờ cuốn Lô Giang tiểu sử mà chúng ta biết được đôi nét về Linh mục Nguyễn Văn Thích (*Lô Giang tiểu sử* viết bằng chữ Hán, được Nguyễn Hy Xước phụng dịch, có tất cả 242 trang, in ronéo). Trong *Lô Giang tiểu sử* khi thì ghi Văn Thích, lúc thì ghi Hy Thích

Giờ Sửu ngày 20 tháng 8 năm Tân Mão (1891) "con trai là Văn Thích sinh" (trang 65). Nguyễn Văn Thích sinh tại An Nhơn, Bình Định. Thời điểm đó ông Nguyễn Văn Mại làm Tri phủ phủ An Nhơn.

Tháng 11 năm Nhâm Dần (1902), ông Nguyễn Văn Mại từ Quảng Nam được đổi bổ ra Hà Tĩnh, ông đem theo 3 người con là Địch, Thích, Nhã ra Hà Tĩnh và rước thầy dạy: "Trong phòng học ta có viết câu: "Quân

thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ chi luân. Thế gian nhất đại bằng hữu" (trang 112).

Tháng 5 năm Kỷ Dậu (1909): 'Con thứ 2 là Nguyễn Văn Thích đậu Trung học tốt nghiệp" (trang 132).

Tháng giêng năm Tân Hợi (1911) "Con trai thứ 2 là Thích bổ sung trợ giáo chữ Tây trường tỉnh Khánh Hòa" (trang 136). Vào thời điểm ấy ông Nguyễn Văn Mại đang giữ chức Bố chánh là chức quan đầu tỉnh Khánh Hòa. Đến tháng 4 năm Tân Hợi (1911) ông Nguyễn Văn Mại đổi về Kinh. Trường tỉnh Khánh Hòa nằm trong thành Diên Khánh, sau gọi là Trường Tiểu học Khánh Hòa – gần cửa Tây thành Diên Khánh).

Năm Bính Thìn (1916) người em khác mẹ với Nguyễn Văn Thích là Như Ngộ "đậu bằng sơ học tốt nghiệp, bổ trợ giáo nữ học Khánh Hòa, ở cùng anh là Thích, Trợ giáo tỉnh ấy" (trang 168).

Trong thời gian làm Trợ giáo chữ Tây ở Khánh Hòa, thầy Trợ giáo Nguyễn Văn Thích tìm hiểu giáo lý đạo Công Giáo (trước đó khi còn học ở Trường Pellerin [Bình Linh] do các tu sĩ Công giáo đảm trách, trò Nguyễn Văn Thích cũng đã tìm hiểu rồi), nên thường xuyên lui tới với Linh mục Charles Eugène Saulcoy (24/4/1868-5/4/1939) tên Việt là

Ngoan, cha sở Giáo xứ Bình Cang và âm thầm xin gia nhập đạo Công giáo. Lễ Rửa tội được tổ chức tại nhà thờ Bình Cang do Linh mục Saulcoy Ngoan chủ sự và người đỡ đầu là ông Giuse Nguyễn Sen, dân địa phương gọi là ông Mười Sen (ông Mười Sen là ông nội của Linh mục Nguyễn Hữu Phú - DCCT (†) và Linh mục Nguyễn Văn Vĩnh, hiện đang hưu dưỡng tại Nhà Hưu dưỡng các Linh mục Nha Trang.

Sau khi được rửa tội thầy Trợ giáo Nguyễn Văn Thích có bài thơ:

"Bĩ cực rồi thì đến thái lai
Nỗi mừng nửa khóc, nửa vui cười
Muôn vàn cám đội công ơn Chúa
Bao xiết cao rao phước phận tôi
Mấy độ gian nan còn để dạ
Ba năm cầu nguyện đã như lời
Thôi thôi đừng bạn cùng ta nữa
Ôi sự công danh, phú quý ôi!"

Năm Đinh Tỵ (1917) "Con là Văn Thích từ chức Trợ giáo Khánh Hòa, xin vào học tập tại Tu viện An Ninh, tỉnh Quảng Trị. Văn Thích trước học chữ Hán, đã đi thi 2 khoa không đậu. Năm 16 tuổi theo Tây học ở trường dòng Phủ Cam, thuần hiểu đạo lý,

cho nên khi tốt nghiệp xong, theo ta vào Khánh Hòa, liền chịu phép rửa tại nhà thờ Bình Cang. Lúc ở Khánh Hòa bổ sung trợ giáo Pháp tự trường tỉnh, sau xin ra An Ninh tu viện học tập. Trong lúc tự do tín ngưỡng ta không cấm".

Ông Nguyễn Văn Mại nói «trong lúc tự do tín ngưỡng ta không cấm», nhưng sự thật thì không phải như vậy. Nhân dịp mừng thọ Linh mục Giuse-Maria Nguyễn Văn Thích 70 tuổi, người em gái là Nguyễn Thị Thiếu Hải có bài vè *Về việc Cha Thích đi tu*:

"Trong nhà dùi gậy, ba toong
Rút ra đánh hết chẳng còn cái mô
Chị em ai nấy sững sờ
Lính tráng, vú bõ không ai rờ cháo cơm
...
Lâu ngày chầy tháng thiu thiu
Giả lơ, giả lãng cũng chiều lòng con"

Việc Trợ giáo Nguyễn Văn Thích xin vào tu tại tiểu Chủng viện An Ninh được linh mục Henri Denis Thuận (sau là Đấng sáng lập Dòng Đức Bà An Nam ở Phước Sơn, Quảng Trị) khi ấy làm Cha giáo Tiểu Chủng viện An Ninh kể trong lá thư gởi về cho mẹ kế bên Pháp: ''Kính thăm mẹ rất dấu yêu, học trò

con đã tề tựu rồi, năm nay có một chú xuất sắc. Thường học sinh mới vào thì nhỏ mà chú thì đã 28 tuổi! Đó là vị giáo sư Pháp văn trường trung học nhà nước, đã xin từ chức về nhập học chủng viện. Luật chung không nhận những trò như thế, vì đã có tuổi lại là bổn đạo tân tòng, mới chịu phép Thánh tẩy được sáu năm. Song Đức Cha đã mở rộng tay hết sức vì chú đầy công nghiệp. Ông thân sinh chú là cựu Tuần phủ Quảng Trị, làm hết cách không cho chú trở lại; sai lính đánh đòn, tống vào ngục thất, cấm cố v.v. Xử với chú một cách tàn nhẫn. Mặc lòng chú đã thắng trận toàn công, cứ xin trở lại và ăn ở như một đấng thánh. chú đã chịu khó nhọc vì đạo, dùng lời nói, chữ viết mà bênh đạo. Đang đóng vai một giáo sư trường công, lương bổng hậu, mà chú từ bỏ hết! Các chi tiết ấy làm cho chủng viện ôm mối hy vọng rất lớn: Địa phận sẽ được một vị linh mục thánh" (Di ngôn Cha Biển Đức Thuận, Đấng sáng lập Hội Dòng Xitô Thánh Gia (1880-1933), Phước Sơn 2018 Lưu hành nội bộ, trang 49).

Sau khi Văn Thích xin vào tu ở Tiểu Chủng viện An Ninh thì Như Ngộ cũng xin đổi ra Trường nữ học Hà Tĩnh nơi người anh rể trưởng là Tôn Thất Phán đang làm Đốc học Hà Tĩnh (sđd trang 172).

Tháng 7 năm Mậu Ngọ (1918) "Như Ngộ từ Hà Tĩnh về nghỉ hè, cắt tóc vào tu nhà dòng Kim long". Theo Lô Giang tiểu sử cho biết trong thời gian Như Ngộ ở với anh là Văn Thích ở Khánh Hòa "cũng tiêm nhiễm tôn giáo" (sđd trang 174)

Lúc đầu Như Ngộ vào tu Dòng Kín Carmel Kim Long nhưng do thường xuyên bệnh nên chuyển sang tu Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm và đổi tên thành Như Ngọc, tên thánh là Agnès.

Tháng 8 năm Giáp Tý (1924) "Con trai là Văn Thích học đạo tại tu viện An Ninh được phong chức linh mục" (sđd trang 192).

Ngày 18/12/1926 tại nhà thờ Phủ Cam, Giám mục Eugène-Marie Allys Lý đã truyền chức linh mục cho 7 thầy Phó tế trong đó có thầy Phó tế Nguyễn Văn Thích. Bấy giờ linh mục Nguyễn Văn Thích được 35 tuổi và làm Kitô hữu được 15 năm.

Linh mục Nguyễn Văn Thích là một nhà giáo xuất sắc, dạy học ở nhiều trường Trung học và Đại học. Linh mục là một nhà thơ, nhà báo (bút hiệu Sảng Đình; phụ trách tờ báo *Vì Chúa*); là hoạ sĩ, nhạc sĩ thời danh. Ngoài ra Linh mục Nguyễn Văn Thích là Tuyên uý hướng đạo sinh.

Linh mục Nguyễn Văn Thích qua đời vào ngày 10/12/1978.

CÁI NHÀ

J-M THÍCH

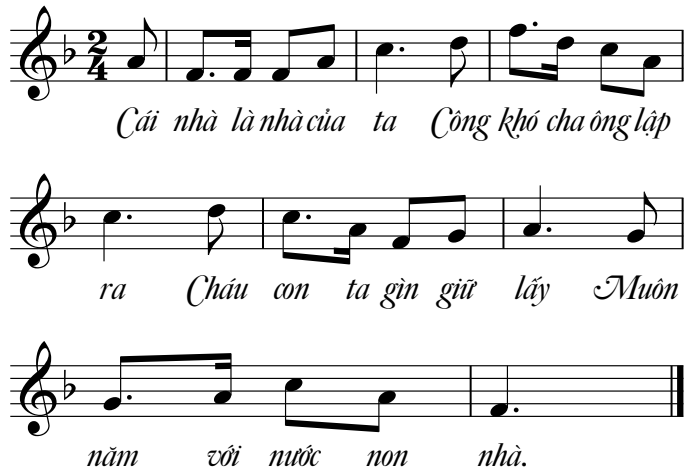



NGUỒN THẬT

J-M THÍCH

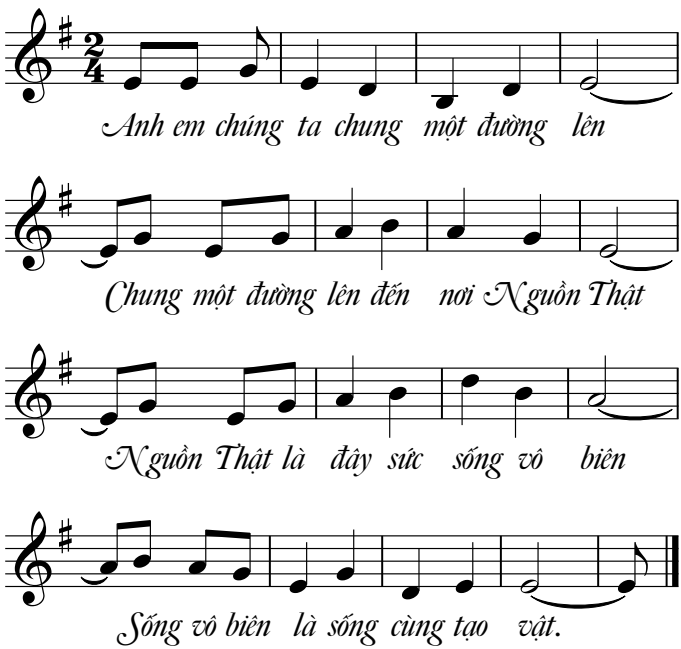

GÓP MẶT TRONG SỐ NÀY
LÊ HỒNG BẢO SB72 • TRẦN AN TỊCH SB68 • VÕ HẠNH SB69 • NGUYỄN VĂN NGHỆ SB74 • TIỂU VŨ • NGUYỄN NGỌC NAM PHONG • NGUYỄN ĐÌNH NGHI SB67 • NGUYỄN LỤC KHOA SB67 • PHẠM VĂN HIỀN SB74 • LÊ VĨNH HUY • HUỲNH VĂN LANG • NGUYỄN KIM NGÂN SB59 • TRẦN CÔNG KHANH SB67 • NGUYỄN TRỌNG HƯƠNG SB67 • ĐOÀN XUÂN HÙNG SB74 • THẾ HY SB72